

TẠP CHÍ

SỐ 403

# VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

TUỆ GIÁC  
VÔ THƯỢNG

PHÁT BỒ ĐỀ TÂM CỦA  
ĐỨC VUA TRẦN THÁI TÔNG



PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER  
TRÔNG NGÔI NHÀ CHUNG  
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



Đức Phật dạy:  
“Cửa yếu vào đạo trước phải phát tâm  
Việc yếu tu hành, trước nên lập nguyện”.

---

(Kinh Hoa Nghiêm)

**PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU VÀ GIỮA THÁNG**

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT  
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**  
**TT. Thích Phước Nghiêm**

Biên tập **Trương Ứng Minh**  
**Trần Hoài Vũ**

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Trần Ngọc Huỳnh**  
**Mai Phương Nam**  
**Châu Quốc Hùng**  
**Quách Minh Triết**

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**  
**0944 020 802**

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**  
Liên hệ **0886 424 842**



**Tòa soạn**

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969  
Email: toasoanhvpg@gmail.com  
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

**Tên tài khoản:**

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo  
Số tài khoản: 0071001053555  
Ngân hàng Vietcombank,  
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 304/GP. BTTTT

Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang  
Q. Tân Phú, TP. HCM

**CHỦ ĐỀ: TUỆ GIÁC VÔ THƯỢNG**

- 6 Phát Bồ đề tâm của đức vua Trần Thái Tông (TT. Thích Phước Đạt)
- 14 Tăng Bảo là mạng mạch của Phật pháp (SC. Thích Nữ Liên Thuận)
- 20 Tu tập trong lành và đơn giản (Cao Huy Hóa)

**PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI**

- 28 Phật giáo Nam tông Khmer trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam (HT. Đào Như)
- 32 Khắc phục nạn phá rừng dưới góc nhìn Giới không sát sanh của Phật giáo (ĐĐ. Thích Tâm Tín)
- 42 Hệ phái Khất sĩ Việt Nam trong dòng chảy thời đại (Vĩnh Thông)
- 48 Định nghĩa cõi Tịnh Độ theo các kinh và tiến trình lịch sử kết tập Kinh A Di Đà (Tỳ kheo ni Thích Nữ Hạnh Liên)

**PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG**

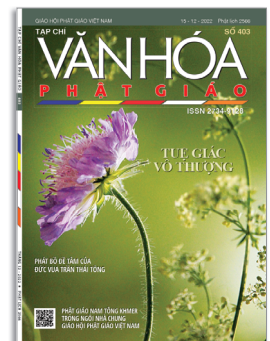
- 56 Điểm tương đồng và dị biệt của hai tạp chí Phật giáo Viên Âm và Đuốc Tuệ (ĐĐ. Thích Thiện Mẫn)
- 64 Khảo sát mộc bản Niệm Phật Công Cứ tại Tổ đình Tường Vân (Thừa Thiên-Huế) (ĐĐ. Thích Nhật Tấn)
- 70 Tinh thần nhập thế của Thiền sư Thích Nhất Hạnh (SC. Thích Nữ Nguyên Hoa)

**PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ**

- 80 Sáu mươi hai tà kiến được mô tả trong Kinh Phạm Võng (SC. Thích Nữ Thánh Thảo)
- 88 Lợi ích Bồ đề tâm trong tác phẩm Bodhicaryāvatāra của Sāntideva (ĐĐ. Thích Quang Tuệ)

**GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:**

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



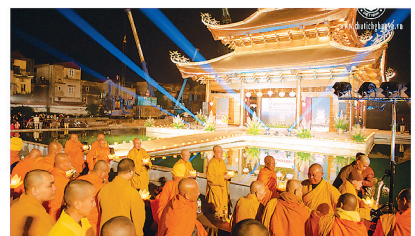
Ý tưởng Bìa: Ngọc Huỳnh  
Thiết kế: Phương Nam

# HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG

ĐẠI TƯỚNG  
TÔ LÂM  
THĂM  
ĐỨC PHÁP CHỦ  
VÀ HÒA THƯỢNG  
CHỦ TỊCH HĐQT  
GHPGVN



ĐẠI LỄ CẦU SIÊU VÀ CẦU QUỐC THÁI DÂN AN  
TẠI CHÙA BÁI ĐÌNH, NINH BÌNH



KHÁNH THÀNH 2 NGÔI BẢO THÁP  
KỶ LÂN SƠN TỰ (CHÙA BẠC)  
TẠI PHỐ CỔ HOA LƯ - NINH BÌNH



**TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI TƯỚNG NIỆM LẦN THỨ 29 NGÀY VIÊN TỊCH CỦA ĐỨC ĐỆ NHẤT PHÁP CHỦ**



**TƯỚNG NIỆM TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH THANH KIỂM TẠI CHÙA VĨNH AN - NAM ĐỊNH**



**MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG TỪ THIỆN TIÊU BIỂU**



# THƯ TÒA SOẠN

Quý độc giả thân mến!

Bồ đề tâm hay giác tâm là tâm hướng về giác ngộ, tâm an trú trong giác ngộ, tâm của sự giác ngộ. *Kinh Đại Tỳ Lô Giá Na* dạy rằng: “*Lấy Bồ đề tâm làm nhân, đại bi làm căn bản, phương tiện làm cứu cánh*”. Ví như người đi xa, trước phải nhận định mục tiêu sẽ đến, ý thức chủ đích cuộc hành trình và sau đó, dùng phương tiện để đến đó.

Trong *Kinh Hoa Nghiêm* (phẩm Ly Thế gian), Đức Phật dạy: “*Quên mất Bồ đề tâm tu các thiện căn đây là ma nghiệp*”. Bồ đề tâm là tâm giác ngộ. Hạt giống Bồ đề chính là ở ngay tâm mình, không ở đâu xa. Tâm có hiểu biết tức là có giác, là tính Bồ đề sẵn trong đó.

Muốn phát Bồ đề tâm, xa rời ma nghiệp mà siêng cầu Phật đạo, ta cần quán sát để phát tâm thiết thực và hành động đúng tâm nguyện giải thoát ấy trong đời tu. Nếu dụng công khổ nhọc mà quên sót mục tiêu cầu thành Phật đạo thì bao nhiêu hạnh lành chỉ đem đến kết quả hưởng phước thêm một chút, chung cuộc vẫn qua lại trong lục đạo luân hồi, chẳng thể tự giác giác tha.

Vậy ai cũng có thể phát tâm Bồ đề, không phân biệt nam nữ, già trẻ, lớn nhỏ, chủng tộc, màu da. Tâm-căn-trần tương liên với nhau. Khi tâm sẵn phiền não mà ai tới làm phiền, tự nhiên lửa sân bùng lên. Tâm vui vẻ, lạc quan thì người có muốn làm ta giận cũng không làm được. Hóa ra tu Phật không phải khó, chỉ cần nhìn theo tâm Phật, tâm Bồ đề, cuộc đời sẽ chuyển hóa tốt đẹp.

Nhân câu chuyện này, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo 403 với chủ đề “Phát tâm Bồ đề” để cùng bàn luận, chia sẻ sâu hơn về khái niệm và việc làm thế nào để phát triển Bồ đề tâm một cách đúng đắn, sáng suốt nhất.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo



# TUỆ GIÁC VÔ THƯỢNG



# PHÁT BỒ ĐỀ TÂM



## *CỦA ĐỨC VUA TRẦN THÁI TÔNG*

**TT. Thích Phước Đạt\***



**K**hông phải ngẫu nhiên Lễ bộ Thượng thư Đông các Đại học sĩ kiêm Quốc tử giám tế tửu, tri Kinh diên sự, Đôn Thư bá, Trụ quốc, Lê Tung vâng theo sắc chỉ biên soạn *Việt giám thông khảo tổng luận*, có đoạn viết rằng: *Trần Thái Tông ứng mệnh trời trao cho, nhận Chiêu Hoàng nhường ngôi, có đức nhân hậu, có tính giản dị chắc chắn, đánh giặc yên dân, mở khoa thi lấy người giỏi. Tế tướng thì chọn người tôn thất hiền năng, triều đình thì định ra lễ nghi hình luật, chế độ nhà Trần do đây hưng thịnh”* [1].

Rõ ràng, lời nhận định trên đã cho chúng ta cái nhìn khá khách quan lịch sử trong tiến trình dựng nước và giữ nước. Việc vua Trần Thái Tông lên ngôi báu khai sáng ra triều đại nhà Trần đã đáp ứng nhu cầu cấp thiết của đất nước bấy giờ. Một là thân giang sơn về một mối, thống nhất từ trong ý chí thể hiện qua hành động. Hai là trên dưới đồng lòng, cùng nhau xây dựng phát triển đất nước thịnh vượng và bảo vệ vững chắc các thành quả đạt được với bất cứ thế lực nào cố tình đe dọa. Ngoài việc thực hiện trọn vẹn hai mục tiêu đề ra, vua Trần Thái Tông còn đặt cho mình một nhiệm vụ hết sức trọng đại cần được đề cập là Ngài chủ trương đặt nền móng thống nhất các thiền phái hiện có như: Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, tiến đến sát nhập và hình thành dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử duy nhất đời Trần. Cơ sở để vua Trần Thái Tông hoàn thành mọi sứ mệnh trên là nhờ sự phát đại Bồ đề tâm. Ngài đã lập chí nguyện với đại tâm giác ngộ muốn cứu độ chúng sinh là hướng đến Niết bàn hạnh phúc trong hiện tại.

Hay nói một cách chính xác và cụ thể, người khai sáng ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là Trần Nhân Tông làm đệ nhất Tổ, nhưng người có công đặt nền móng thiết lập cho Thiền phái Trúc Lâm phát triển, truyền thừa từ mô hình tổ chức cho đến nội dung tư

tập hành trì, tất cả đều mang tính độc lập và thể hiện bản sắc dân tộc là Trần Thái Tông. Sự kiện ra đời dòng thiền này có ý nghĩa rất lớn, đáp ứng nhu cầu lịch sử của dân tộc là xây dựng một đất nước Đại Việt độc lập tự chủ, không chỉ được xác định trên cương thổ biên giới về địa lý mà còn độc lập tự chủ trên mọi phương diện lĩnh vực chính trị - kinh tế - văn hoá và ngay cả tôn giáo. Thế nên, dù trong cương vị Hoàng đế hay Thái thượng hoàng, hay vị Thiền sư,

Ngài luôn khát khao thiết lập dòng thiền mới mang tính cách Đại Việt và thật phù hợp với bối cảnh lịch sử dân tộc đã sang trang và tình hình phát triển của đất nước.

Hướng giải thoát  
của theo Trần Thái Tông chủ  
trương là hướng đi đích thực của  
truyền thống Giới - Định - Tuệ mà Thế  
Tôn và các bậc thánh đã đi qua, và về  
sau Thiếu Thất (Đạt Ma), Tào Khê  
(Lục Tổ) chứng đạt.

Theo Nguyễn Duy Hinh, Thiền phái Trúc Lâm ra đời dựa trên hai tiền đề xã hội và tôn giáo hình thành trong hoàn cảnh lịch sử nước nhà.

Về mặt xã hội, nhà Trần trong buổi đầu mới thành lập, công việc cấp bách thiết thực nhất đặt ra trước mắt các nhà lãnh đạo tối cao là xây dựng một ý thức hệ độc lập thống nhất gồm 4 mục đích chính:

1. Thoát khỏi sự lệ thuộc chặt chẽ về ý thức hệ với nước ngoài để xử lý hoàn toàn mọi cơ sở của nước xâm lược.
2. Làm cơ sở tư tưởng thống nhất ý thức dân tộc về mặt chính trị để củng cố sự thống nhất dân tộc một bước nữa.
3. Làm công cụ thống nhất quyền lực vào chính quyền Trung ương, tức quy tụ vào họ Trần.
4. Làm phương diện giải quyết các mâu thuẫn nội bộ dân tộc chủ yếu là giai cấp lãnh đạo và đông đảo nhân dân nhằm duy trì một trật tự xã hội, cũng tức là duy trì ngai vàng của dòng họ.

Về tôn giáo, nhà Trần lựa chọn Thiền tông làm ý thức hệ tiêu biểu, nhưng cần thay đổi nội dung của các thiền phái để đáp ứng các yêu cầu căn bản như đã nói trên. Vì thế, nhà Trần chủ trương lập ra một Thiền phái có nội dung tư tưởng độc lập, thể hiện

đúng tinh thần bản sắc dân tộc hơn, hướng đến các mục tiêu sau:

1. Tự phân biệt với Thiền tông ở Trung Quốc biểu lộ tính độc lập.
2. Thay đổi một phần nội dung tiêu cực và thân ngoại quốc của các Thiền tông trong nước.
3. Vượt lên trên sự khác biệt của tất cả các tông phái Phật giáo cũng như các tín ngưỡng phi Phật giáo để nhằm thống nhất ý thức hệ. Không chịu trách nhiệm về sự khác biệt và đùng độ đã xảy ra trong lịch sử giữa các phái Thiền tông với nhau cũng như Thiền tông với các tín ngưỡng khác, do đó thu hút các tín ngưỡng khác.
4. Tự khoác cho mình chiếc áo một tôn giáo mới - tuy rằng thực tế chỉ là một phái, với đầy đủ các yếu tố để thu phục quần chúng [2].



Cảnh giới giác ngộ là cảnh giới của một tâm thức bừng sáng.

Thực tế, tư tưởng lập Thiền phái mới được manh nha từ khi Phật giáo có chủ trương mới, nhập thế, tùy tục, tùy duyên nhưng bất biến để đáp ứng các yêu cầu lịch sử dân tộc đặt ra của một đất nước vừa độc lập và đang thực hiện thống nhất trên mọi phương diện. Là ông vua đầu tiên nhà Trần, dưới cái nhìn của một nhà chính trị, Trần Thái Tông càng cương quyết thực hiện ý tưởng đó. Khi chấp nhận lời khuyên của Quốc sư Phù Vân như là quan điểm chính trị phục vụ đạo pháp và dân tộc: “*Phàm làm đấng quân nhân thì phải lấy ý muốn thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm thiên hạ làm tâm của mình*” thì ý tưởng thống nhất các thiền phái thành “*Phật giáo Nhất tông*” [3] là điều tiên quyết đối với sứ mệnh quốc gia và cả đạo pháp.

Dưới ảnh hưởng và uy tín của nhà vua vào thế kỷ thứ XIII, ba Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường đã theo thời gian lịch sử, dần dần sát nhập khiến cho Thiền phái Yên Tử thành Thiền phái Trúc Lâm duy nhất đời Trần, thống nhất tất cả các thiền phái thời bấy giờ. Người khai sáng ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là Trần Nhân Tông, mệnh danh là Trúc Lâm Đại Đầu đà Điều ngự Giác hoàng, nhưng người có công đặt nền móng cho Thiền phái Trúc Lâm phát triển từ mô hình tổ chức cho đến nội dung tu tập hành trì là Trần Thái Tông.

Trần Thái Tông đã thực hiện hoài bão của mình kể từ ngày Ngài trở về kinh đô nắm giữ triều đại, tuy nhiên Ngài vẫn chuyên tâm nghiên tầm kinh điển Phật và cả Nho suốt gần 10 năm trời. Ngài đã nỗ lực công phu tu tập, hành trì và cuối cùng cũng chứng ngộ, Trần Thái Tông bừng sáng lý nghĩa *Kinh Kim Cương*, một bản kinh giới thiệu trí tuệ giải thoát có thể giúp hành giả thấy rõ thực tướng của vạn hữu, xuất hiện từ sự dập tắt các ngã tướng bao gồm ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, pháp tướng, phi pháp tướng, tướng, phi tướng. Hay nói cách khác, Ngài đã trực ngộ bản *Kinh Kim Cương* ở chỗ cốt yếu: “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*”. Xem ra, từ chỗ trực ngộ này, Trần Thái Tông đã sáng tác bài *Thiền tông chỉ nam* có lẽ nhằm trình bày sở đắc của mình trong quá trình nghiên cứu kinh điển Thiền tông, thực tập công phu hành trì. Chúng ta cũng có thể hiểu cái trí tuệ mà Trần Thái Tông sở ngộ đó chính là kim chỉ nam của Thiền tông, như ánh sáng rọi soi vào rừng Thiền. Sự chứng đắc, sở ngộ của các Thiền sư thực chất là sự

chứng đắc, sở ngộ không tính của vạn pháp, hay nói cách khác là chứng đắc thực tướng vô tướng của mọi hiện hữu vạn pháp. Suy cho cùng, đó là Vô ngã tính, hay Duyên khởi tính được soi rọi từ cái nhìn trí tuệ chân thực.

Rõ ràng, công phu các thiền gia chứng ngộ bao giờ cũng giác tỉnh an trú tâm vào tâm không dính mắc vào bất cứ điều gì hiện hữu trên đời. Chính cái tâm “*Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm*” mà *Kinh Kim Cang* nói đến đã làm khai mở trí tuệ vua Trần Thái Tông như đã từng khai mở trí tuệ ngài Huệ Năng xưa kia. Trong *Kinh Kim Cang*, hành giả Tu Bồ Đề thỉnh câu Đức Phật lý giải người phát tâm vô thượng Bồ đề, làm thế nào an trụ và làm sao hàng phục cái tâm ấy? Chính Thế Tôn đã chỉ dạy phương pháp an trú tâm ấy là: “*Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm*” [4]. Nghĩa là, hành giả phát tâm vô thượng Bồ đề không nên trụ nơi sắc mà sanh tâm, không nên trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp mà sanh tâm ấy. Tâm vô trụ ấy là tâm vô thượng Bồ đề.

Xem ra, bất cứ hành giả nào khi tiếp cận với sáu trần mà còn bị hệ lụy bởi tâm tham ái và chấp thủ thì chưa an trụ và hàng phục tâm. Thực tế, một tâm không trụ chỗ nào hết là cái tâm chân thật, tâm thanh tịnh. Khi hành giả tiếp cận các pháp trần thì khởi niệm giác tỉnh vô ngã tướng ngay giữa lòng đời. Như vậy để thăng chứng, người hành giả cần phải nuôi dưỡng cái tâm vô trụ bằng công phu phát triển định và tuệ. Điểm này thật phù hợp với kinh điển Nikaya mà Đức Phật đã tuyên thuyết qua tinh thần *Kinh Tứ Niệm Xứ*: “*Chú tâm, tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác, không trú trước vào bất cứ điều gì ở đời*”.

Con đường đó trở thành kim chỉ nam của Ngài để đi vào thế giới công phu thiền quán. Ngài khuyến cáo mọi người cần phải giữ sáu căn thanh tịnh khi tiếp xúc sáu trần qua phương pháp thực hành sám hối. Sám hối là hình thức phản tỉnh để tịnh hoá tâm thức ra khỏi vùng tâm thức bị rối loạn vì chúng bị chất chứa các



“Chú tâm, tinh cần, chánh niệm, tỉnh giác, không trú trước vào bất cứ điều gì ở đời”.

hạt giống tham sân si nên không an trú trong định và không phát huệ được. Cho nên Trần Thái Tông mới biên soạn khoa nghi sám hối để “*tự làm lợi cho mình để làm lợi cho người ta*”, mục đích là trở về tự tánh vốn thanh tịnh trong sáng không bị cấu nhiễm bởi các trần. Ngài viết: “*Phàm những nghiệp chướng tích tụ đều do sáu căn tạo thành, cho nên Thích Ca Văn Phật khi chưa thành đạo trước tiên phải vào Tuyết Sơn tu hành khổ hạnh trong sáu năm, cũng vì sáu căn đó. Vậy Trẫm phỏng theo ý ấy, chia sáu căn thành sáu thì, mỗi thì sám hối một căn. Trẫm tự tay viết ra lời sám, gọi là Lục thì lễ Phật sám hối khoa nghi*” [5].

Và như thế công phu thiền quán theo Trần Thái Tông là phải giác tỉnh sáu căn thường xuyên tiếp xúc sáu trần gây ra các nghiệp tội lỗi. Điều đáng nói thời đó, sau khi Đại tạng kinh từ Trung Hoa được thỉnh về đã khoa nghi sám hối như *Lương Hoàng sám, Từ bi thủy sám* văn đã có, nhưng Trần Thái Tông vẫn trước tác ra khoa nghi sám hối riêng biệt cho mình và người dân Đại Việt như càng khẳng định ý thức tự chủ của dân tộc trên con đường thực nghiệm tâm linh. Lại nữa, theo Trần Thái Tông đề công phu thiền quán để tiến sâu vào định căn phải thực thi hành trì giới luật. Vai trò của giới luật vô cùng to lớn trong việc làm hoá hiện các điều thiện xuất phát từ một tâm thức thanh tịnh, nó cũng có công năng làm huỷ diệt các hạt giống bất thiện có nguy cơ nảy mầm, nhờ giữ giới mà hành giả có thể an định tâm đến bờ giác ngộ. Trong bài “*Thụ giới luận*” (Luận về thụ giới), Trần Thái Tông viết: “*Kinh nói rằng: Giới như mặt đất bằng, mọi điều thiện từ đó sinh ra. Giới như thầy thuốc giỏi chữa được các bệnh. Giới như hạt minh châu, phá vỡ mọi tối tăm. Giới như thuyền bè, vượt qua bể khổ. Giới như chuỗi ngọc làm pháp thân trang nghiêm. Kẻ có tội cần sám hối. Nếu không sám hối, tội càng sâu thêm. Một lần bỏ mất thân mình thì muôn kiếp không thể tìm lại. Ngày nay tuy yên, mai sau khó giữ. Vậy nên giữ phép này, vượt mau qua đường sanh tử; thờ Phật làm thầy, trước hết tuân theo giới luật. Bạc cổ đức có nói: qua sông nên dùng mảng, đến bến hết cần thuyền. Như vậy, người xưa coi giới là thuyền mảng. Ngày nay, những người không dùng phương tiện đó qua sông mà tới được bờ bên kia là thì thật hiếm vậy*” [6].

Trên bước đường tiến sâu vào định giải thoát tuệ giác, công phu tọa thiền sẽ hỗ trợ sẽ làm cho định lực phát sinh, từ đó tuệ sinh khởi. Mỗi bước đi của việc tụng kinh trì giới tọa thiền là mỗi bước đi tiến sâu hướng vào miền đất an lạc, giải thoát. Hướng giải thoát của theo Trần Thái Tông chủ trương là hướng đi đích thực của truyền thống Giới - Định - Tuệ mà Thế Tôn và các bậc Thánh đã đi qua và về sau Thiếu Thất (Đạt Ma), Tào Khê (Lục Tổ) chứng đạt. Đúng như Trần Thái Tông viết trong *Khoá hư lục*: “*Người học đạo chỉ cốt thấy bản tính, tuy chịu tất cả mọi tịnh giới mà không ngòai thiên thì định lực không sinh và người có trí tuệ được phát sinh từ định lực, nếu như tâm định thì gương tuệ phát sinh*” [7]. Cũng chính hướng đi này về sau Tuệ Trung Thượng sĩ, Trần Nhân Tông đã khai mở

dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử phát triển, đi vào lòng dân tộc.

Tại đây, chúng ta có thể nói nội dung tư tưởng triết lý của Thiền phái Trúc Lâm Yên tử đều dựa vào *Khoá hư lục* như là một nền tảng để các vị Tổ dòng thiền này lấy đó làm kim chỉ nam sáng lập và truyền thừa. Nếu Trần Thái Tông là người manh nha kết cấu, đặt nền tảng thì Trần Nhân Tông là người đầu tiên làm cho phái Thiền Trúc Lâm thăng hoá, sống mãi với thời gian, không gian trên mảnh đất Việt Nam thân thương này. Thông qua việc khảo sát các văn bản nói trên, chúng ta có thể nhận định các vấn đề lý luận cũng như hành trì được đặt ra để lý giải và thực nghiệm tâm linh của Thiền phái Nhất tông này, về cơ bản đều đồng nhất với quan điểm tư tưởng Trần Thái Tông đưa ra trong *Khoá hư lục*. Chẳng hạn như bàn về cảnh giới giác ngộ, Tâm Phật và chúng sanh không khác, phương thức hành thiền, thế giới khổ đau và con đường giải thoát khổ đau, xây dựng nếp sống hướng thượng, nhân sinh quan Phật giáo... Tất cả các phẩm kinh điển của các hành giả nói trên đều có chung chí hướng cùng một quan điểm lập trường.

Rõ ràng, cảnh giới giác ngộ là cảnh giới của một tâm thức bừng sáng. Bách Trượng Tổ sư nói “*Đất lòng nếu rộng không, thì mặt trời tự nhiên tự chiếu sáng, như mây vén mặt trời hiện*”. Tâm tức Phật chẳng có gì phải bàn phải tu thêm nữa! Một cái tâm thanh tịnh thì xả ly hết mọi vọng niệm, đây cũng chính là cảnh giới Tứ thiền như Kinh tạng Pali thường diễn đạt. Đây cũng là của Phật, cảnh giới của vô tướng, vô ngã siêu việt như như bất động của một tâm thức vắng lặng ngay giữa trần thế, đó chính là Phật sống. Thế nên sự chuyển hoá tâm thức trong mỗi con người ai cũng có thể trực nhận và chứng đắc. Tâm Phật và tâm chúng sanh chẳng dị đồng. Chân lý thực tại chẳng ở đâu xa, không thể truy tìm từ bên ngoài mà ngay trong tâm thức của mỗi cá nhân hiện hữu. Trần Thái Tông từng thọ giáo ý chỉ của Quốc sư Phù Vân: “*Trong núi vốn không có Phật, Phật chỉ có trong tâm*” thì đệ nhất tổ Trúc Lâm Trần Nhân Tông thì phát biểu trong bài “*Cư trần lạc đạo phú*”: “*Vậy mới hay, Bụt ở trong nhà. Chẳng phải tìm xa, Nhân khuấy bốn nên ta tìm Bụt, Đến cốc hay chín Bụt là ta*” [8].

Trần Nhân Tông đã triển khai tư tưởng thiền học Trần Thái Tông thật là sinh động và và thật rõ ràng

theo quan điểm của người Việt Nam khi tiếp nhận tư tưởng Phật học. Cuộc sống vốn biến động không ngừng, con người hiểu đạo tùy duyên theo đó mà sống để an vui. Khi tiếp xúc với trần cảnh lòng vẫn tĩnh lặng, an trú trong chánh niệm tĩnh giác mà bừng sáng giác ngộ. Con đường bước vào cảnh giới giác ngộ không gì khác hơn trở về tự tính chân như. Trong nhiều bài viết của mình, Ngài đã thường nhắc đến vấn đề kiến tính. Khái niệm “Tính” được ông diễn đạt bằng nhiều ngôn từ khác nhau như Bản tính, Pháp tính, Phật tính, Chân tâm, Chân như... Kiến tính là thấy rõ bản tánh chân thật của mình, thấy rõ chân tâm, con đường đi đến giác ngộ giải thoát. Đây cũng là nguyên lý mà trong Thiền tông thường được diễn đạt bằng hình tượng quen thuộc như trong bài *Phổ Khuyết Bồ đề tâm văn*, Trần Thái Tông nói: “*Do thấy ánh sáng trí tuệ, phản chiếu lại mình thấy được tính mà thành Phật.*”

Thế nên, cuộc hành trình chứng ngộ tâm linh mà Trần Thái Tông đi qua, suy cho cùng là sự phản tỉnh để hồi đầu, để trực ngộ thấy rõ tâm tính của mình bằng cách chuyên chú hành trì theo Ngài là “*biện tâm*”. Trong *Kinh Pháp cú*, *Phẩm Tâm* cũng chỉ rõ biện tâm là uốn nắn cho tâm thẳng là điều phục tâm, phòng hộ tâm, an trú tâm, khiến tâm trở nhu nhuyễn trong sáng thanh tịnh không cấu nhiễm bởi các ham muốn dục lạc, sự si mê và thù hận. Cho nên, trong tác phẩm *Khoá*

*hư lục*, Ngài đã thường xuyên cảnh tỉnh mọi người dù vương hầu bá tước hay thường dân đưng có hệ lụy về danh sắc, âm thanh, đường nét, tiền tài,... Cuộc đời như giấc mộng phù du, cần xem nhẹ như tơ hồng. Trong bài *Phổ Khuyết Bồ đề tâm*, Ngài cũng khuyến cáo mọi người thật chân tình: “*Rõ ràng thay, ngày tháng trăm năm chỉ là phút chốc. Cái ảo thân tứ đại há được dài lâu. Càng ngày càng đắm trần lao, mỗi lúc mỗi vương nghiệp thức. Chẳng hiểu biết sự viên minh của một tính, chỉ buông tuồng cái tham dục của sáu căn. Công danh rất mực chỉ là giấc mộng to, phú quý hơn người cũng tránh vô thường hai chữ. Cật mình cậy nó, rút cuộc thành không; khoe giỏi khoe tài, cuối cùng chẳng thực: “Gió lửa tan tàn kể chi già trẻ, Núi khe mòn mỏi biết mấy anh hùng”*[9].

Theo Trần Thái Tông sự cảnh tỉnh này cần phải được người tu hành thực thi trong tâm thức mỗi phút mỗi giây, ở mọi hoàn cảnh qua việc thực tập thiền định. Trong *Toạ thiền luận*, ông đã bàn về 4 loại thiền: Thiền ngoại đạo, Thiền phàm phu, Thiền tiểu thừa, Thiền đại thừa. Tuy nhiên, Ngài khuyến cáo mọi người nên tu pháp thiền đại thừa mà thôi, vì nó có khả năng thấu đạt cả hai lý nhân không và pháp không. Trần Thái Tông giải thích công năng ngồi thiền là dứt bỏ hết mọi mọi niệm và mọi kiến giải: “*Thử tập toạ thiền tức niệm, vật sanh kiến giải*”.

---

Sự chứng đắc, sở ngộ của các Thiền sư thực chất là sự chứng đắc, sở ngộ không tính của vạn pháp, hay nói cách khác là chứng đắc thực tướng vô tướng của mọi hiện hữu vạn pháp. Suy cho cùng, đó là Vô ngã tính, hay Duyên khởi tính được soi rọi từ cái nhìn trí tuệ chân thực.



Điều này cho thấy còn sanh bất cứ kiến giải nào thì đó chỉ là hí luận thôi. Thế nên, vấn đề là thể nhập thực tại qua việc hành trì. Tu định là một loại hành trì chuyên hoá thân tâm. Trong bài *Tuệ giáo giám luận*, Trần Thái Tông viết: “*Nói chung tuệ sinh ra từ định lực. Nếu như tâm định thì gương tuệ sinh; nếu tâm loạn thì gương tuệ mất. Cũng như chiếc gương đồng, trước hết phải lau chùi sau mới trong treo chiếu sáng. Nhược bằng không lau chùi thì rêu bụi mờ tối. Đã mờ tối ánh sáng sinh ra sao được? Cho nên biết rằng tuệ xuất hiện từ định; định nảy sinh từ tuệ. Định và tuệ nương tựa nhau, không bỏ sót một bên nào*” [10].

Nhờ tinh thần này, dù ai có sống trong hoàng cung cảnh đời giàu sang cũng không đắm chìm trong trong dục lạc, luôn làm tròn bổn phận với dân và đồng thời thành tựu sự nghiệp giải thoát giác ngộ. Trần Thái Tông là ông vua cũng là nhà triết lý kiêm thiền sư, cuộc đời của Ngài là cuộc trải nghiệm kinh qua sự phú quý, công danh, tiền bạc, vợ đẹp con thơ, cung phi mỹ nữ và ông cũng trải qua nhiều năm tháng thực nghiệm cuộc hành trình hướng nội, chuyển dẫn nội tâm từ sự tán loạn sang định tĩnh, từ chỗ đắm say các dục vọng ngoại cảnh chuyển sang trạng thái bất động sáng suốt, từ chỗ thô tháo, khó sử dụng đến chỗ nhu nhuyễn dễ sử dụng, hướng tâm đến đâu là tùy theo tâm nguyện của mình. Tất cả là nhờ sự công phu thiền định, chuyển tâm, phòng hộ tâm, biện tâm mà phát sanh trí tuệ chứng ngộ.

Suy cho cùng sự thai nghén của Trần Thái Tông ra Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và sự hoàng pháp của Ngài đã hun đúc ra một lớp người lãnh đạo của đất nước kế tiếp là Trần Thánh Tông, Tuệ Trung Thượng sĩ, Trần Nhân Tông và một số tướng lãnh quan lại hướng dẫn mọi người dân thực hiện con đường chuyên hoá thân tâm bằng con đường hướng nội. Chính Thiền hướng nội và biện tâm Trần Thái Tông đã tạo nên sức mạnh tổng hợp đoàn kết toàn dân trong đời sống thiết thực xã hội, cũng như đời sống chính trị kinh tế xã hội của đất nước. Tất cả chỉ vì niềm tin, vì lý tưởng phụng đạo yêu nước, vì ai cũng muốn thể hiện “*ý muốn của mình là ý muốn thiên hạ, tâm lòng của mình là tâm lòng của thiên hạ*” mà Trần Thái Tông chủ trương thực hiện.

Cũng vì tôn chỉ và mục đích thiết thực của Thiền phái Trúc Lâm là thống nhất và mang bản sắc dân

tộc như thế, nên càng ngày nó càng cắm sâu trong lòng dân chúng. Nó không chỉ tồn tại trong các ngôi chùa nguy nga mỹ lệ mà nó có thể hoạt động bất cứ nơi nào dù thành thị, nông thôn, chợ búa hay núi non hiểm trở, thậm chí nó còn phát huy ngay giữa chiến trường để đối đầu với giặc Nguyên Mông. Trần Thái Tông chủ trương Phật tại tâm, và không phân biệt tăng tục, nam nữ, và bất cứ thành phần nào trong xã hội đều có thể trở thành thành viên thiền phái, với một tấm lòng “*chỉ cốt yếu biện tâm*”.

Nhờ vậy, những vị vua như Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, chưa từng xuất gia đã trở thành thiền sư lỗi lạc, những cư sĩ như Tuệ Trung Thượng sĩ, Thông Thiên, Ứng Thuận... Các Ngài cũng trở thành những bậc cao minh đặc đạo được các Thiền sư nổi tiếng đương thời tôn vinh làm Tổ sư dạy thiền cho hậu thế. Nếu Trần Nhân Tông được nhân dân Đại Việt tôn xưng là Phật Biến Chiếu Tôn của nước Đại Việt bấy giờ, thì vua Trần Thái Tông là người xứng đáng là được tôn vinh là “*Bồ Đuốc Thiền tông*”, đặt nền móng cho Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử này mầm, và phát triển truyền thừa trong lịch sử Phật giáo nước nhà. Sự nghiệp hoằng dương Chánh pháp của ông mãi mãi được khắc sâu vào tận con tim khối óc cõi lòng người con Phật Việt Nam đã và đang sống trên khắp hành tinh này.

### Chú thích:

\* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Phước Đạt - Ủy viên Thường trực Hội đồng Trị sự, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

[1] *Đại Việt sử ký toàn thư*, Tập II, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1998, tr.124.

[2] Ủy ban Khoa học Xã hội - Viện Sử học (1981), *Tìm hiểu Xã hội Việt Nam thời Lý-Trần*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.648 - 650.

[3] Nguyễn Lang (1974), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Tập I, Lá Bối, Sài Gòn, tr.218.

[4] Thích Thanh Từ (1999), *Kinh Kim Cang Giảng giải*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, tr.18 - 88

[5] Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý-Trần* (Tập II), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.157-158

[6] Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý-Trần* (Tập II), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.81-82

[7] Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý-Trần* (Tập II), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.87-90

[8] Lê Mạnh Thát (2000), *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb. TP. Hồ Chí Minh, tr.406.

[9] Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý-Trần* (Tập II), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.61-65.

[10] Viện Văn học (1989), *Thơ văn Lý-Trần* (Tập II), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.89-90.

# NGÃM

## Chu Giang Phong

Những lời Phật dạy thấm tâm  
Việc thiện lành ta âm thầm làm thôi  
Lẽ yêu ghét mặc ở đời  
Lòng tham xả bỏ ta rời sân si.

Khi mãn báo còn lại gì  
Đó là tội phước được ghi rõ ràng  
Lẽ đời vốn dĩ công bằng  
Luật nhân quả ta phải mang bên mình.

Chén trà thơm ngát bình minh  
Ngẫm lời Phật dạy tử sinh nhẹ lòng  
Tâm ta nở đóa sen hồng  
Thân này là đã tịnh không giữa đời.



# NGỌC SÁNG TRONG HOA SEN

## Tịnh Bình



Hôi đường chi mây trắng  
Gót phiêu du ngàn nhà  
Chẳng đi cùng chẳng đến  
Hóa độ khắp hàng sa

Mắt xanh từ nhãn thị  
Bình bát y ca sa  
Chẳng dơ cùng chẳng sạch  
Nâu bùn mọc liền hoa

Tâm tự viên ngọc sáng  
Thân trong sạch hoa sen  
Chẳng thêm cùng chẳng bớt  
Thấp cao hay sang hèn

Từ bi và trí tuệ  
Quy mạng Lưỡng Túc Tôn  
Om!  
Mật ngôn âm huyền nhiệm  
Mani - Padme - Hum...





# TĂNG BẢO LÀ MẠNG MẠCH CỦA PHẬT PHÁP

**SC. Thích Nữ Liên Thuận**

**Tóm tắt:** Tăng hay Tăng đoàn là phiên âm từ chữ Saṅgha (Pali) hoặc Saṃgha (Sanskrit), có nghĩa là một nhóm người, một hội chúng sinh hoạt trong cùng một mục đích, một quy luật chung. Về sau, khi đoàn thể đệ tử của Thế Tôn ra đời, danh từ Tăng đoàn thường dùng để chỉ hội chúng xuất gia của Thế Tôn, gồm: Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Thức xoa ma na, Sa di, Sa di Ni. Do đó, Tăng hay Tăng đoàn còn được gọi là Tăng bảo, ngôi báu thứ ba trong ba ngôi báu Phật, Pháp, Tăng. Tăng đoàn là những người sống với đời sống hoà hợp, để hỗ trợ cho nhau thực hiện đời sống giải thoát và giác ngộ, đồng thời làm chỗ nương tựa cho chúng sinh tu học.

**Từ khóa:** Tăng bảo, xuất gia, lục hòa.

## SỰ RA ĐỜI CỦA TĂNG BẢO

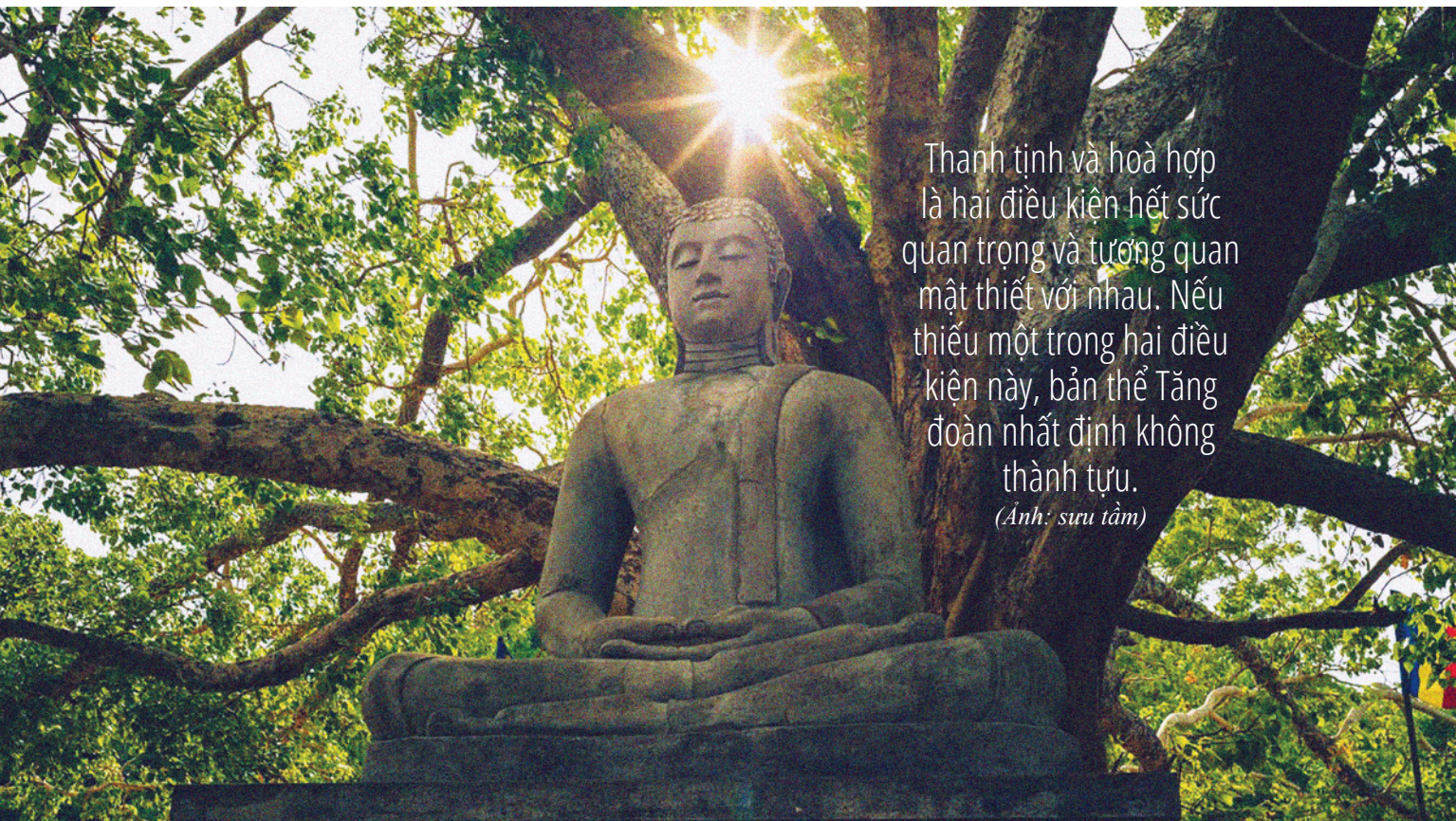
Khi ánh sao mai vừa tỏ rạng cũng là lúc Đức Phật thành tựu chân lý tối thượng. Ngài nhìn về chúng sinh rồi thiên quán, Đức Phật thấy chúng sinh đang trầm luân trong sinh tử, bị che đậy một lớp bụi dày của vô minh. Thương tưởng hàng chúng sinh trong lục đạo, Đức Thế Tôn rời khỏi cõi Bồ đề đem nguồn chân lý hoá độ quần sinh. Đầu tiên, Ngài tìm đến năm anh em Kiều Trần Như để khai thuyết cho họ về pháp Tứ đế, Duyên khởi, Bát chánh đạo... Kể từ đây, giáo pháp được hình thành và Tăng bảo cũng khởi nguyên từ đó.

Tăng Bảo tiếng phạn là Saṅgha, Trung Hoa dịch là Tăng đoàn, nghĩa là một đoàn thể sống với đời sống hoà hợp, thanh tịnh, hỗ trợ nhau thực hiện đời sống giải thoát giác ngộ. Chính đời sống như vậy, Tăng bảo có thể trở thành mảnh đất trù phú cho mọi người gieo trồng hạt giống phước đức và làm nền tảng cho mọi đời sống phạm hạnh, tiến bộ tâm linh. Tăng bảo là ngôi báu thứ ba trong ba ngôi báu Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo. Đồng thời, hội chúng của Tăng bảo gồm: Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Thức xoa, Sa di, Sa di Ni, từ 4 vị Tỳ kheo trở lên.



Phật giáo cũng tiếp thu những tinh hoa văn hóa, văn minh để phù hợp với thời đại. Người tu sĩ an nhiên, bình tâm kiểm tra con đường mình đang đi, cái đích mà mình hướng tới mà quay về với nội tâm tu học để kiến tạo ngôi nhà Phật pháp trang nghiêm, cửu trụ trên thế gian.





Thanh tịnh và hoà hợp là hai điều kiện hết sức quan trọng và tương quan mật thiết với nhau. Nếu thiếu một trong hai điều kiện này, bản thể Tăng đoàn nhất định không thành tựu.

(Ảnh: sưu tầm)

Sau khi Tăng đoàn đã đủ lớn mạnh, Đức Phật dạy các hàng Tỳ kheo: *“Này các Tỳ kheo, hãy đi đi, đi khắp nơi vì lợi lạc và hạnh phúc của số đông, do lòng từ bi đối với cuộc đời, vì lợi lạc và hạnh phúc của trời và người. Chớ đi hai người chung đường với nhau. Này các Tỳ kheo, hãy thuyết giảng giáo pháp cao thượng ở lúc khởi đầu và cao thượng ở lúc giữa, cao thượng ở lúc cuối trong tâm trí và trong ngôn từ. Hãy rao giảng sự toàn hảo viên mãn, đời sống thanh tịnh của trạng thái cao cả. Có những kẻ mà trí óc chỉ bị che mờ bởi đôi chút bụi bặm, nhưng nếu không được giải thoát: những kẻ ấy sẽ hiểu pháp”* (Mahāvagga I, 11- Đại phẩm).

Năm tháng trôi qua, bước chân trần của Đức Phật đã rảo bước

khắp mảnh đất linh thiêng Ấn Độ, ánh đạo vàng đã chiếu sáng khắp năm châu bằng nhiều phương tiện khác nhau, hoá độ cho những con người khác nhau, từ những hoàn cảnh khác nhau, để rồi dẫn dắt nhân loại trở về với chánh đạo. Và rồi suốt 45 năm hoàng hoá độ sinh, kim tướng của Đức Phật không còn nữa trên cuộc đời. Chánh pháp được hàng Tăng bảo duy trì và phát huy hưng thịnh, lưu truyền mãi trên cõi đời.

### THANH TỊNH VÀ HÒA HỢP

Tăng bảo với sứ mệnh là *“Sứ giả của Như Lai”*, đồng thời phải trau dồi Giới - Định - Tuệ, bởi đây là cầm nang giúp hành giả gạn lọc thân tâm, diệt trừ dục vọng, nhổ sạch tham ái vô minh, đi qua bên kia bờ sinh tử và đạt đến giải thoát. Đây là di sản vô giá mà Đức Thế

Tôn đã tìm ra. Từ đó, có đủ khả năng và trách nhiệm truyền tải giáo lý từ bi, trí tuệ, vô ngã, vị tha của Đức Phật vào quảng đại quần chúng. Thành phần Tăng bảo là những bậc hảo tâm xuất gia với hành động vị tha vô ngã, luôn ý niệm về sự giải thoát và dẫn dắt chúng sinh xa rời những giả tạm của cuộc đời. Bởi vậy hạnh nguyện của các vị luôn là:

*“Huỷ hình thủ khí tiết  
Cát ái từ sở thân  
Xuất gia hoàng thánh đạo  
Thệ độ nhất thiết nhân”*.

Nói đến Tăng đoàn Phật giáo, người ta nghĩ ngay đến hai đặc tính tiêu biểu là *“thanh tịnh và hoà hợp”*. Trên cơ sở y cứ vào giới luật mà hai tính chất này mãi tồn tại trong Tăng đoàn, giúp Phật giáo thăng hoa trong suốt



Tăng Bảo tiếng phạn là Saṅgha, Trung Hoa dịch là Tăng đoàn, nghĩa là một đoàn thể sống với đời sống hoà hợp, thanh tịnh, hỗ trợ nhau thực hiện đời sống giải thoát giác ngộ. (Ảnh: phatgiao.org.vn)

chiều dài lịch sử. Chính bởi sự thanh tịnh và hoà hợp này mà vua Pasenadi sau nhiều lần chứng kiến lối sinh hoạt của Tăng đoàn phải thoát lên lời kính phục: “... Bạch Đức Thế Tôn vua chúa thường tranh chấp với vua chúa, Sát để lợi thường cãi lộn với Sát để lợi, bạn bè thường hơn thua với bạn bè. Còn ở đây con thấy các thầy Tỳ kheo sống với nhau rất thuận hoà thân hữu, không cãi lộn nhau, hoà hợp như nước với sữa, nhìn nhau bằng cặp mắt ái kính, Bạch Đức Thế Tôn ngoài ra con không thấy một phạm hạnh nào khác viên mãn hoà hợp thanh tịnh như thế” (Trung Bộ Kinh II, Kinh Pháp Trang Nghiêm).

Thanh tịnh và hoà hợp là hai điều kiện hết sức quan trọng và tương quan mật thiết với nhau.

Nếu thiếu một trong hai điều kiện này, bản thể Tăng đoàn nhất định không thành tựu. Cho nên, trong *Kinh Tăng Chi III*, Đức Phật dạy: “*Này các Tỳ kheo, từ thi có thể bị ném vào đại dương, nhưng đại dương không bao giờ dung chứa từ thi. Nó nhanh chóng bị đẩy vào bờ và quăng lên đất khô. Cũng vậy, nếu Tỳ kheo nào không giữ được hạnh thanh tịnh thì Tăng thân sẽ không sống chung với kẻ ấy hãy nhanh chóng tỵ hợp loại kẻ ấy ra. Dù kẻ ấy có ngồi giữa tăng chúng kẻ ấy cũng xa rời tăng chúng và tăng chúng cũng không ôm trọn kẻ ấy*”.

Tỳ kheo là một hành giả mang sứ mạng giữ gìn kho báu của Đức Thế Tôn đã gầy dựng, vì thế đòi hỏi phải có một tư lương vững chãi. Giáo pháp Đức Phật đòi hỏi

sự nỗ lực thực hành và sự toàn diện đạo đức của mỗi cá nhân là nét đẹp trang nghiêm cho đoàn thể. Mỗi vị Tăng, Ni sống đúng như giới luật Phật chế là nguồn năng lực vô biên cho sự lớn mạnh của Tăng đoàn thanh tịnh. “*Trú pháp vương gia, trì Như Lai tạng*” chính là bản nguyện xưa nay của bao thế hệ Tăng Ni, sống trong nhà Như Lai, mặc áo Như Lai và ngồi tòa Như Lai. Đây vừa là con đường đạo vừa là mục đích sống, cũng là trách nhiệm của mỗi hành giả đệ tử Phật. Tất cả ngồi lại với nhau trong tinh thần hoà hợp và thanh tịnh, luôn luôn phấn tỉnh để cùng nhau làm sống lại hình bóng giải thoát thanh tịnh của Tăng đoàn. Điều đó giúp Phật pháp trường tồn ở thế gian, trở thành một giáo đoàn gương mẫu của nhân loại.

Thiết nghĩ, từ khi Đức Thế Tôn nhập Niết bàn đến nay đã trải qua bao xuân thu mà Tăng đoàn Phật giáo vẫn bền vững tồn tại giữa muôn ngàn thăng trầm biến đổi. Điều này chứng tỏ tinh thần tu học của Tăng Ni ngày càng tỏa sáng. Cho nên trách nhiệm xây dựng và bảo vệ ngôi nhà chánh pháp đều tùy thuộc vào sự tu học của Tăng đoàn, nếu Tăng sĩ biết trưởng dưỡng đạo tâm, hằng sống trong giới hạnh và chánh pháp, biết đoàn kết hoà hợp thì ngôi nhà đạo pháp ngày một trang nghiêm. Mỗi quan hệ giữa trưởng dưỡng đạo tâm và đoàn kết hoà hợp là mối quan hệ hữu cơ và biện chứng. Cả hai hình thành nền tảng và khung sườn cho ngôi nhà đạo pháp được đứng vững. Mỗi Tăng Ni là một viên gạch hình thành ngôi nhà Phật pháp và mỗi bức tường chính là Tăng đoàn, gạch mà không đủ chất lượng thì sẽ làm sụp đổ ngôi nhà đạo pháp. Và ngược lại, những viên gạch đó nếu đầy đủ chất lượng: “*Thân hòa đồng trú, giới hoà đồng tu, khẩu hoà vô tránh, ý hoà đồng diệt, kiến hòa đồng giải,*

*lợi hoà đồng quân*” thì ngôi nhà đạo pháp ngày một xương minh và vững chãi trong vòng xoay chuyển nhân sinh.

Thực tại hôm nay, chúng ta đang sống trong thời đại cách mạng công nghiệp 4.0, khoa học kỹ thuật cùng thông tin đại chúng phát triển mạnh mẽ. Bao cám dỗ từ những vật chất xa hoa lộng lẫy của nhân thế như cơn thác lũ ập đến. Phật giáo cũng tiếp thu những tinh hoa văn hóa, văn minh để phù hợp với thời đại. Người tu sĩ an nhiên, bình tâm kiểm tra con đường mình đang đi, cái đích mà mình hướng tới mà quay về với nội tâm tu học để kiến tạo ngôi nhà Phật pháp trang nghiêm, cử trụ trên thế gian.

### KẾT LUẬN

Phật giáo có mặt trong lịch sử nhân loại đã hơn 2.600 năm, nhìn những chặng đường đi qua Phật giáo đã định hình rõ nét chỗ đứng của mình trong kho tàng trí tuệ nhân loại. Tất cả chính nhờ sự nỗ lực tu học không ngừng của Tăng

đoàn và xây dựng tinh thần Bồ thí pháp đem lời Phật dạy đến với tất cả mọi người hay nói cách khác là hạnh nguyện: “*Hoằng pháp vi gia vụ, lợi sinh vi sự nghiệp*”. Tinh thần dẫn thân sâu sắc ở Tăng đoàn là bản hoài của mọi Tăng sĩ đệ tử Phật. Trong biển khổ cuộc đời, Đức Phật là vị Đạo sư, giáo pháp như là thuyền tốt và Tăng Ni là những người chèo thuyền, là người lái đò đưa khách sang đến bờ giác ngộ giải thoát. Mỗi bước chân Tăng sĩ sẽ in trên đất tâm của mọi người sự an lạc và thành thoi. Vậy nên, Tăng bảo đóng vai trò rất lớn trong việc xây dựng và bảo vệ ngôi nhà chánh pháp. Bên cạnh việc nuôi dưỡng đạo tâm, sống chánh niệm, tinh thức, Tăng đoàn còn lan tỏa chánh pháp đến khắp năm châu, đưa chúng sinh từ mê sang ngộ giữa những cám dỗ của cuộc đời, trong thế giới ngũ trược đầy đau khổ này. Ánh sáng Tăng bảo là chìa khoá mở ra tất cả cánh cửa cuộc đời, là nơi cho chúng sinh cảm thấy bình an để nương tựa khi gặp phải chướng duyên trong cuộc sống, là nơi khai ngộ cho chúng sinh thấy được sự giải thoát của thế sự phù hoa mà quay về giải thoát, là mạng mạch của Phật pháp tỏa sáng không ngừng trong dòng chảy của thế nhân. Cho nên, sứ mệnh của Tăng đoàn vô cùng cao quý và trọng đại.

### Tài liệu tham khảo:

1. Thích Chơn Thiện (2009), *Phật học khái luận*, Nxb. Phương Đông.
2. Thích Chơn Thiện (2019), *Tăng già thời Đức Phật*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
3. Quảng Tánh (biên soạn, 2011), *Lời Phật dạy*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
4. Trần Phương Lan (dịch, 1997), *Đức Phật lịch sử*, Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.
5. Thích Trung Hậu - Thích Hải Ân (sưu tập và giới thiệu, 2009), *Đức Phật Thích Ca đã xuất hiện như thế*, Nxb. Văn hoá Sài Gòn.

Mỗi vị Tăng, Ni sống đúng như giới luật Phật chế là nguồn năng lực vô biên cho sự lớn mạnh của Tăng đoàn thanh tịnh. “Trú pháp vương gia, trì Như Lai tạng” chính là bản nguyện xưa nay của bao thế hệ Tăng Ni, sống trong nhà Như Lai, mặc áo Như Lai và ngồi tòa Như Lai. Đây vừa là con đường đạo vừa là mục đích sống, cũng là trách nhiệm của mỗi hành giả đệ tử Phật.

# VÌ CUỘC ĐỜI QUÁ NGẮN

**Bình An**

Vì cuộc đời quá ngắn  
Mông manh như cánh chuồn  
Nên trái tim chi đủ  
Chứa những điều yêu thương

Vì cuộc đời quá ngắn  
Mình dặn mình chữ buông  
Không bận tâm vương vấn  
Những sân si vọng cuồng

Vì cuộc đời quá ngắn  
Bao cay đắng muộn phiền  
Đem bỏ miền hoang vắng  
Đất cằn. Mầm không lên.

Vì cuộc đời quá ngắn  
Nên gặp gỡ là duyên  
Lấy chân thành đổi đãi  
Đâu cần nghĩ nhiều hơn

Vì cuộc đời quá ngắn  
Mở vòng tay dịu êm  
Trao nhau niềm vui sống  
Hoa đời ngát hương thơm

Vì cuộc đời quá ngắn  
Thôi lừa lọc đại khôn  
Thiện lương ươm đấng mát  
Nuôi ánh nhìn xanh non.



# DƯỚI CỘI BỒ ĐỀ



**Nguyễn Thánh Ngã**

Xứ Ấn - 15 ngày thao thức  
Quý giữa đạo tràng bát ngát mùi hương  
Chiếc lá rơi như bàn tay vô ảnh  
Từ a-tăng-kỳ kiếp gởi niềm thương

Con xúc động ngẫm ơn Ngài cao rộng  
Từ bốn cửa thành đau khổ lâm ly  
Đến lễ Hạ điền càng thêm mãnh liệt  
Khiến tâm hồn thái tử quyết ra đi

Cao quý thay! Cuộc ra đi vĩ đại  
Từ bỏ ngôi cao châu báu hơn người  
Bỏ trong Ngài đã khởi tâm vô lượng  
Lấp lánh muôn sao và chấn động phương trời...

Trải bao cao nhân tin yêu mời gọi  
Ngài vẫn chưa thôi ý chí thoát trần  
Sáu năm ép xác dưới rừng già khổ hạnh  
Một bát sữa dâng đường trung đạo xuất thân

Dưới cội Bồ đề ánh hào quang chiếu sáng  
Dẫn dắt chúng sanh ra khỏi luân hồi  
Con có duyên gì mà được quý chiêm ngắm  
Hình ảnh Ngài thuở thành đạo tỉnh khô...

TUỆ GIÁC VÔ THƯỢNG

# TU TẬP TRONG LÀNH



## VA ĐƠN GIẢN



Cao Huy Hóa (dịch)

**T**hực hành Tịnh độ là đơn giản. Cách tu tập này không yêu cầu hành giả phải được học về tư tưởng Phật giáo hoặc đặc biệt về giới, về thiền hoặc kỹ luật tâm linh. Tịnh độ phù hợp với những người có cuộc sống bận rộn, phù hợp với những người đang đấu tranh với những thói quen tự hủy hoại mình hoặc thất vọng, tức giận, buồn bã, rối loạn, cũng như đối với những người tràn đầy niềm vui trong cuộc sống. Tịnh độ kết nối chúng ta với vẻ đẹp trên thế giới, đầy nghệ thuật và thơ ca, nuôi dưỡng lòng biết ơn đối với tất cả những gì chúng ta nhận được và khôi phục niềm tin căn bản.

Nguồn gốc của pháp môn Tịnh độ nằm trong những lời dạy của Đức Phật Thích Ca dành cho cư sĩ và lòng sùng kính mà mọi người hướng về Ngài trong và sau cuộc đời của Ngài. Những người phổ biến rộng rãi cách tu tập này - *Shan Tao* (Thiền Đạo Đại sư) ở Trung Quốc thế kỷ thứ VII và *Honen Shonin* (Pháp Nhiên Đại sư) ở Nhật Bản thế kỷ XII, cùng những vị thầy, môn đồ và cộng sự - đó là những người sống đời sống Phật giáo mẫu mực và tiếp thu toàn bộ giáo lý Phật giáo, nhưng đã chọn cách thực hành này để mọi người bình thường có thể tiếp cận được, bất kể hoàn cảnh, phẩm hạnh cá nhân, giới tính, địa vị hay lịch sử của họ là gì. Những đạo sư này đã sống trong thời kỳ đen tối và mang đến hy vọng cho nhân gian.

*Honen Shonin* chứng kiến cha mình bị giết trong cuộc nội chiến. Ông lo lắng cho số phận của mẹ mình, một người Triều Tiên nhập cư. Ông đã bị sốc bởi những gì nhìn thấy về sự tàn bạo của con người trong cuộc nổi dậy Hogen (1156). Ông hiểu rằng nhiều người bị mắc kẹt trong những điều kiện xã hội áp bức mà họ không thể làm được gì cả. Ông đã thiết lập môn phái niệm Phật (*nembutsu*), niệm danh hiệu

của Đức Phật, như một thực hành của tình liên đới và niềm an ủi cho những người bị áp bức.

Những câu hỏi trọng tâm của Phật giáo Tịnh độ là từ xa xưa và phổ quát: Làm thế nào chúng ta có thể đặt mình trong mối quan hệ với tình thương vô điều kiện và sống một cuộc sống cởi mở, tự nhiên, từ bi và đầy tin tưởng, với giả thiết rằng, chúng ta chỉ là những con người bình thường đang sống trong một thế giới, như Đức Phật đã dạy, bùng cháy bởi tham, sân, si? Bản thân chúng ta không miễn nhiễm: Chúng ta là một phần của thế giới này. Chúng ta không thể vượt ra ngoài những lo lắng và những mối quan tâm nhỏ nhất làm rối loạn cuộc sống bình thường, nhưng chúng ta cũng là một phần có mong ước cao hơn nhằm bồi cho phúc lợi của tất cả chúng sinh, khi năng lực có hạn và đã bị hư hỏng bởi nghiệp không biết từ đâu?

Tụng kinh là một phương pháp thực hành mang mọi người đến gần nhau hơn, ngay cả khi nó qua một liên kết video.

### BA YẾU TỐ CỐT LÕI

1) Trong Phật giáo Tịnh độ, **tình thương vô điều kiện** lớn lao mà chúng ta trực cảm được thể hiện ở Đức Phật A Di Đà, vị Phật Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Quang. Trong Phật giáo Đại thừa, trong đó Tịnh độ là một bộ phận, có một ý thức mạnh mẽ rằng bản thể của Đức Phật không phải chỉ giới hạn ở một nơi và một khoảng thời gian duy nhất mà là hiện hữu trên toàn vũ trụ, truyền cảm hứng và mang lại lợi ích cho chúng ta. Đây được gọi là báo thân của Đức Phật. Trong Tịnh độ, giác ngộ không phải là quá sức để đạt được bằng thành tựu cá nhân, mà là thứ liên tục tắm gội chúng ta, một thứ ánh sáng cho thế giới đã được ban cho bởi sự hiện diện vô hạn của chư Phật và giáo pháp.

2/ Thứ hai, trái ngược với trực giác hừng khởi này, thực hành Tịnh độ cũng bắt đầu với sự thừa nhận rằng, bản thân không thể hiện một cách hoàn hảo

Yếu tố cốt lõi của giáo pháp là giáo lý Duyên khởi. Mọi thứ phát sinh từ nguyên nhân và điều kiện, có nghĩa là mọi thứ chúng-ta-đang-là và mọi thứ chúng ta có đều phụ thuộc vào những thứ khác mà chúng ta có thể bày tỏ lòng biết ơn. Niệm Phật là cách để làm điều đó - một cách không chỉ tạ ơn trong hoàn cảnh cụ thể mà còn đồng thời, chỉ trong sáu âm tiết, chúng ta cầu khẩn và kết nối tất cả những người liên quan đến trí tuệ và lòng từ bi vô hạn của chư Phật.



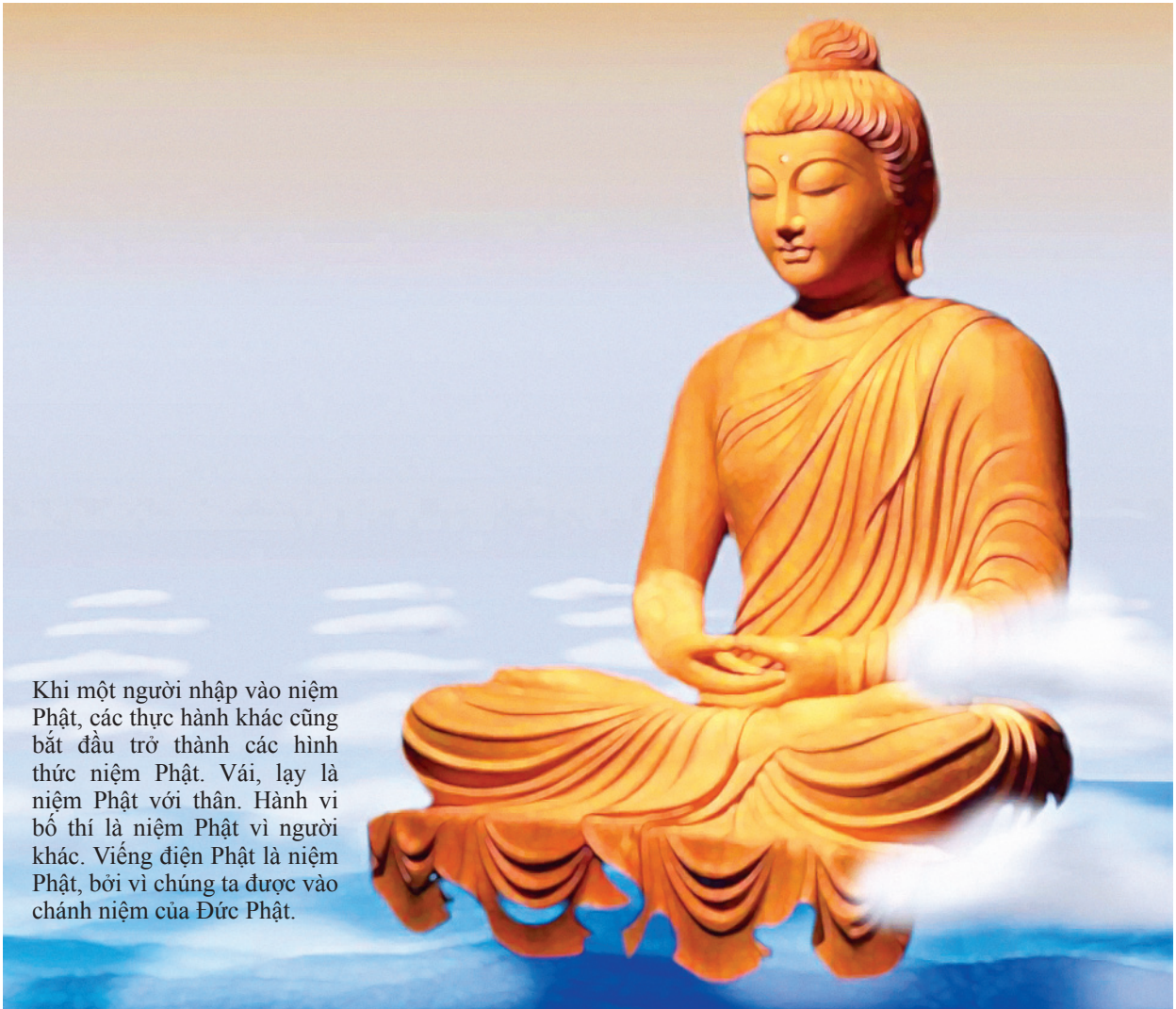
trí tuệ và lòng từ bi tương xứng; Đó là một thực tế và bằng chứng hàng ngày, chúng ta là những chúng sinh si mê, dễ bị tổn thương về mặt cảm xúc và dễ mắc lỗi lầm. Đây là trạng thái mà những người bình thường nhận ra khi họ nói: *“Tôi chỉ là con người.”* Trong tiếng Nhật, đó là bản chất *bombu* của con người. Theo nghĩa này, chúng ta thực sự là **“những chúng sinh ngu si”** và chính sự tự nhận khiêm tốn này là nền tảng thứ hai của pháp tu Tịnh độ.

3/ Đặt hai điều này lại với nhau - một mặt là thừa nhận tình thương phổ quát và mặt khác là bản chất giới hạn của chính chúng ta - bất ngờ thay, chúng ta có thể trải qua một sự chuyển đổi, hoặc thậm chí là một cú sốc. Ở đây, chúng ta dễ bị tham, sân, si dưới mọi hình thức, thường hành động ích kỷ và phạm sai lầm, đôi khi gây ra hậu quả thảm khốc, thế mà từ

cách nhìn từ bi phổ quát, chúng ta được yêu thương và chấp nhận như chúng ta là thế. Trong ngôn ngữ của Phật giáo Tịnh độ, chúng ta được chấp nhận bởi tình thương của chư Phật, cụ thể là Đức Phật A Di Đà. Trong pháp môn Tịnh độ, chúng ta niệm danh hiệu Phật để bày tỏ cảm nghĩ về điều này, đặc biệt là lòng biết ơn và sự bất ngờ hân hoan của chúng ta.

Thế thì, đây là ba nền tảng của thực hành Tịnh độ. Đầu tiên, phải nhận ra sự hiện diện phổ quát của chư Phật. Thứ hai, đối mặt với bản chất giới hạn của chính chúng ta. Thứ ba, thể hiện sự hân hoan bùng nổ thông qua việc niệm hồng danh của Đức Phật. Khi chúng ta tiếp tục thực hành như vậy, việc niệm hồng danh tự nó xoay chuyển và làm cho chúng ta xoay chuyển. *Chúng ta bắt đầu trải nghiệm điều đó không chỉ về phía tôi cầu Phật, mà ngày càng nhiều*





Khi một người nhập vào niệm Phật, các thực hành khác cũng bắt đầu trở thành các hình thức niệm Phật. Vái, lạy là niệm Phật với thân. Hành vi bố thí là niệm Phật vì người khác. Viếng điện Phật là niệm Phật, bởi vì chúng ta được vào chánh niệm của Đức Phật.

hơn khi Đức Phật đáp ứng tôi. Do đó, Phật giáo Tịnh độ là một “lời gọi” theo cả hai nghĩa của từ này. Đó là một thực hành gọi đến, và đó cũng là một cảm giác được gọi - một thực hành định hướng cuộc sống của một người và cung cấp một sự an toàn tinh thần vượt qua sinh tử.

### THỰC HÀNH NIỆM PHẬT

Có nhiều cách để niệm hồng danh Đức Phật và trên khắp thế giới Phật giáo, những Phật tử làm như vậy theo cách này hay cách khác. Nó có thể là “*Namo Buddhaya*”, “*Namo Tassa*,” hoặc “*Buddham saranam gacchami*”. Ở Trung Quốc, nó có thể là “*Omito Fo*” và ở Nhật Bản là “*Namo Amida Butsu*”. Ở phương Tây, câu niệm cuối cùng này có xu hướng được Anh hóa thành “*Namo Amida Bu*” để bảo tồn hình thức sáu âm tiết của nhiều bài tụng

kinh Nhật Bản. Phương pháp đọc hồng danh Phật này được gọi là *nembutsu* (niệm Phật).

Thuật ngữ *nembutsu* có nghĩa là “*Chánh niệm của Phật*”. *Namo Amida Bu* (Nam Mô A Di Đà Phật) có nghĩa là “*Tôi cầu Đức Phật vô lượng*”. Tuy nhiên, trong thực tế, thực hành này không phải là một khẳng định trí tuệ hoặc nhận thức; đó là sự thể hiện tình cảm và là cách mở rộng trái tim để đón nhận. Khi một người niệm Phật, đó là một biểu hiện của lòng biết ơn và sự hân hoan đồng thời cũng là một biểu hiện của bất kỳ cảm giác tâm linh nào đang khởi lên tại thời điểm đó. Theo nghĩa này, đó là một sự dâng hiến mình và một sự đón nhận ân huệ. Niệm Phật là con đường hai chiều kết nối bạn với Phật. Đó không phải là một chiếc áo khoác bó sát, không phải là một nỗ lực ép bản thân vào một hình

thức quy định hoặc đạt đến một trạng thái tâm đã xác định trước. Mỗi khi một người niệm Phật, một điều gì đó khang khác có thể phát sinh. Bất kể người đó là ai, người đó dâng hiến và người đó nhận về những gì cần. Dấu ấn của Tịnh độ là sự chấp nhận lớn lao, và một trong những điều khó khăn nhất để được chấp nhận là người đó đã sẵn sàng chấp nhận.

Niệm Phật có thể nói, cầu, tụng kinh hoặc được thể hiện bằng bất kỳ cách nào trong rất nhiều cách, với nhịp điệu, hình thức, giai điệu và định dạng, theo nhóm, trong các buổi lễ trang nghiêm hoặc trong khi đi bộ. Nếu có điều gì đó tốt đẹp sẽ xảy ra, ta niệm “*Nam mô A Di Đà Phật*”. Nếu có điều gì đó tồi tệ xảy ra, ta “*Nam mô A Di Đà Phật*”. Kẹt xe trước đèn giao thông, ta niệm “*Nam mô A Di Đà Phật*”. Gặp một người cùng tu học, ta niệm “*Nam mô A Di Đà Phật*”. Khi một người nhập vào niệm Phật, các thực hành khác cũng bắt đầu trở thành các hình thức niệm Phật. Vái, lạy là niệm Phật với thân. Hành vi bố thí là niệm Phật vì người khác. Viếng điện Phật là niệm Phật, bởi vì chúng ta được vào chánh niệm của Đức Phật.

Những gì chúng ta đang nói đến không thực sự là một kỹ thuật mà là một cách tiếp cận hoặc định hướng. Nó liên quan đến việc sử dụng tích cực trí tưởng tượng và dâng tràn cảm xúc. Toàn bộ con người được chấp nhận. Tịnh độ là đầy biểu cảm và chất thơ. Tịnh độ bao gồm sự tròn đầy và bi ai của cuộc sống. Đôi khi có thể nói rằng, Tịnh độ là dành cho những người trong chúng ta, những người đã thất bại trước nhiều cách tiếp cận có kỷ luật, khổ hạnh hoặc đòi hỏi cao, cũng có thể là những người quá nhạy cảm, hoặc quá văn nghệ, hoặc quá bình thường đối với những con đường về vãng hơn. Chỉ cần niệm, niệm Phật, và tiếp tục như thế.

Một điều mà chúng ta có thể thấy rõ là trong mức độ như thế, chúng ta có cảm giác rằng chúng ta được chấp nhận ngay cả khi chúng ta đang là, vậy thì chúng ta có xu hướng trở nên dễ chấp nhận người khác hơn. Một cách rất ráo, họ là những con người thiếu sót và dễ sai lầm giống như chúng ta, và họ đang chống chọi với những khó khăn luân hồi giống như gánh nặng nghiệp của chính họ, cũng như chúng ta. Chúng ta trở nên thông cảm hơn với những thất bại của người khác. Chúng ta cảm thấy được yêu thương và đôi lại có thể yêu thương người

khác nhiều hơn. Đây là nền tảng của lòng từ bi chân chính và tình cảm đồng loại, là hương vị phổ quát của giáo pháp. Khi chúng ta vững vàng theo hướng Tịnh độ, những thất bại và bi kịch xảy đến, hãy vững vàng niềm tin hơn là làm lung lay niềm tin của chúng ta.

*“Lúc rơi xuống  
là lúc dâng lên  
một bông sen”*  
(Zuigen Inagaki)

Để bắt đầu thực hành, bạn không nhất thiết phải biết chính xác Phật A Di Đà là vị Phật nào, hoặc cách thức niệm Phật như thế nào. Đừng ngăn chặn trí tưởng tượng, trực giác hoặc cảm xúc của bạn. Đây không phải là một tín điều hay một giáo điều; nó là một phong cách. Bạn có thể tạo ra cảm giác về Phật A Di Đà như một nguồn năng lượng lạnh mạnh



Một cách tốt để bắt đầu thực hành niệm Phật là tụng “*Nam Mô A Di Đà Phật*” trong năm phút, một hoặc hai lần mỗi ngày.

đang tỏa ra, như tinh thần mà Đức Phật đã sống một cuộc đời tốt đẹp, hoặc như tình thương vô điều kiện, nhưng đừng lo lắng về sự chính xác hay đúng đắn. Nếu bạn có ý thức rằng niệm Phật có thể là một điều tốt và tin tưởng rằng cứ làm như thế là tốt, thì điều đó là hay quá. Trên thực tế, nó không chỉ là tốt và còn thêm lý do đặc biệt. Ở nơi đâu mà nhiều thực hành tâm linh ngày càng được nhận thức sắc bén và chính xác, thì ở nơi đó, Tịnh độ càng là phương cách để cho cảm giác tâm linh chìm vào vô thức của con người. Không hẳn là chúng ta thực hành quá nhiều để thực hành tác động vào chúng ta, mà chính là nó diễn ra một cách lặng lẽ, chìm lắng, từng chút một biến đổi cuộc sống của con người. Hãy thử đi. Nếu nó phù hợp với bạn, hãy tiếp tục!

Một cách tốt để bắt đầu thực hành niệm Phật là tụng “*Nam Mô A Di Đà Phật*” trong năm phút, một hoặc hai lần mỗi ngày. Cứ như thế, bạn có thể nói những từ đó hoặc nghe bản ghi âm bài tụng niệm mà bạn có thể tìm thấy trên mạng. Thoải mái tụng niệm theo ghi âm, hoặc tụng một mình và thay đổi tốc độ hoặc cao độ cho phù hợp với giọng của bạn. Một số người cảm thấy ngượng nghịu khi lần đầu tiên bắt đầu tụng kinh hoặc lo lắng về việc liệu họ có làm “đúng” hay không. Những cảm giác này có thể sẽ mất dần sau một vài ngày.

Nếu niệm như thế là hữu ích, bạn cũng có thể kết hợp niệm Phật vào cuộc sống hàng ngày. Những người khai sinh pháp môn này nhận thấy nhiều người dân Trung Quốc hoặc Nhật Bản bình thường thực hành niệm Phật trong khi trồng lúa hoặc chèo thuyền. Trong trường hợp của chúng tôi, niệm Phật có thể là khi cắt cỏ hoặc lái xe ô tô.

Sau đó, một lần nữa, như trong bất kỳ thực hành nào, nếu có thể, kết hợp với các bạn đồng tu là điều tốt. Ở Đông Á, điều này rất dễ dàng, nhưng ở phương Tây, người ta đến với nhau thông qua Internet. Thật là tuyệt vời khi chúng ta có thể gặp gỡ trực tiếp và cùng nhau tụng kinh. Tụng kinh là một phương pháp thực hành mang mọi người đến gần nhau hơn, ngay cả khi nó qua một liên kết video. Một buổi nhóm hộ niệm với một khoảng thời gian để tụng kinh và một chút thời gian để chia sẻ cá nhân có thể là một sự hỗ trợ tuyệt vời để thực hành ngay cả khi chỉ có hai hoặc ba người có mặt, biết đâu ít thế còn hữu ích hơn trong một nhóm lớn hơn.

Bằng tất cả những cách này, chúng ta có thể bày tỏ lòng biết ơn về những gì chúng ta nhận được. Yếu tố cốt lõi của giáo pháp là giáo lý duyên khởi. Mọi thứ phát sinh từ nguyên nhân và điều kiện, có nghĩa là mọi thứ chúng-ta-đang-là và mọi thứ chúng ta có đều phụ thuộc vào những thứ khác mà chúng ta có thể bày tỏ lòng biết ơn. Niệm Phật là cách để làm điều đó - một cách không chỉ tạ ơn trong hoàn cảnh cụ thể mà còn đồng thời, chỉ trong sáu âm tiết, chúng ta cầu khẩn và kết nối tất cả những người liên quan đến trí tuệ và lòng từ bi vô hạn của chư Phật. Khi bạn nhận tách cà phê, “*Nam Mô A Di Đà Phật*”.

Không thể nói chính xác năng lượng lành mạnh này sẽ ảnh hưởng đến bạn như thế nào - nó sẽ phụ thuộc vào những gì bạn cần. Đôi khi chúng ta thậm chí không biết điều gì là tốt nhất cho bản thân, vì vậy chúng ta tin tưởng rằng, có điều gì đó tốt đẹp sẽ bắt đầu mở ra. Khi ngày tháng trôi qua, bạn có thể bắt đầu cảm thấy bình yên hơn hoặc có nhiều cách nhìn hơn về các vấn đề của mình. Một số người nhận thấy họ đang đối mặt với cảm xúc của mình theo cách khác đi và kiên nhẫn hơn với chính mình và những người xung quanh. Hầu hết mọi người cảm thấy ổn định và an toàn hơn, ít lo lắng và tự nhiên hơn.

*Shinran* (Thân Loan), đệ tử nổi tiếng nhất của Honen Shonin, đã nói trong bài hát của mình rằng, Tịnh độ là jinen, đôi khi được dịch là “*tính tự nhiên*” hoặc “*mọi thứ ở trạng thái tự nhiên*”. Hay như giảng sư Tịnh độ Zuigen Inagaki viết:

*“Đúng như bạn là,  
Thật vậy,  
Đúng như bạn là!”*

Tôi hy vọng rằng bạn thích những khám phá của bạn với niệm Phật và nó mang lại cho bạn nguồn cảm hứng, sự bình an, can đảm và thoải mái như nó đã mang lại cho tôi.

Nam Mô A Di Đà Phật!

#### **Chú thích:**

*Nguyên tác:* “Pure and Simple Practice”, tạp chí Tricycle, Winter 2018.

Tác giả: *Dharmavidya David Brazier* là một giảng sư Phật giáo, tác giả sách, và giám đốc của International Zen Therapy Institute (Viện thiền trị liệu quốc tế). Ông cũng là người đứng đầu của Amida Order, một tăng đoàn Tịnh độ.



**HOẢNG PHÁP**  
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoằng Pháp Online  
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp  
của ban Hoằng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE  
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp





PHẬT GIÁO &  
THỜI ĐẠI

# Phật



Căn cứ vào Nghị quyết tại Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII nhiệm kỳ 2017-2022, chư Tôn đức Phật giáo Nam tông Khmer đã nỗ lực thực hiện đồng bộ, ra sức vận động chư Tăng và Phật tử luôn gắn kết chương trình hành động với GHPGVN, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tại địa phương. (Ảnh: Đại lễ Dâng y Kathina tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer - PSO)

**LTS:** Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng biên tập và giới thiệu bài viết *Phật giáo Nam tông Khmer trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam* của Hòa thượng Đào Như - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đây là bài tham luận trình bày ở Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022-2027, tổ chức tại Cung Văn hóa Lao động Hữu nghị Việt-Xô (Hà Nội) từ ngày 28-29/11/2022.

# giáo

## Nam tông Khmer trong ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam

HT. Đào Như\*

### PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER ĐƯỢC TẠO ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG

Lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “*Sukhà Sanghassa Sāmggī Sāmagganam Tapo Sukho*” dịch là: “*Sự hòa hợp của chư Tăng đem lại sự an vui, sự cố gắng của những người hòa hợp đem đến sự an vui*”. Mục tiêu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là: “*Đoàn kết - Hòa hợp - Trường dưỡng đạo tâm - Trang nghiêm Giáo hội*”.

Từ lời dạy của Đức Phật và mục tiêu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN), chư Tăng Phật giáo Nam tông Khmer tham gia vào GHPGVN từ khi mới thành lập đến nay luôn được sự quan tâm, tạo điều kiện hết sức thuận lợi. Đồng thời, cũng là một trong chín hệ phái cùng chung ý chí thành lập GHPGVN, chung tay góp sức lập thành một hình ảnh đẹp trong ngôi nhà chung GHPGVN. Một sức mạnh thực tế của tổ chức GHPGVN trong nước và ngoài nước với lời nói đầu Hiến chương GHPGVN

đã nhấn mạnh luôn bình đẳng trong việc phân chia chức vụ của Giáo hội. Tùy thuộc vào số lượng, chư Tăng có đầy đủ các quyền trong các kỳ họp, kỳ Đại hội Phật giáo toàn quốc, được ưu tiên phát biểu tham luận của Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer; nói lên thực tế, kiến nghị cụ thể, thể hiện về tâm tư nguyện vọng của chư Tăng, nhất là việc học chữ dân tộc Khmer, Kinh - Luật - Luận, môn học Pali với mục đích gìn giữ tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, lễ nghi tốt đẹp của Hệ phái Phật giáo Nam tông Khmer. Do đó, các Nghị quyết của Hội nghị thường niên cũng như Đại hội Phật giáo toàn quốc luôn có cụm từ “*quan tâm tạo điều kiện cho hoạt động Phật giáo Nam tông Khmer*”.

Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ IX nhiệm kỳ 2022-2027 diễn ra trong tinh thần hòa hợp và đại hoan hỷ nói lên kết quả hoạt động Phật sự trong 5 năm qua. Căn cứ vào Nghị quyết tại Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ VIII nhiệm kỳ 2017-2022,



Trong 5 năm qua, thuận lợi trong mọi hoạt động Phật sự theo Thông bạch, Thông tư của Trung ương GHPGVN, sự ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sự nỗ lực vươn lên của nội bộ, chư Tôn đức Phật giáo Nam tông Khmer trong ngôi nhà chung của GHPGVN đã gặt hái được những thành quả tốt đẹp. (Ảnh Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc đến thăm, chúc Tết Chôl Chnăm Thmây năm 2022 tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer - Anh Dũng)

chư Tôn đức Phật giáo Nam tông Khmer đã nỗ lực thực hiện đồng bộ, ra sức vận động chư Tăng và Phật tử luôn gắn kết chương trình hành động với GHPGVN, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp tại địa phương. Thực tế đó là: vận động đoàn kết phát triển kinh tế, đảm bảo cuộc sống, trùng tu chùa chiền sáng, xanh, sạch đẹp, mở các lớp học chữ Khmer cho con em đồng bào dân tộc ba tháng hè, đồng thời mở lớp Pali - giáo lý cho chư Tăng. Đối với những chùa có đủ điều kiện tổ chức lễ hội theo phong tục tập quán diễn ra hàng năm của dân tộc và Phật giáo Nam tông khmer như: Chôl Chnăm Thmây, Đại lễ Phật đản, lễ SeneĐôn-ta, Dâng y Kathina, Ok Om Bok,... Duy trì các trường lớp được GHPGVN quan tâm đó là: trường Bồ tát Văn hóa Trung cấp Pali Nam bộ tại tỉnh Sóc Trăng, trường Trung cấp Pali - Khmer tỉnh Trà Vinh, Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại thành phố Cần Thơ. Tạo điều kiện thuận lợi cho các Tăng sinh có nguyện vọng đi học những lớp cao hơn như: giới thiệu Tăng sinh học Cao học tại Học viện Phật giáo Việt Nam TP. Hồ Chí Minh và giới thiệu một số vị đi học tại Thái Lan, Myanmar, Srilanka, Ấn Độ, Campuchia..., xin liên kết với trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội, mở các lớp Cử nhân, Cao học tại Học viện Phật giáo Nam tông Khmer.

Chư Tôn đức Phật giáo Nam tông Khmer luôn chia vui, sẻ buồn trong mọi hoàn cảnh, đồng thời được sự quan tâm giúp đỡ của Nhà nước, Chính phủ, Ban Tôn giáo Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam cùng các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, quý mạnh thường quân đã hỗ trợ mọi mặt, trong đó có chia sẻ, khắc phục hậu quả của đại dịch COVID-19. Sau khi dịch bệnh được kiểm soát hoạt động Phật sự trở lại bình thường, chúng tôi tiếp tục thúc đẩy những việc tồn đọng như: Thực hiện Thông tư của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam về Đại hội Đại biểu Phật giáo các quận, huyện đến Thông tư số 06 và 40 về Đại hội Đại biểu Phật giáo các tỉnh, thành phố cho kịp tiến tới Đại hội Phật giáo toàn quốc.

### MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Trong 5 năm qua, thuận lợi trong mọi hoạt động Phật sự theo Thông bạch, Thông tư của Trung ương GHPGVN, sự ủng hộ và tạo điều kiện thuận lợi của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, sự nỗ lực vươn lên của nội bộ, chư Tôn đức Phật giáo Nam tông Khmer trong ngôi nhà chung của GHPGVN đã gặt hái được những thành quả tốt đẹp, được Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Chính phủ, Ban Tôn giáo Chính phủ





(Ảnh: sưu tầm)



Lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni: “*Sukhà Sanghassa Sàṃgḡi Sàmaggaṇam Tapo Sukho*” dịch là: “*Sự hòa hợp của chư Tăng đem lại sự an vui, sự cố gắng của những người hòa hợp đem đến sự an vui*”. Mục tiêu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là: “*Đoàn kết – Hòa hợp – Trường dưỡng đạo tâm – Trang nghiêm Giáo hội*”. (Ảnh: istock)

ghi nhận, thông qua Trung ương đã tặng cho chư Tôn đức những huân chương, huy chương của Chủ tịch nước, bằng khen Thủ tướng Chính phủ, bằng khen Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, bằng tuyên dương công đức của Trung ương GHPGVN và nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tại địa phương. Đồng thời, những ngày lễ quan trọng của chư Tăng Phật giáo Nam tông Khmer Nam bộ như: Chôl Chnăm Thmây, Đại lễ Phật đản... chúng tôi ưu ái được Đảng, Nhà nước, Chính phủ, Quốc hội, Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cùng các cấp chính quyền địa phương sở tại tổ chức đến thăm chúc mừng, tặng quà cùng chia sẻ niềm vui trong hoạt động Phật sự được hanh thông. Trong hoàn cảnh dịch bệnh COVID-19, thời tiết mưa bão, lũ lụt... Chủ tịch nước Nguyễn Xuân Phúc đã đến thăm Học viện Phật giáo Nam tông Khmer, đoàn Chính phủ, Quốc hội và Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thăm viếng các chùa tại Đồng bằng Sông Cửu Long nói riêng, Nam Bộ nói chung. Trong Đại hội Phật giáo toàn quốc lần thứ IX này chúng tôi xin kiến nghị:

1. Về tổ chức, trong hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cần quan tâm phân bổ số lượng chư Tôn đức Phật giáo Nam tông Khmer có trình độ

năng lực trong 02 Hội đồng theo tỷ lệ %, theo quy chế của Trung ương GHPGVN.

2. Về giáo dục, sự quan tâm, hỗ trợ giúp đỡ các trường, lớp từ Sơ cấp, Trung cấp đến Học viện Phật giáo Nam tông Khmer. Mặc dù, TWGHPGVN từ khóa thứ I đến thứ IX đã giúp cho tổ chức hội nghị chuyên đề Phật giáo Nam tông Khmer và nhiều hội thảo, tọa đàm, nhưng chỉ đạt được bước đầu, cần quan tâm thêm, nhất là xây dựng cơ sở của Học viện và xây dựng quy chế hoạt động của Học viện.

3. Phật giáo Nam tông Khmer và dân tộc Khmer là một. Do đó, cần quan tâm tạo điều kiện hết sức thuận lợi nhằm duy trì, gìn giữ bảo tồn văn hóa dân tộc, từ tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán, lễ nghi, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao... mang tính dân tộc Khmer cần được bảo tồn tại lâu dài, góp phần bảo tồn văn hóa đậm đà bản sắc của các dân tộc Việt Nam, Phật giáo Việt Nam.

Cuối cùng xin kính chúc quý ngài Tôn túc lãnh đạo GHPGVN, quý vị khách quý, quý Đại biểu luôn hưởng được 4 pháp chúc mừng: Sống lâu, sắc đẹp, an vui, sức mạnh. Chúc Đại hội Phật giáo thành công viên mãn.

**Chú thích:**

\* Hòa thượng Đào Như - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam.



# KHẮC PHỤC NẠN PHÁ RỪNG DƯỚI GÓC NHÌN GIỚI KHÔNG SÁT SANH CỦA

# PHẬT

**ĐĐ. Thích Tâm Tín\***

**Tóm tắt:** *Nạn phá rừng đang là một vấn đề gây nhức nhối trong xã hội, không chỉ ở nước ta mà còn trên thế giới. Rừng là ngôi nhà chung của muôn loài sinh vật, là lá phổi xanh cung cấp khí oxy và điều hòa nhiệt độ Trái Đất. Vấn nạn phá rừng đã diễn nhanh quá trình biến đổi khí hậu, gây hậu quả tiêu cực cho nhân loại và môi sinh. Phật giáo nhìn nhận rừng nói chung, cây cối nói riêng như một chủ thể có sinh mệnh đáng được tôn trọng và bảo vệ. Từ đó, Phật giáo khuyến khích người Phật tử và mọi người giữ gìn Giới bất sát, đối trị tham - sân - si và xem đây là cơ sở, nền tảng để giải quyết triệt để nạn phá rừng, mang lại an lạc, lợi ích cho xã hội.*

**Từ khóa:** *phá rừng, giới không sát sinh, cư sĩ.*

## **DẪN NHẬP**

Rừng là nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng đối với mỗi địa phương, quốc gia và thế giới, là yếu tố căn bản không thể thiếu cho sự tồn vong của Trái Đất, nhân loại và muôn loài. Nhưng dường như con người đã can thiệp quá nhiều vào sự tồn tại của rừng, khiến chúng dần biến mất trên quả địa cầu này. Phá rừng không còn là vấn đề của một quốc gia, vùng lãnh thổ mà là vấn đề đáng báo động trên toàn cầu. Trước sự biến động của khí hậu, môi trường diễn biến ngày một phức tạp, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống con người lẫn động - thực vật, trong đó, một phần nguyên nhân chính là rừng bị tàn phá nghiêm trọng và mất kiểm soát.



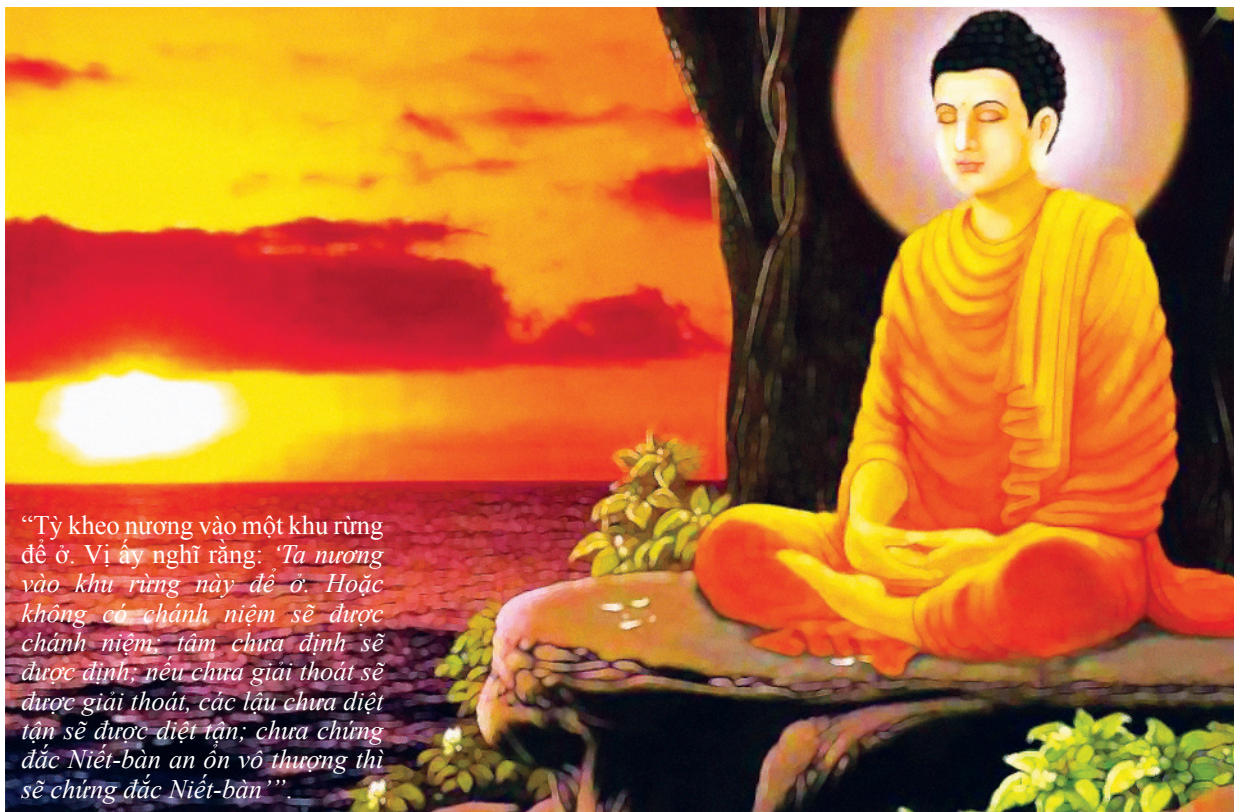
Rừng là nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng đối với mỗi địa phương, quốc gia và thế giới, là yếu tố căn bản không thể thiếu cho sự tồn vong của Trái Đất, nhân loại và muôn loài. Nhưng dường như con người đã can thiệp quá nhiều vào sự tồn tại của rừng, khiến chúng dần biến mất trên quả địa cầu này.

Phật giáo là một tôn giáo tôn trọng sự sống và sự có mặt của vạn pháp, bởi hiểu rõ mọi nhân duyên của sự hiện hữu đều có mối quan hệ mật thiết với nhau. Với hệ thống giáo lý sâu sắc, siêu việt nhưng lại không xa rời đời sống thực tế, giới luật Phật giáo có vai trò không nhỏ trong việc xây dựng kỷ cương và mẫu hình đạo đức nhân bản. Một trong năm điều đạo đức căn bản của người con Phật chính là Giới không sát sanh (Giới bất sát). Giới luật này không chỉ có giá trị đối với người đệ tử Phật mà còn có giá trị ở mọi lúc, mọi nơi, mọi giới và mọi thời đại. Ngày nay, lời Đức Phật dạy lại cần thiết hơn bất kì lúc nào, trong chiều hướng thế giới đang rơi vào khủng hoảng về biến đổi khí hậu, xung đột, căng thẳng leo thang, ô nhiễm môi trường, nạn phá rừng... thì giá trị lại càng thêm giá trị. Những vấn nạn này cần được nhìn nhận một cách thực tế dưới góc nhìn thế giới quan Phật giáo để có thể có những phương hướng giải quyết hiệu quả.

## THỰC TRẠNG VÀ NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN NẠN PHÁ RỪNG

### *Thực trạng*

Tình trạng mất rừng ở nước ta dù đã được khắc phục phần nào nhưng vẫn còn diễn biến phức tạp. Theo báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, trong năm 2018, lực lượng chức năng đã phát hiện trên 12.900 vi phạm pháp luật về rừng. Theo Tổng cục Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn), độ che phủ ở nước ta hiện còn chưa đến 40%, diện tích rừng nguyên sinh còn khoảng 10%; chỉ hơn 5 năm (2012-2017), diện tích rừng tự nhiên bị mất do chuyển mục đích sử dụng rừng tại các dự án được duyệt chiếm 89% tổng diện tích rừng giảm; còn lại là do phá rừng trái pháp luật làm mất 11% [1]. Còn trên thế giới, trong năm 2021 có 3,75 triệu ha rừng đã bị phá hủy, nghĩa là mỗi phút có diện tích tương đương 10 sân bóng đá đã biến mất trong các khu rừng nhiệt đới nguyên sinh [2].



“Tỳ kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở. Hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát; các lậu chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thương thì sẽ chứng đắc Niết-bàn’”.

Với tỷ lệ rừng bị tàn phá bởi con người hay thiên nhiên tác động là điều mà con người hiện nay không thể lơ là. Sự tàn phá rừng của con người trong những giai đoạn gần đây vẫn ở mức cao và chưa có dấu hiệu giảm, lại thêm nắng nóng kéo dài, nhiệt độ khí hậu tăng cao cũng là tác nhân dẫn đến nhiều vụ cháy rừng.

### **Nguyên nhân**

Nguyên nhân nào dẫn đến con người tàn phá rừng, tổn hại đến môi trường như vậy? Có nhiều nguyên nhân dẫn đến rừng bị tàn phá nghiêm trọng, có thể liệt kê như sau:

*Nguyên nhân khách quan:* Nhiều công trình, cơ sở sản xuất, khu công nghiệp ngày càng nhiều, cần có nhiều diện tích để mở rộng sản xuất và phát triển kinh tế; Thị trường buôn bán gỗ có nhu cầu ngày càng cao; Phá rừng để làm các nhà máy, nhất là thủy điện.

*Nguyên nhân chủ quan:* Lòng tham của con người; muốn kiếm tiền, lợi nhuận; Thiếu hiểu biết về vai trò của rừng, pháp luật trong lĩnh vực khai thác rừng; Một số hủ tục và sinh hoạt phá rừng để canh tác chưa được cải biến kịp thời.

### **Sự tác động đến môi trường và đời sống nhân loại**

Rừng được xem là những “nhà máy” cung cấp khí oxy cho khí quyển, là nền tảng sự sống cho Trái Đất và là nơi dự trữ nguồn nước cao nhất. Việc khai thác, chặt phá cây cối bừa bãi, tàn phá rừng dẫn đến ảnh hưởng không nhỏ đến con người, động thực vật và khí quyển Trái Đất.

*Về khí quyển Trái đất:* Tạo nên sự chênh lệch về lượng khí thải độc do sự mở rộng sản xuất ở các khu công nghiệp, nhà máy. Hoạt động công nghiệp ngày càng cao, tạo lượng bụi khí mịn trong không khí cao, nhất là các khí độc như: CO<sub>2</sub>, NO, SO<sub>2</sub> và một số khí khác có nồng độ ít hơn như: HCl, NO<sub>2</sub>, N<sub>2</sub>O và SO<sub>3</sub>. Chính điều này đã làm cho khí hậu Trái Đất ngày càng nóng lên, gia tăng thiên tai bão lũ. Khi rừng bị phá hủy thì không thể dự trữ nước, tạo nên xói mòn, sạt lở đất, lũ lụt, hạn hán, thiên tai sẽ diễn ra ngày một phức tạp hơn.

*Về động - thực vật:* Rừng là nơi trú ẩn, là nhà của các loài động - thực vật, tạo nên sự cân bằng cần thiết của môi sinh. Tuy nhiên, khi rừng bị phá hủy, khiến ngôi nhà của chúng không còn, động vật không còn nơi ở

và tuyệt chủng, các loài thực vật dần biến mất vì hệ sinh thái và môi trường ở đó không còn phù hợp nữa.

*Đối với con người:* Rừng bị phá hủy thì thiếu lượng oxy trong không khí, không khí bị ô nhiễm vì các chất độc do hoạt động công nghiệp xả thải, nhiều loại bệnh về hô hấp và các bệnh nguy hiểm có điều kiện bùng phát gây hại cho nhân loại. Sức khỏe và tuổi thọ con người bị đe dọa. Lũ lụt, hạn hán làm thiệt hại cả người và của.

*Đối với xã hội:* Tạo sức ép trong việc kiểm soát hành vi chống phá rừng, phát sinh kinh phí cho việc phục hồi rừng, tái tạo rừng...

Phá rừng đang là điểm nóng đối với con người và cả nhân loại, cần có những biện pháp phù hợp để kiểm soát việc khai thác rừng phù hợp vì rừng có sự ảnh hưởng không nhỏ đối với nhân loại và Trái Đất. Phật giáo có mối quan hệ mật thiết đối với đời sống con người, thiên nhiên, việc bảo vệ rừng cũng là một trách nhiệm của Phật giáo trong ý thức hệ đạo đức. Vì vậy, năm điều đạo đức căn bản (Ngũ giới) của người Phật tử tại gia, giới đầu tiên đó chính là giới không sát sanh (Giới bất sát), và giới này cũng thuộc về giới luật của người con Phật (xuất gia và tại gia).

## QUAN ĐIỂM PHẬT GIÁO VỀ NẠN PHÁ RỪNG THÔNG QUA GIỚI KHÔNG SÁT SANH

### *Vai trò của rừng trong Phật giáo*

Sự vĩ đại của thiên nhiên luôn gắn liền với cuộc đời Đức Phật, như: Đản sanh dưới cây Vô-ưu trong vườn Lâm-tỳ-ni; Tầm đạo sáu năm trong rừng Khổ Hạnh (Khổ Hạnh lâm); Thành đạo dưới cây Bồ-đề và nhập Niết-bàn dưới cây Sa-la tại rừng Sa-la thuộc thành Câu-thi-na... Điều này minh chứng, trước và sau khi Đức Phật thành đạo, Ngài luôn gắn gũi thiên nhiên, yêu thiên nhiên. Nhất là trong quá trình tu tập và hoằng pháp cho những ai có duyên đều tại các khu rừng, như rừng Đại Lâm, rừng Trúc, vườn Kỳ Thọ - Cấp Cô Độc, núi Linh Thứu... “*Này Bà-la-môn, Ta tự quán sát Ta có từ tâm như vậy, Ta cảm thấy lòng tự tin được xác chứng hơn, khi sống trong rừng núi*” [3].

Do vậy, Ngài thường dạy các đệ tử hãy tìm nơi thanh vắng, tại các khu rừng, dùng tư duy tu để thực hành thiền định, tùy theo căn cơ và trình độ mà quán các đề mục khác nhau mà thành tựu đạo hạnh, như trong *Pháp Cú, kệ 98, 99* đề cập:

*“Làng mạc hay rừng núi  
Thung lũng hay đồi cao,  
La Hán trú chỗ nào,  
Đất ấy thật khả ái.  
Khả ái thay núi rừng,  
Chỗ người phạm không ưa,  
Vị ly tham ưa thích,  
Vì không tìm dục lạc”* [4].

Hay trong *Kinh Trung A-hàm*, Ngài khẳng định rằng: “*Tỳ kheo nương vào một khu rừng để ở. Vị ấy nghĩ rằng: ‘Ta nương vào khu rừng này để ở. Hoặc không có chánh niệm sẽ được chánh niệm; tâm chưa định sẽ được định; nếu chưa giải thoát sẽ được giải thoát, các lậu chưa diệt tận sẽ được diệt tận; chưa chứng đắc Niết-bàn an ổn vô thượng thì sẽ chứng đắc Niết-bàn’*” [5]. Đồng thời, Đức Phật cũng thông qua những ví dụ liên quan đến khu rừng để chỉ dạy cho đệ tử xuất gia và tại gia tu tập đúng pháp và thẳng tiến trên bước đường tâm linh: “*Chư Tỳ kheo, cũng như gần một thôn làng hay thị trấn nhỏ, có ngôi rừng cây Sa-la lớn, ngôi rừng bị các cây leo y lan (cây làm dầu thu đu) bao phủ. Có một người đến khu rừng này, muốn lợi ích cho ngôi rừng, muốn hạnh phúc, muốn an ổn khỏi các ách phược (cho ngôi rừng). Người ấy chặt đứt các nhánh cây cong thiếu hẳn sinh lực, vất chúng ra khỏi (ngôi rừng), dọn dẹp trong rừng sạch sẽ. Người ấy săn sóc kỹ lưỡng các nhánh cây Sa-la thẳng thắn, khéo mọc. Chư Tỳ kheo, sau một thời gian, ngôi rừng như vậy được trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh. Cũng vậy, này các Tỳ kheo, các ông hãy từ bỏ bất thiện, hãy nỗ lực đối với các thiện pháp, như vậy các người mới thành tựu sự trưởng thành, hưng thịnh, lớn mạnh trong Pháp, Luật này*” [6].

Như vậy, rừng hay cây cối, thiên nhiên đều có vai trò to lớn của nó, là một ngôi nhà chung cho xã hội, là nơi tu tập của Đức Phật và những hàng Sa-môn, Bà-la-môn và nơi đó thật khả ái đối với những ai thích sống đời sống ly tham, ly ác bất thiện pháp. Vai trò của rừng không những được Đức Phật nói trong kinh điển mà trong giới luật, Ngài cũng đã chế định cho chúng đệ tử.

### *Giới không sát sanh*

Phá rừng là hành động chặt phá cây rừng, làm cho cây không còn sự sống, hay nói cách khác đó chính là hình thức đoạt mạng sống của cây. Phật giáo lấy

tâm từ bi ban vui cứu khổ. Trong tinh thần ấy, không phải dừng lại giữa con người với con người, mà đối với tất cả sự vật hiện tượng đã đang và sẽ có mặt trong cuộc sống. Tâm từ bi không còn nằm trong giới hạn sự tự nguyện mà Đức Phật đã làm tinh thần từ bi này thành giới luật của người con Phật, cũng là một trong năm điều đạo đức căn bản của người Phật tử tại gia - Giới bất sát (không sát sanh).

Ngũ giới là nền tảng tu tập của người Phật tử tại gia: Không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không nói dối, không uống rượu. Giới bất sát trong Phật giáo được hiểu là không được đoạt mạng sống của những sự sống, nhất là không được giết người. Trong hành động giết người, tùy theo mỗi ý chí, hành động dẫn đến người kia không còn mạng sống nữa mà cũng có những mức phạm tội khác nhau, nặng nhất là tội Ba-la-di (không thể cứu chữa, không thể sám hối - tội đoạn đầu). “Tỳ kheo nào, cố ý tự tay dứt sinh mạng người, cầm dao đưa người, khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết, nói: ‘Này nam tử, ích gì cuộc sống xấu ác này, thà chết còn hơn sống!’. Với tâm tư duy như vậy, dùng mọi phương tiện khen ngợi sự chết, khuyến khích cho chết; Tỳ kheo ấy là kẻ ba-la-di, không được sống chung” [7].

Việc giết người là trọng tội, giới bất sát được Đức Phật chế định không phải trên tinh thần tự nguyện mà nên giữ gìn một cách cẩn thận, nghiêm túc. Bởi lẽ giới không được giết người không dừng lại nơi đức tin tôn giáo mà là một trong những trọng tội được luật pháp thế gian quy định và xử phạt nghiêm minh. Giới bất sát không dừng lại ở việc không được giết người, mà ngay cả cây, cỏ cũng được Đức Phật không cho quý trọng: “Nếu Tỳ kheo phá hoại mầm sống của cây, phá thân của quý, thì phạm Ba-dạ-đề” [8]. Trong giới này, Đức Phật dạy cho hàng đệ tử xuất gia cũng như những người tịnh nhân (cư sĩ tập sự) khi chặt cây với mục đích dọn dẹp gọn gàng, sạch sẽ, trang nghiêm nơi sinh hoạt để không phạm tội: “Một lần dùng phương tiện sai người cắt một ngày, thì phạm một tội Ba-dạ-đề. Nếu giữa chừng nói: ‘Cắt nhanh lên’, thì cứ một lần nói phạm một tội Ba-dạ-đề. Tất cả bốn trường hợp kia như phá, đập nát, đốt, lột vỏ, hoặc tự mình làm, hoặc sai người làm cũng phạm tội như vậy. Nếu vì Tăng làm tri sự, nhất thiết không được bảo tịnh nhân như: ‘Cắt cây này, phá cây này, đập nát cây này, lột vỏ cây này’. Nếu nói như thế thì phạm tội. Do đó chỉ

nên nói: “Hãy biết cây ấy, hãy làm sạch cây ấy”, nói như thế không có tội” [9].

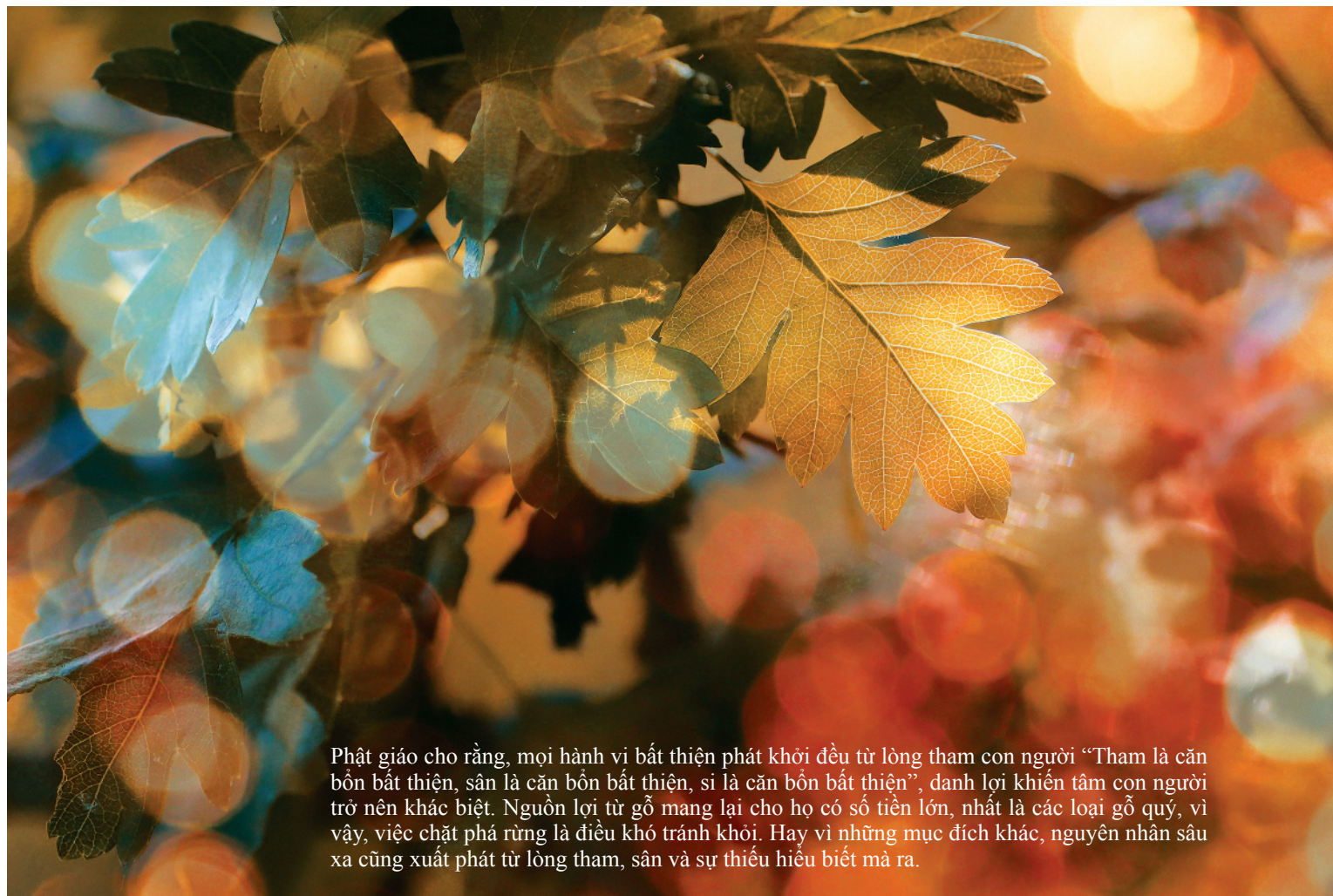
Trong tích truyện *Kinh Pháp Cú*, Phẩm sân hận có nói: Nhân vì muốn xây thất cho riêng mình mà một thầy Tỳ kheo đã chặt đốn cây có vị nữ Thọ thần và đưa con ở, vì có sự kính trọng và biết kìm chế nên Thọ thần không giết hại vị Tỳ kheo đã chặt cây mà đi bạch với Đức Phật. Nhân đó, Ngài đã chế giới: “Không được chặt đốn cây cối”.

Trong khoa học, rất nhiều nghiên cứu đã chứng minh các loài cây cỏ đều có phản ứng tương đương với những ý nghĩ và hành động của con người hay tác nhân có sự tác động đến chúng: “Vào một ngày tháng 2 năm 1966, chuyên gia phát hiện nói dối Cục tình báo Trung ương Mỹ (CIA) Cleve Backster trong khi cao hứng đã nối máy dò nói dối với những chiếc lá của cây huyết dụ (1 loại cây thuộc chi Huyết Giác *Dracaena*) và tưới nước vào gốc cây. Khi tưới dần dần từ gốc cây lên thì ông kinh ngạc phát hiện trên bản vẽ của máy dò nói, bút điện từ tự động ghi lại một đồ hình răng cưa không phải hướng lên trên mà là hướng xuống dưới. Loại đồ hình này rất giống với loại đồ hình mà máy vẽ ra lúc người ta vui mừng kích động!” [10].

Giới không sát sanh này không chỉ ngăn ngừa việc giết hại bằng hình tướng thông qua tay, chân hay bằng vũ khí, dẫn đến đối tượng chấm dứt sự sống mà còn ngăn ngừa không được giết ngay cả trong suy nghĩ, và bằng lời nói. Qua Giới bất sát này, Đức Phật không những không cho hàng đệ tử của Ngài không được giết người, mà cũng phải tôn trọng sinh mệnh của cây cỏ.

### NGUYÊN NHÂN DẪN ĐẾN SỰ PHÁ RỪNG VÀ HỆ QUẢ VỀ NGHIỆP

Như trên đã trình bày, có những nguyên nhân thuộc về chủ quan và khách quan dẫn đến nạn phá rừng. Con người không phải là một thực thể duy nhất tồn tại và muốn tồn tại, mà các sự vật hiện tượng đều chung tồn tại, cùng muốn tồn tại, trong đó, cỏ cây, hoa lá, biểu tượng chính là rừng đều tồn tại và muốn tồn tại. Đây được xem là mối quan hệ không thể tách rời trong tiến trình của sự sống, Phật giáo gọi đó là Duyên sinh. Vì vậy sự có mặt của sự vật hiện tượng này có sự tác động, ảnh hưởng đến sự có mặt của các sự vật hiện tượng kia. Rừng là một đại diện,



Phật giáo cho rằng, mọi hành vi bất thiện phát khởi đều từ lòng tham con người “Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện”, danh lợi khiến tâm con người trở nên khác biệt. Nguồn lợi từ gỗ mang lại cho họ có số tiền lớn, nhất là các loại gỗ quý, vì vậy, việc chặt phá rừng là điều khó tránh khỏi. Hay vì những mục đích khác, nguyên nhân sâu xa cũng xuất phát từ lòng tham, sân và sự thiếu hiểu biết mà ra.

là biểu tượng cho sự sống. Có ảnh hưởng to lớn đến sự sống Trái đất, muôn loài nói chung và con người nói riêng. Rừng không những là nơi cung cấp khí oxy mà còn là nhà ở cho các loài động thực vật, là nơi dự trữ nguồn nước quý giá cho sinh môi... Con người vì lòng tham, thấy lợi ích trước mắt mà không thấy được lợi ích lâu dài của rừng nên đã khai thác một cách bừa bãi.

Phật giáo cho rằng, mọi hành vi bất thiện phát khởi đều từ lòng tham con người “*Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện*” [11], danh lợi khiến tâm con người trở nên khác biệt. Nguồn lợi từ gỗ mang lại cho họ có số tiền lớn, nhất là các loại gỗ quý, vì vậy, việc chặt phá rừng là điều khó tránh khỏi. Hay vì những mục đích khác, nguyên nhân sâu xa cũng xuất phát từ lòng tham, sân và sự thiếu hiểu biết mà ra. Việc chặt

phá rừng dẫn đến hậu quả nghiêm trọng về mặt hiện tượng; con người và xã hội. Trong Phật giáo, hành nghiệp này dẫn đến những hệ quả nhất định của nó đối với người tạo tác.

#### **HỆ QUẢ CỦA HÀNH VI TÀN PHÁ RỪNG THEO PHẬT GIÁO**

Về mặt luật pháp, khi khai thác và phá rừng trái phép, trái với quy định Luật Bảo vệ và phát triển rừng số 29/2004/QH11 thì tùy mức độ vi phạm mà xử phạt theo những điều khoản được quy định khác nhau. Mức phạt hành chính hành vi phá rừng trái pháp luật được quy định tại Điều 20 Nghị định 35/2019/NĐ-CP với mức phạt từ 300.000 đồng đến 200.000.000 đồng.

Trong thế giới quan Phật giáo, mỗi hành nghiệp bất thiện khi tạo tác có chủ đích, có sự tác ý của chủ thể



Phật giáo là một tôn giáo tôn trọng sự sống và sự có mặt của vạn pháp, bởi hiểu rõ mọi nhân duyên của sự hiện hữu đều có mối quan hệ mật thiết với nhau.

vào đối tượng, thì hành nghiệp kia đã kết thành tội cố ý và chịu những hệ quả tiêu cực do năng lượng tiêu cực đó tạo ra. Trong việc chặt phá cây cối, điều này được xét vào giới không được sát sanh, tuy mức độ không nặng như giết người, nhưng hành nghiệp này vẫn bị Đức Phật quả trách và chế thành giới luật để chúng đệ tử theo đó thực hành. Người đệ tử Phật thực hành việc chặt phá rừng không đúng pháp luật sẽ bị người dân chê trách, bị xã hội lên án, chịu sự tác động theo hình phạt được pháp luật quy định. Điều này gây ảnh hưởng không nhỏ đến danh dự, uy tín của Phật giáo.

Khi thực hiện hành vi chặt phá rừng trái pháp luật sẽ tạo ra tâm bất thiện, bởi đó là hành vi trái pháp luật, phạm vào giới bất sát (không sát sanh) và giới không trộm cướp (không cho mà lấy), điều này làm cho tinh thần chủ thể hoang mang, lo lắng và bất an. Giới văn ghi rõ: “Tỳ kheo nào, nơi thôn xóm hay chỗ trống vắng, với tâm trộm cắp, lấy vật không được cho. Tùy theo vật không được cho mà lấy, hoặc bị vua hay đại thần của vua bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi ra khỏi nước, rằng: “Người

là giặc, người ngu si, người không biết gì.’ Tỳ kheo ấy là kẻ Ba-la-di, không được sống chung” [12]. Hoặc: “Nếu Tỳ kheo ở nơi xóm làng, chỗ vắng vẻ, của người ta không cho mà lấy trộm đủ số (quy định) thì phạm tội Ba-la-di không được sống chung (với Tăng chúng)” [13]. Hay giới cho người Phật tử tại gia: Từ cây kim, ngọn cỏ, người ta không cho thì không được lấy. Việc phá rừng sẽ đưa đến những hệ quả tệ hại về môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và nhân loại.

Như vậy, khi thực hiện hành vi phá rừng sẽ phạm vào hai giới; giới không sát sanh và giới không trộm cắp. Họ sẽ bị luật pháp xử phạt, người giữ giới thanh tịnh không hoan hỷ, không cho ở chung, bị người khác chê trách và danh dự, uy tín bị ảnh hưởng hoặc không còn gì. Nhìn sâu xa hơn, việc phá rừng chặt cây hại mạng sẽ tạo nên nhân không tốt, trong tương lai cũng sẽ nhận lại những quả không tốt. Ý hành, thân hành và khẩu hành sẽ đưa đến những nghiệp duyên nhất định. Khi có hành sanh khởi, chúng sẽ tích tập trong tàng thức, tàng thức này là kho chứa các thức, các hành nghiệp do chủ thể tạo tác, khi



đủ duyên chúng sẽ tạo ra những hành nghiệp tương ứng. Vì vậy, khi tạo ra năng lượng tiêu cực chắc chắn sẽ có sự chuyển tiếp tiêu cực trong tương lai. Phật giáo gọi là Nhân-duyên-quả, cũng gọi là Nghiệp thức.

### PHƯƠNG PHÁP KHẮC PHỤC

Người đệ tử Phật phải hiểu rõ mối nhân duyên giữa các sự vật hiện tượng, bản chất của sự sống là sự cộng sinh, cộng tồn. Pháp Duyên khởi là một hệ thống triết học sâu sắc, mang tính logic cao vượt mọi ngôn ngữ, thời gian và nơi chốn. Ngoài việc đề cập đến sự sinh khởi của vạn pháp thì pháp Duyên khởi cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa các sự vật hiện tượng với nhau. Đó chính là mối tương quan, hỗ trợ trong sự sinh, trụ, di, diệt. Người con Phật phải thấy được lý Duyên sinh mới có thể kiểm soát được hành vi, việc làm của mình phù hợp với lời Đức Phật dạy, làm an vui cho mình và cho người.

Chuyển biến tâm lý của con người về tham, sân, si đều xuất phát từ sự vô minh, dẫn đến chấp ngã, chấp pháp, tham cầu về mình, thấy lợi trước mắt mà không cân quan tâm đến vấn đề chung, số đông; thấy được nguồn lợi từ rừng mà quên đi hiểm họa khôn lường khi phá rừng một cách bừa bãi. Do đó, Đức Phật đã chỉ cho chúng sanh hãy sống với tâm lượng Từ-bi-hỷ-xả và thực tập phương pháp quán vô ngã, vô thường, không có cái gì là của mình, từ đó sống có trách nhiệm và làm lợi ích chung nhất: *“Do vậy, này các Tỳ kheo, bất cứ các pháp nào, quá khứ, tương lai, hiện tại, nội hay ngoại, thô hay tế, liệt hay thắng, xa hay gần; tất cả sắc pháp là: “Cái này không phải của tôi, cái này không phải là tôi, cái này không phải tự ngã của tôi,” cần phải như thật quán với chánh trí tuệ”* [14]. Ngoài ra, đệ tử Phật phải thực hành giới luật - giới không sát sanh và giới không trộm cắp, thì hành vi phá rừng, chặt đốn cây cối cũng được hạn chế, mang lại lợi ích thiết thực trong hiện tại lẫn tương lai.

Theo lời Đức Phật dạy trong *Kinh Tăng Chi Bộ*: *“Trồng cây cho ta bóng mát, ngoài việc thanh lọc không khí, còn bảo tồn trái đất, đó là điều lợi lạc cho tất cả mọi người và cho cả bản thân ta”*, Phật giáo đã có những chương trình trồng rừng mang tầm chiến lược, như: *“Chương trình chung tay trồng rừng Việt Nam là sáng kiến của Trung tâm Phát triển Thế giới thêm xanh mở ra cơ hội để mỗi*

*chúng ta có thể đóng góp một phần của mình cùng với chương trình trồng rừng của Chính phủ nhằm đem lại sự phát triển bền vững. Chương trình được Trung ương GHPGVN đồng hành, bảo trợ, và đặc biệt là những công hiến của các họa sĩ đã trao tặng những tác phẩm hội họa đặc biệt được LocalArt tổ chức giới thiệu và sẽ dành toàn bộ giá trị của hơn 100 tác phẩm này cho chương trình chung tay trồng rừng Việt Nam”* [15].

Hoà thượng Thích Bảo Nghiêm (Đoàn Đại biểu Quốc hội TP. Hà Nội) đã kêu gọi mọi người trồng cây xanh, bảo vệ môi trường: *“Nhân đây chúng tôi cũng xin thưa, giáo lý của đạo Phật là nghiêm cấm việc chặt cây. Chặt cây cũng bị coi là sát sinh. Lời di chúc của Đức Phật trước khi rời cõi đời này là không được chặt cây cối, phá hoại núi rừng. Cây cối cho ta sự sống, che mát, nên cấm tuyệt đối việc chặt cây”* [16].

Với phương pháp cụ thể, đường lối rõ ràng và sự tuyên truyền đúng mực thì việc phá rừng sẽ được giảm thiểu. Ngoài việc tuyên truyền trên truyền thông báo chí, cần phải có những phương pháp, hành động cụ thể. Thực hiện nghiêm túc luật bảo vệ và khai thác rừng thông qua Thông tư của Bộ Lâm Nghiệp Hướng dẫn thực hiện Nghị định 14/CP của Chính phủ ban hành quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý và bảo vệ rừng do Quốc hội ban hành. Có những chính sách hỗ trợ cho đồng bào dân tộc và vùng ven rừng sẽ giảm thiểu tỷ lệ phá rừng để sinh hoạt sản xuất.

Những biện pháp khắc phục theo giáo lý Phật giáo sẽ đi từ trong ra ngoài. Nghĩa là nâng cao sự hiểu biết và sự nhận thức rõ ràng của quần chúng nhân dân thông qua luật Nhân quả, Duyên sinh, đặc biệt là giới không sát sanh từ con người đến mọi loài. Đây được xem là phương pháp hữu hiệu giúp người dân tự giác bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường. Phật giáo bằng những việc làm cụ thể sẽ góp phần tích cực tham gia vào việc bảo vệ rừng một cách hiệu quả và lâu dài.

### KẾT LUẬN

Trước vấn nạn phá rừng, con người cần phải tự mình nhìn lại và cần có những phương hướng, giải pháp nhất định. Con người vì lòng tham và lợi nhuận trước mắt đã vô tình làm tổn thương đến lá phổi xanh của Trái Đất, đang làm tổn thương chính đời

sống của mình. Vì rừng chính là nguồn sống không riêng gì của con người mà còn của muôn loài. Việc phá rừng nghiêm trọng như vậy, nếu không có sự nhìn nhận đúng mức và giải pháp phù hợp sẽ khiến con người gặp nhiều khó khăn hơn để phục hồi rừng, bảo vệ môi trường, bầu khí quyển, Trái Đất.

Thấy được lợi ích và sự ảnh hưởng của rừng, Quốc hội đã đưa ra một số nghị quyết, thông tư liên quan đến bảo vệ và khai thác rừng, từ đó có thể giúp người dân ý thức được vai trò và trách nhiệm của mỗi cá nhân, tổ chức khi khai thác và sử dụng đất rừng phù hợp. Phật giáo không xa rời đời sống thực tế, thông qua giới không sát sanh, ngoài việc cấm không giết người thì giới này cũng đề cập đến việc tôn trọng mạng sống của hoa lá, cây cỏ, không được xâm phạm làm tổn hại mạng sống của chúng. Bên cạnh đó, triết lý Phật giáo cho chúng sanh có những giáo lý và phương pháp để tu tập, ý thức rõ cuộc sống này là sự cộng sinh, có sự tương tác và tác động lẫn nhau. Vì vậy, bảo vệ rừng chính là bảo vệ sự sống của con người và Trái Đất. Bên cạnh những lý thuyết mang tính nhân văn, người đệ tử Phật hành động nhanh chóng, kịp thời và cụ thể, tham gia tích cực vào công tác bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ rừng, khuyến khích trồng cây tại các tự viện, nơi công cộng vì một Việt Nam xanh, một thế giới trong lành.

### Chú thích:

\* ĐĐ. Thích Tâm Tín – Học viên Cao học Phật học khóa V tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh

- [1] Tú Lê (2020), “Nạn phá rừng tại Việt Nam đang ngày càng ở mức báo động”, Nguồn: <https://moitruongvaxahoi.vn/nan-pha-rung-tai-viet-nam-dang-ngay-cang-o-muc-bao-dong-1408364253.html>, truy cập ngày 19/8/2022.
- [2] Hoa Lan (2022), “Nạn phá rừng trên thế giới vẫn tiếp diễn bất chấp cam kết tại COP26”, *Báo Nhân dân*, <https://nhandan.vn/nan-pha-rung-tren-the-gioi-van-tiep-dien-bat-chap-cam-ket-tai-cop26-post695024.html>, truy cập ngày 20/11/2022
- [3] Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 1*, 4. *Kinh Sơ Hài Và Khiếp Đam*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.39.
- [4] Thích Minh Châu (dịch, 1999), *Kinh Tiểu Bộ 1, Pháp Cú*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.51.
- [5] Tăng-Già-Đề-Bà: Hán dịch, Tuệ Sỹ: Việt dịch (2008), *Kinh Trung A-Hàm Tập 1*, 107. *Kinh Lâm (1)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.813.
- [6] Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 1*, 21. *Kinh Ví Dụ Cái Cưa*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.165.
- [7] Phật-Đà Da-Xá và Trúc-Phật-Niệm (Hán dịch), Thích Đồng Minh (Việt dịch, 2013), *Luật Tứ Phần 1, Chương I: Ba-La-Di*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.56.
- [8] Phật Đà Bạt Đà La - Sa Môn Pháp Hiền (Hán dịch), Thích

- Phước Sơn (Việt dịch, 2011), *Luật Ma Ha Tăng Kỳ tập 2*, 11. *Giới: Chặt Phá Cây Sống*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.123.
- [9] Phật Đà Bạt Đà La - Sa Môn Pháp Hiền (Hán dịch), Thích Phước Sơn (Việt dịch, 2011), *Luật Ma Ha Tăng Kỳ tập 2*, 11. *Giới: Chặt Phá Cây Sống*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.126.
- [10] Nguyễn (2018), *5 thí nghiệm cho thấy cây cối cũng có tri giác và cảm xúc*, Nguồn: <https://mialab.vn/5-thi-nghiem-cho-thay-cay-coi-cung-co-tri-giac-va-cam-xuc>, truy cập ngày 18/8/2022.
- [11] Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 1*, 9. *Kinh Chánh Tri Kiến*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.75.
- [12] Phật-Đà Da-Xá và Trúc-Phật-Niệm (Hán dịch), Thích Đồng Minh (Việt dịch, 2013), *Luật Tứ Phần tập 1, Chương I: Ba-La-Di*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh, tr.38.
- [13] Phật Đà Bạt Đà La - Sa Môn Pháp Hiền (Hán dịch), Thích Phước Sơn (Việt dịch, 2011), *Luật Ma Ha Tăng Kỳ - Tập 1*, 2. *Giới: Trộm Cắp*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.99.
- [14] Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 1*, 22. *Kinh Ví Dụ Con Rắn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.183.
- [15] Hoàng Tuấn - Cẩm Vân (2019), *GHPGVN phối hợp vận động phủ xanh rừng*, Nguồn: <https://giacngo.vn/ghpgvn-phoi-hop-van-dong-phu-xanh-rung-post48853.html>, truy cập ngày 19/8/2022.
- [16] Võ Hải (2017), *Đại biểu Quốc hội nên cấm tuyệt đối việc chặt cây*, Nguồn: <https://vnexpress.net/dai-bieu-quoc-hoi-nen-cam-tuyet-doi-viec-chat-cay-3596434.html>, truy cập ngày 17/08/2022.

### Tài liệu và tham khảo

1. Phật Đà Bạt Đà La - Sa Môn Pháp Hiền (Hán dịch), Thích Phước Sơn (Việt dịch, 2011), *Luật Ma Ha Tăng Kỳ (tập 2)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
2. Phật Đà Bạt Đà La - Sa Môn Pháp Hiền (Hán dịch), Thích Phước Sơn (Việt dịch, 2011), *Luật Ma Ha Tăng Kỳ (tập 1)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
3. Phật-Đà Da-Xá và Trúc-Phật-Niệm (Hán dịch), Thích Đồng Minh (Việt dịch, 2013), *Luật Tứ Phần 1*, Nxb. Phương Đông, TP. Hồ Chí Minh.
4. Tăng-Già-Đề-Bà (Hán dịch), Tuệ Sỹ (Việt dịch, 2008), *Kinh Trung A-Hàm tập 1*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
5. Thích Minh Châu (dịch, 1999), *Kinh Tiểu Bộ 1*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh.
6. Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 1*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Hoàng Tuấn - Cẩm Vân (2019), *GHPGVN phối hợp vận động phủ xanh rừng*, <https://giacngo.vn/ghpgvn-phoi-hop-van-dong-phu-xanh-rung-post48853.html>. Truy cập ngày 19/8/2022.
8. Nguyễn (2018), *5 thí nghiệm cho thấy cây cối cũng có tri giác và cảm xúc*, <https://mialab.vn/5-thi-nghiem-cho-thay-cay-coi-cung-co-tri-giac-va-cam-xuc>. Truy cập ngày 18/8/2022.
9. Tú Lê (2020), *Nạn phá rừng tại Việt Nam đang ngày càng ở mức báo động*, <https://moitruongvaxahoi.vn/nan-pha-rung-tai-viet-nam-dang-ngay-cang-o-muc-bao-dong-1408364253.html>. Truy cập ngày 19/8/2022.
10. Võ Hải (2017), *Đại biểu Quốc hội nên cấm tuyệt đối việc chặt cây*, <https://vnexpress.net/dai-bieu-quoc-hoi-nen-cam-tuyet-doi-viec-chat-cay-3596434.html>. Truy cập ngày 17/8/2022.

Những chương trình

**Phật Sự**

Online

Thực hiện



BẢN TIN PHẬT SỰ 20H



BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẬP CHÍ  
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CẨM HOA



CHUYỆN CỬA THIỀN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA



CÂU CHUYỆN BÊN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



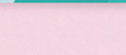
NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT  
TRẮNG THẮNG TỰ



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN



LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ Live và đăng tin tức  
Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÁNH - 0944 020802  
Email: PSOMiennam@phatsuonline.com



# HỆ PHÁI KHẮT SĨ VIỆT NAM TRONG DÒNG CHẢY



## Vĩnh Thông

### ĐẶT VẤN ĐỀ

Đạo Phật Khất sĩ Việt Nam hiện được gọi là hệ phái Khất sĩ, một trong các hệ phái tham gia vào ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Đây là một truyền thống Phật giáo ra đời trên mảnh đất Nam bộ, do Đức Tổ sư Minh Đăng Quang khai sáng vào năm 1944. Với tôn chỉ “*Nói truyền Thích Ca chánh pháp*”, Phật giáo Khất sĩ đã thổi một luồng gió mới vào đời sống Phật giáo Việt Nam thời bấy giờ. Đến nay, hệ phái này đã phát triển mạnh mẽ với những đóng góp quan trọng cho Phật giáo Việt Nam và dân tộc Việt Nam.

### SỰ XÁC LẬP TÔN CHỈ CỦA ĐỨC TỔ SƯ MINH ĐĂNG QUANG

Đường lối của Đức Tổ sư Minh Đăng Quang là “*Nói truyền Thích Ca chánh pháp*”. Lời tuyên bố ấy tuy ngắn gọn nhưng đóng vai trò rất quan trọng, vừa thể hiện mục tiêu của hệ phái Khất sĩ, vừa khẳng định giá trị của giáo pháp Khất sĩ, đồng thời là định hướng để đoàn thể Khất sĩ triển khai hoạt động hoằng pháp. Nói cách khác, nội dung tư tưởng và hình thức hành đạo của đạo Phật Khất sĩ Việt Nam suy cho cùng là hướng về tâm điểm “*Nói truyền Thích Ca chánh pháp*”.



“Người Khất sĩ chỉ có ba pháp tu học vấn tất là: Giới, Định, Huệ” (Hình ảnh bé mặc khóa tu lần V Chư Ni trực thuộc Giáo đoàn 6, Hệ phái Khất sĩ - phathocdoisong.com)

Ở góc nhìn xã hội, Đức Tổ sư xác lập đường lối cho trường phái Phật giáo mới là một khuynh hướng rất đặc sắc. Bởi, trong bối cảnh Việt Nam từ giữa thế kỷ XIX đến giữa thế kỷ XX, có rất nhiều tôn giáo, tín ngưỡng mới ra đời, nhưng ít có tổ chức đưa ra một tôn chỉ cụ thể. Điều đó cho thấy sự chuẩn bị rất chu đáo của Đức Tổ sư khi “*lập giáo khai tông*”.

Trong phạm vi tôn giáo, những biến động thời cuộc đã ảnh hưởng lớn đến Phật giáo. Từ đó, xuất hiện ba khuynh hướng nổi bật: (1) Phật giáo Bắc tông (Đại thừa) phát động phong trào Chân hưng. (2) Phật giáo Nam tông (Thượng tọa bộ) du nhập vào cộng đồng người Việt, bên cạnh Phật giáo Nam tông có truyền thống lâu đời của cộng đồng người Khmer.

(3) Các tôn giáo mới ra đời, xuất phát từ Phật giáo hoặc ít nhiều chịu ảnh hưởng Phật giáo, do hàng ngũ cư sĩ khởi xướng. Điều thú vị là cả ba xu hướng này đều xuất hiện ở miền Nam.

Trước tình hình đó, Đức Tổ sư nhận xét: “*Đạo Phật lâu nay ví như cái bát bể chẳng nguyên lành, giới luật phân chia không còn Giáo hội. Do đó mà ai cũng đạo Phật, ai cũng Tăng-già, kẻ giống ba, người giống bảy, làm cho ngoại khách xem vào như là trong cõi đời chưa có Tăng sư cùng đạo Phật*” [1]. Từ sự nhìn nhận về bối cảnh Phật giáo đương thời, “*Nói truyền Thích Ca chánh pháp*” trở thành chí nguyện mà Ngài xác lập để hành đạo. Cần lưu ý, giữa bối cảnh Phật giáo đang bước vào thời kỳ chân hưng, mặc dù các nhà nghiên

Nửa đầu thế kỷ XX, nhiều trào lưu được triển khai trong cộng đồng Phật giáo Việt Nam, nhằm xiên dương những giá trị của đạo Phật trong thời đại mới. Giữa bối cảnh ấy, Đức Tổ sư Minh Đăng Quang xuất hiện như một nhân vật quan trọng và đạo Phật Khất sĩ Việt Nam do Ngài sáng lập đã mang đến một luồng sinh khí mới. (Ảnh Tổ sư Minh Đăng Quang (1923-1954) - [thuvienhoasen.org](http://thuvienhoasen.org))



cứu thường nhận định hệ phái Khất sĩ là sự dung hợp từ tư tưởng Phật học Thượng tọa bộ và Đại thừa, tuy nhiên đó chỉ là về mặt “sự”. Còn về mặt “lý”, Phật giáo Khất sĩ theo quan niệm của Đức Tổ sư không phải Nam tông, không phải Bắc tông, càng không phải “đạo tổng hợp”, mà y cứ trên Pháp bảo để vận hành. Đức Phật cũng khẳng định: “*Pháp và Luật, Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo sư của các người*” [2].

### VAI TRÒ CỦA PHẬT GIÁO KHẤT SĨ TRONG DÒNG CHẢY THỜI ĐẠI

#### ***Trở về truyền thống ban sơ của Phật giáo***

*Khẳng định lại vị thế của người xuất gia*

Trong Phật giáo Nguyên thủy, Tăng sĩ là đối tượng chính trên đạo lộ giải thoát. Đến Phật giáo Đại thừa, vai trò của cư sĩ được nâng cao. Do vậy, các quốc gia Phật giáo Đại thừa có xu hướng đề cao cư sĩ, thậm chí đến mức độ ngang bằng với Tăng sĩ. Từ đặc điểm đó, cộng thêm tình hình Phật giáo Việt Nam khủng hoảng thời bấy giờ, xuất hiện tình trạng một bộ phận cư sĩ không cung kính đúng mực với Tăng sĩ. Xuất hiện trong bối cảnh đó, Đức Tổ sư Minh Đăng Quang khẳng định: “*Đạo Phật là sự thật hành để thành Phật, là sự tu giống y theo Phật. Con đường ấy là Khất sĩ, là Tăng, là đệ tử Phật sau này, là giới luật y bát chơn truyền vậy*” [3]. Quan điểm này đã xác lập lại vị thế xứng đáng của người xuất gia trong Phật giáo mà kinh điển luôn đề cập.

Tuy vậy, không phải cứ xuất gia thì sẽ được cư gia kính trọng. Trái lại, Đức Tổ sư yêu cầu người xuất gia phải thực hành giới luật và trên thực tế Tăng Ni hệ phái luôn giữ gìn giới luật một cách nghiêm cẩn. Trong truyền thống Khất sĩ, mối quan hệ giữa người xuất gia và người tại gia (thậm chí giữa những người xuất gia với nhau) đều dựa trên giới luật, theo đó người giữ ít giới phải kính trọng người giữ nhiều giới hơn. Giới luật là bậc thang để mỗi người tiến hóa trên hành trình tu tập, mỗi người phát triển bản thân từ giữ ít giới đến tập dần giữ nhiều giới. Đó là quan điểm lớn được Đức Tổ sư triển khai nhiều lần trong bộ *Chơn lý*.

*Pháp học: Giới - Định - Huệ là nền tảng*

Lấy Giới - Định - Huệ làm nền tảng trên tiến trình tu tập là chủ trương lớn mà Đức Tổ sư Minh Đăng Quang trình bày xuyên suốt bộ *Chơn lý*. Trong đó, lời khẳng định ngắn gọn nhưng quan trọng của Ngài là: “*Người Khất sĩ chỉ có ba pháp tu học vẫn tất là: Giới, Định, Huệ*” [4]. Bởi lẽ trong Phật giáo, Giới - Định - Huệ là sự thu tóm từ Bát Thánh đạo: Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng thuộc về Giới, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định thuộc về Định, Chánh kiến và Chánh tư duy thuộc về Huệ. Đây là con đường chấm dứt khổ đau mà Đức Phật đã tuyên bố lần đầu tiên sau khi Ngài giác ngộ. Sau đó trong suốt sự nghiệp hoằng pháp, Đức Thế Tôn luôn đề cao tầm quan trọng của Thánh đạo tám ngành. Ngài khẳng định: “*Trong Pháp, Luật nào không có Bát*



Những chiếc y vàng pháp phối trên mọi nẻo đường từ thôn quê ra phố chợ, từ miền Nam ra miền Trung trong những thập niên 1950 - 1980 đã gây ấn tượng và cảm hóa hàng vạn con người. Những vị Khất sĩ đã làm sống lại hình ảnh Tăng đoàn thời Đức Phật, khôi phục phương pháp giáo hóa mà Đức Thế Tôn đã thiết lập, mở ra cơ hội truyền bá chánh pháp và hóa độ người hữu duyên. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến Phật giáo Khất sĩ phát triển với tốc độ rất mạnh mẽ.

(Ảnh: *suu tâm*)

*Thánh đạo, thời ở đây không có (đệ nhất) Sa môn, cũng không có đệ nhị Sa môn, cũng không có đệ tam Sa môn, cũng không có đệ tứ Sa môn” [5].*

Khi chủ trương trở về với giáo pháp ban sơ của đạo Phật trên nền tảng Giới - Định - Huệ, Đức Tổ sư đã đề cao vai trò của mỗi cá nhân trong con đường tu tập. Tuy vậy để có được thành tựu, hành giả cần chuyển hóa bản thân bằng sự nỗ lực của chính mình, không nương tựa vào ai khác. Trong bối cảnh bấy giờ, chủ trương của Đức Tổ sư đã theo đúng tôn chỉ của Đức Phật, xem con người là trung tâm của lộ trình giải thoát.

*Pháp hành: Tứ y pháp là trụ cột*

Dù cho phép một số môn đệ hành đạo riêng lẻ, nhưng tinh thần chung mà Đức Tổ sư Minh Đăng Quang đề cao là sống chung tu học. Để sống chung tu học, mỗi cá nhân cần xây dựng đời sống phạm hạnh dựa trên giới luật, mà trong đó Tứ y pháp là trụ cột. Tứ y pháp gồm: Ăn thực phẩm khất thực, mặc y từ vải bỏ, ngủ dưới gốc cây, dùng cỏ cây làm thuốc. Đây là phép hành trì truyền thống của Phật giáo, được đề cập trong *Luật tạng* của sáu bộ phái

mà nhân loại còn giữ được. *Tứ phần luật* của bộ phái Dharmaguptaka (Pháp tạng bộ) quy định: “*Từ nay về sau, trước hết thọ giới rồi sau mới thọ tứ y*” [6]. Do vậy có thể nói, Đức Tổ sư đã khẳng định lại giá trị của Tứ y pháp trong Phật giáo.

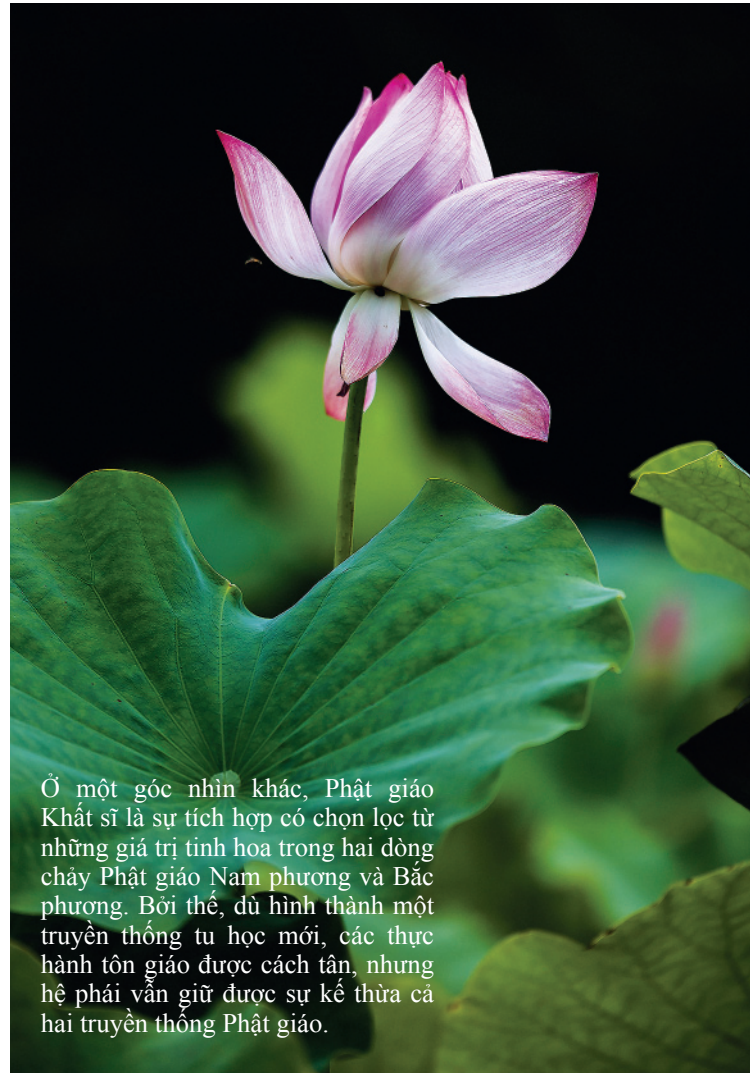
Người Khất sĩ có ba tấm y (y thượng, y trung, y hạ) và một bình bát đất, mỗi sáng đi khất thực hóa duyên. Trong quan niệm của hệ phái, thực hành khất thực xoay quanh mối quan hệ xin - cho. Khất sĩ xin thức ăn để nuôi thân, ngược lại cho giáo pháp đến cư sĩ. Cư sĩ xin giáo pháp để nuôi trí, ngược lại cho thức ăn đến Khất sĩ. Ngoài khất thực mỗi sáng, Khất sĩ xem mình là “*du Tăng*” đi khắp nơi hành đạo. Những chiếc y vàng pháp phối trên mọi nẻo đường từ thôn quê ra phố chợ, từ miền Nam ra miền Trung trong những thập niên 1950-1980 đã gây ấn tượng và cảm hóa hàng vạn con người. Những vị Khất sĩ đã làm sống lại hình ảnh Tăng đoàn thời Đức Phật, khôi phục phương pháp giáo hóa mà Đức Thế Tôn đã thiết lập, mở ra cơ hội truyền bá chánh pháp và hóa độ người hữu duyên. Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng khiến Phật giáo Khất sĩ phát triển với tốc độ rất mạnh mẽ.

### XÓA BỎ RÀO CẢN PHÂN BIỆT

Từ nhỏ, Đức Tổ sư Minh Đăng Quang đã tiếp cận với Phật giáo Đại thừa, theo đức tin truyền thống của gia đình. Nhờ vậy, Ngài hiểu sâu sắc trường phái này. Lúc trưởng thành, Ngài sang Campuchia học Phật giáo Thượng tọa bộ. Khi đó, Ngài nhận thấy trường phái này giữ gìn được nét đẹp của Tăng đoàn thời Đức Phật, nhưng nhiều khía cạnh khác biệt với truyền thống Phật giáo Việt Nam có bề dày hai ngàn năm.

Đức Tổ sư nhận định chính xác rằng, do sự khác biệt của mỗi dân tộc, quốc độ mà đạo giáo từ đó có những khác biệt. Để rồi, chính những khác biệt ấy có thể trở thành rào cản, ngăn con người tiếp cận chơn lý, nhưng thực chất con đường đi đến giác ngộ không có sự phân chia. Để xóa bỏ những rào cản phân biệt, Ngài kêu gọi người xuất gia hòa hợp trên nền tảng giới luật, tu tập theo gương Phật, thực hành đúng Chánh pháp. Ngài cho rằng: *“Chúng ta là phái quên mình, quên giáo pháp ý riêng của mình, hãy ngó ngay Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tức là ngó ngay giới luật, ông thầy thiện lành trong sạch, mà hiệp hòa bình đẳng nơi giới luật Phật”* [7]. Trong *Kinh Trung Bộ*, Tôn giả Ānanda cũng từng trả lời Bà-la-môn Gopaka Moggallāna rằng: *“Thế Tôn, bậc Tri Giả, Kiến Giả, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác đã thi thiết học pháp, đã tuyên bố giới bổn Pātimokkha cho các Tỳ kheo. [...] Thật vậy, không phải các Tôn giả xử sự chúng tôi, chính pháp xử sự chúng tôi”* [8].

Đức Tổ sư tin tưởng, nếu ai ai đều làm được như thế, đạo Phật ắt sẽ hiệp hòa. Với ý tưởng nói trên và quá trình miệt mài hiện thực hóa ý tưởng ấy của Đức Tổ sư và hàng ngũ đệ tử, đạo Phật Khất sĩ Việt Nam đã nhanh chóng trở thành một hiện tượng tôn giáo nổi bật ở Nam Kỳ giữa thế kỷ XX. Một câu hỏi được đặt ra, xóa nhòa khoảng cách giữa Nam tông và Bắc tông, nhưng lại hình thành đoàn thể Khất sĩ, phải chăng là sự chia tách một tông phái mới? Dĩ nhiên, từ góc nhìn xã hội, mọi người đều thừa nhận Phật giáo Khất sĩ là một tông phái mới. Tuy nhiên, từ góc nhìn Phật giáo, đạo Phật Khất sĩ Việt Nam là một danh xưng đặt tạm để giao tiếp ở thế gian mà thôi. *“Khất sĩ ấy là đạo, là đường đi; mượn tạm đường đi ấy để đi đến nơi chơn thật, mục đích kết quả của mỗi người; chớ đạo ấy không phải là tên chi”* [9].



Ở một góc nhìn khác, Phật giáo Khất sĩ là sự tích hợp có chọn lọc từ những giá trị tinh hoa trong hai dòng chảy Phật giáo Nam phương và Bắc phương. Bởi thế, dù hình thành một truyền thống tu học mới, các thực hành tôn giáo được cách tân, nhưng hệ phái vẫn giữ được sự kế thừa cả hai truyền thống Phật giáo.

Ở một góc nhìn khác, Phật giáo Khất sĩ là sự tích hợp có chọn lọc từ những giá trị tinh hoa trong hai dòng chảy Phật giáo Nam phương và Bắc phương. Bởi thế, dù hình thành một truyền thống tu học mới, các thực hành tôn giáo được cách tân, nhưng hệ phái vẫn giữ được sự kế thừa cả hai truyền thống Phật giáo [10]. Điều đó giải thích vì sao chúng ta có thể cảm nhận một dòng chảy Phật giáo mới mà không lạ, đủ khả năng kết nối những con người đến từ các truyền thống Phật giáo khác nhau.

### GÓP PHẦN XÂY DỰNG MỘT NỀN PHẬT GIÁO DÂN TỘC

Việt Nam tiếp xúc với cả văn minh Ấn Độ và văn minh Trung Hoa và đón nhận các truyền thống Phật giáo từ hai nền văn minh lớn này. Các thế hệ tổ sư nước ta đã dày công vun đắp một truyền



thống Phật giáo phù hợp với căn tính dân tộc Việt Nam. Do vậy, một mặt từ chí nguyện “*Nói truyền Thích Ca chánh pháp*”, Đức Tổ sư Minh Đăng Quang tìm về sự hành trì nguyên thủy của Phật giáo. Mặt khác từ thực tiễn đất nước, Ngài mong muốn giảm bớt những ảnh hưởng của văn hóa ngoại nhập không phù hợp trong bối cảnh bấy giờ. Hai điều đó đòi hỏi Ngài kiến tạo một hình thái Phật giáo vừa không xa rời văn hóa dân tộc, vừa không xa rời giáo pháp Đức Phật. Đây cũng là đặc điểm nổi bật của đạo Phật Khất sĩ Việt Nam mà chúng ta dễ dàng nhận thấy.

Trước tiên, kinh điển Phật giáo khi đó được Việt hóa một phần, nhưng phần lớn còn nằm trong kho tàng chữ Hán và Pāli. Để hoằng pháp một cách nhanh chóng, dễ dàng, gần gũi, Đức Tổ sư biên soạn bộ *Chơn lý*, gồm 69 tiểu luận, viết bằng chữ Quốc ngữ. Tác phẩm trình bày nhiều vấn đề cốt lõi trong Phật giáo, hướng dẫn đường lối tu hành đúng Chánh pháp, quét sạch mê tín, thần quyền, tà kiến... Ngoài trước tác, Ngài còn làm một cuộc thay đổi lớn trong Phật giáo đương thời khi sử dụng kinh tụng bằng tiếng Việt hoàn toàn, thay vì phiên âm Hán Việt (Bắc tông) hoặc tiếng Pāli (Nam tông). Trong nghi lễ, Phật giáo Khất sĩ đơn giản hóa hình thức, không âm nhạc, tán xướng, trì chú... Chuông gia trì là pháp khí duy nhất được sử dụng, không có mõ, trống, khánh, tang, bồng... Lễ phục của Tăng Ni là trang phục thường nhật, không có thêm các loại áo mào khác. Tăng Ni đắp y theo truyền thống Phật giáo Nguyên thủy, nhưng có một số cách tân, đặc biệt là đưa áo dài cổ truyền Nam bộ làm y hậu cho Ni giới và áo giới cho cư sĩ.

Ngoài ra, Phật giáo Khất sĩ có nhiều dấu ấn đặc thù về văn hóa rất phong phú. Chẳng hạn, Đức Tổ sư thiết kế hình ảnh đèn chơn lý làm biểu trưng cho đạo Phật Khất sĩ Việt Nam với ba bộ phận là mặt nước, hoa sen, ngọn đèn. Cơ sở tôn giáo được gọi là tịnh xá, hình bát giác, trung tâm có tháp Pháp tôn trí duy nhất tượng Đức Phật Thích Ca. Tăng Ni ăn mỗi ngày một bữa theo Phật giáo Nam tông, nhưng ăn chay theo Phật giáo Bắc tông... Sự định hình phong cách cho một hệ phái hoặc tổ chức tôn giáo là công việc quan trọng. Có thể nói, Đức Tổ sư là kiến trúc sư tài ba trong công cuộc góp phần xây dựng một nền Phật giáo dân tộc mang đậm hơi thở thời đại.

## KẾT LUẬN

Nửa đầu thế kỷ XX, nhiều trào lưu được triển khai trong cộng đồng Phật giáo Việt Nam, nhằm xiển dương những giá trị của đạo Phật trong thời đại mới. Giữa bối cảnh ấy, Đức Tổ sư Minh Đăng Quang xuất hiện như một nhân vật quan trọng và đạo Phật Khất sĩ Việt Nam do Ngài sáng lập đã mang đến một luồng sinh khí mới. “*Nói truyền Thích Ca chánh pháp*” là một tuyên ngôn hùng tráng, qua đó Đức Tổ sư kêu gọi người xuất gia trở về với truyền thống ban sơ thời Đức Phật. Ngài chủ trương hòa hợp Tăng-già dựa trên giới luật. Với pháp học lấy Giới - Định - Huệ làm nền tảng, pháp hành lấy Tứ y pháp làm trụ cột, Phật giáo Khất sĩ đã tái khẳng định vị thế của người xuất gia trong lộ trình giải thoát. Mặt khác, đạo Phật Khất sĩ Việt Nam ra đời ở Việt Nam trong bối cảnh giao thoa hai nền văn minh Đông - Tây. Đức Tổ sư đã khéo léo xây dựng một nền Phật giáo mang đậm dân tộc tính từ hình thức đến nội dung. Nhờ vậy, hệ phái Khất sĩ dễ dàng đi vào lòng người, thu hút đông đảo quần chúng mê mộ, đồng thời đóng góp vào kho tàng văn hóa đa dạng của dân tộc.

### Chú thích:

- [1] Tổ sư Minh Đăng Quang (2016), *Chơn lý*, Nxb. Tổng hợp TP HCM, tr.697.
- [2] Thích Minh Châu dịch (2013), *Kinh Trường bộ*, Nxb. Tôn giáo, tr.337.
- [3] Tổ sư Minh Đăng Quang (2016), *Sđđ*, tr.721.
- [4] Tổ sư Minh Đăng Quang (2016), *Sđđ*, tr.166.
- [5] Thích Minh Châu dịch (2013), *Sđđ*, tr.335-336.
- [6] Thích Đồng Minh & Thích Đức Thắng dịch, Thích Nguyên Chứng hiệu chính & chú thích (2006), *Tứ phần luật*, Quyển 4, Ban Tu thư Phật học, tr.160.
- [7] Tổ sư Minh Đăng Quang (2016), *Sđđ*, tr.697.
- [8] Thích Minh Châu dịch (2012), *Kinh Trung bộ (tập II)*, Nxb. Tôn giáo, tr.333-334.
- [9] Tổ sư Minh Đăng Quang (2016), *Sđđ*, tr.724-725.
- [10] Thích Như Nguyệt (2015), “Nét đặc sắc của Phật giáo vùng Mê-kông”, *Phật giáo vùng Mê-kông: Di sản và văn hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM, tr.94.

### Tài liệu tham khảo:

1. Thích Minh Châu dịch (2012), *Kinh Trung bộ (tập II)*, Nxb. Tôn giáo.
2. Thích Minh Châu dịch (2013), *Kinh Trường bộ*, Nxb. Tôn giáo.
3. Thích Như Nguyệt (2015), “Nét đặc sắc của Phật giáo vùng Mê-kông”, *Phật giáo vùng Mê-kông: Di sản và văn hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM.
4. Tổ sư Minh Đăng Quang (2016), *Chơn lý*, Nxb. Tổng hợp TP HCM.
5. Thích Đồng Minh & Thích Đức Thắng dịch, Thích Nguyên Chứng hiệu chính & chú thích (2006), *Tứ phần luật*, Quyển 4, Ban Tu thư Phật học.

# Định nghĩa cõi Tịnh



**Tóm tắt:** Đức Phật giảng dạy tám mươi bốn ngàn pháp môn, mỗi pháp môn phù hợp cho trình độ và căn cơ của chúng sinh tiếp nhận, tất cả đều nhằm mục đích để người tu học đạt đạo giải thoát. Sự phát triển của pháp môn Tịnh độ có bề dày lịch sử hàng nghìn năm và rất được Phật tử mến chuộng. Bài viết sau đây trình bày các kiến giải về Tịnh độ và tiến trình lịch sử hình thành Kinh A Di Đà cũng như phương pháp tu tập để được vãng sanh về Cực Lạc.  
**Từ khóa:** Tịnh độ, vãng sanh, Phật A Di Đà.

Kinh A Di Đà có nói: “Từ thế giới ta bà này hướng về phía chính tây trải qua mười muôn ức cõi Phật, riêng có một thế giới, gọi là Cực lạc”. Như vậy, Tịnh độ không phải là một cõi nước thuộc về vật chất, không phải là nơi đến của người đã giải thoát mà chỉ là nơi dừng chân của tâm, là duy tâm Tịnh độ.

# ĐỘ

theo các Kinh  
và tiến trình  
lịch sử kết tập  
Kinh A Di Đà

## SC. Thích Nữ Hạnh Liên\*

### DẪN NHẬP

Cuộc sống của tất cả chúng sanh luôn có những thử thách và nhiều khổ đau, nhất là đối với con người. Vì vậy, đã xuất hiện những con người vĩ đại, tự mình đi tìm lối thoát xa rời khổ đau cho mình và người. Đó cũng là nguyên nhân hình thành nên các tôn giáo trên thế giới, trong đó có Phật giáo. Mục đích của các tôn giáo là hướng con người đến chân thiện mỹ trong đời sống hiện tại và sau khi chết đi. Người xưa từng nói: “*Như nhân ẩm thủy, noãn lãnh tự tri*”, nghĩa là người thật sự uống nước mới biết được nóng lạnh của nó và chỉ khi nào thực hành tinh chuyên theo phương pháp tu hành của một tôn giáo thì người đó mới đạt được mục đích, cảm nhận sự giải thoát về tâm linh, biết được giá trị con người. Người chuyên tu về pháp môn Tịnh độ cũng vậy, họ có niềm tin sau khi chết sẽ được vãng sanh về cõi Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà. Tất nhiên muốn sanh về những cõi đó, cần phải thực hiện các điều kiện tất yếu.

### KHÁI NIỆM VỀ TỊNH ĐỘ QUA CÁC KINH

Trong Phật giáo, Tịnh độ có nhiều khía cạnh giải thích khác nhau nhưng Tịnh độ của cõi Phật A Di Đà được nhiều người biết đến hơn, đó là một cõi nước trang nghiêm thanh tịnh ở phương tây tên Cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Chúng sanh trong cõi đó không có sự khổ mà chỉ an vui với y báo và chánh báo trang nghiêm thù thắng. Ngài Thân Loan đã nói về cõi Tịnh độ rằng: “*Tịnh độ là quốc độ của Phật A Di Đà, một thế giới hoàn toàn là sự hư vọng, một nơi chân thật*” [1].

Trong tác phẩm *Tịnh độ luận*, ngài Đàm Loan chú thích: “*Vì ngã dục, thương ghét vô tri và phiền não tác động, chúng ta, kẻ phàm phu biến thế giới này trở thành uế độ. Ngược lại, Bồ tát xem tất cả đều không sống đúng ý nghĩa của sự sống, không phân biệt và nguyện tịnh hoá phiền não, xây dựng cảnh giới niết bàn thật sự như thế giới an lạc. Đây chính là thế giới chân thật (Tịnh độ)*” [2].



Trong Phật giáo, Tịnh độ có nhiều khía cạnh giải thích khác nhau nhưng Tịnh độ của cõi Phật A Di Đà được nhiều người biết đến hơn, đó là một cõi nước trang nghiêm thanh tịnh ở phương tây tên Cực lạc của Đức Phật A Di Đà. Chúng sanh trong cõi đó không có sự khổ mà chỉ an vui với y báo và chánh báo trang nghiêm thù thắng. Ngài Thân Loan đã nói về cõi Tịnh độ rằng: “Tịnh độ là quốc độ của Phật A Di Đà, một thế giới hoàn toàn lìa sự hư vọng, một nơi chân thật”. (Ảnh: sưu tầm)

Trong *Kinh Duy Ma Cật*, khái niệm Tịnh độ được định nghĩa như là thâm tâm, tức là tâm Bồ đề của Bồ tát. Tịnh độ còn được đồng thức hoá với các pháp tu mang hạnh nguyện Bồ tát như: bố thí, trì giới, kham nhẫn, tinh tấn, thiền định và trí tuệ...

*Kinh A Di Đà* có nói: “Từ thế giới Ta bà này hướng về phía chính tây trải qua mười muôn ức cõi Phật, riêng có một thế giới, gọi là Cực lạc” [3]. Như vậy, Tịnh độ không phải là một cõi nước thuộc về vật chất, không phải là nơi đến của người đã giải thoát mà chỉ là nơi dừng chân của tâm, là duy tâm Tịnh độ. Hay nói cách khác, khi tâm con người dừng lại hết mọi vọng niệm, vọng tưởng, trạng thái của tâm lúc đó chính là Tịnh độ, là một cõi lòng trong sạch và thanh tịnh, không còn ô nhiễm bởi các thứ phiền não, như trong tác phẩm *Cư trần lạc đạo phú*, Phật

hoàng Trần Nhân Tông có nói: “Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương/ Di Đà là tính sáng soi, mưa phải nhọc tìm về Cực lạc” [4]. Tịnh độ không phải là nơi con người hoàn toàn giải thoát mới đến được. Tịnh độ là an trú vào nơi chánh niệm, chánh định, khi tâm tịnh thì quốc độ tịnh, tâm ô nhiễm thì quốc độ ô nhiễm. *Kinh A Di Đà* nói rằng: “Vì chúng sanh trong cõi đó không có bị những sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên nước đó tên là Cực lạc” [5].

Qua các khái niệm trên, chúng ta có thể kết luận: Tịnh độ là nơi mà con người ở đó an vui và giải thoát nhưng phải gia công tu tập mới có thể đến đó. Pháp môn niệm Phật là phương tiện tùy theo căn cơ mỗi người để thực hành giúp tâm thanh tịnh và muốn đến được cõi Tịnh độ hay không là do ở nơi mỗi người.



Đối với Phật giáo, lòng tin cũng quan trọng như vậy, trong kinh Hoa Nghiêm, Đức Phật dạy: “Tin vì đạo nguyên công đức mầu, trường dưỡng nhất thiết chư thiện căn”. Ngài nói lòng tin chính là mẹ sinh ra các công đức, làm cho các căn lành sinh trưởng và phát triển. Tất cả chúng đệ tử Đức Phật đều tự mình xây dựng một niềm tin chắc chắn đối với Phật, ai muốn sau này về cõi nước của Đức Phật nào thì phát nguyện tin theo và thực hành lời dạy của Đức Phật đó. Ví như một người muốn sau này sanh về cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà cần hội đủ ba điều kiện là tin, hạnh và nguyện. (Ảnh: *sưu tầm*)

## TIỀN TRÌNH HÌNH THÀNH LỊCH SỬ

### **Kinh A Di Đà**

*Kinh A Di Đà* là bản kinh thuộc tư tưởng của Đại thừa, một quyển, Đại 12, Bảo Tích Bộ HĐTK 366 và 367, mô tả phẩm chất bản thân Phật A Di Đà và thế giới cực lạc cùng sự tán thán của các Đức Phật ở các thế giới khác [6]. Kinh điển Đại thừa ra đời khi Phật giáo có sự thay đổi để tồn tại trong thời kì ngoại đạo phát triển mạnh về tín ngưỡng thờ cúng, lễ bái. Những năm đầu kỷ nguyên tây lịch, động lực thúc đẩy sự hưng khởi Đại thừa chính là tư tưởng Bát nhã.

*Kinh Bát Nhã* được kết tập tại nam Ấn Độ, đây là tư tưởng chủ về trí. Trong khi đó ở bắc Ấn Độ lại xuất hiện tư tưởng cầu tha lực để vãng sanh về cõi Tịnh độ và là tư tưởng chủ về tình. Theo Pháp sư Ấn Thuận, Hiếp Tôn giả là người tin vào *Kinh Bát Nhã*, còn Bồ tát Mã Minh là người có liên quan đến đức tin Tịnh độ.

Tư tưởng Di Đà Tịnh độ ở phương Tây có thể bắt nguồn từ hai yếu tố [7]: Thứ nhất là trong các kinh

điển A-hàm nói về bản hoài của Đức Phật muốn cứu tế chúng sanh. Thuyết cầu nguyện vãng sanh về các cõi Đạo Suất của Phật Di lạc hay Diệu Hỷ của Phật A Súc và Cực Lạc của Phật A Di Đà. Cõi Tịnh độ của một Đức Phật chính do bản nguyện lực mà thành. Như vậy, cõi Tịnh độ ở Tây phương được hình thành là do bản nguyện của Phật A Di Đà.

Thứ hai là sự kích phát từ tư tưởng ngoại lai. Sự cầu cứu từ tha lực vốn xuất hiện sớm trong thánh điển nguyên thủy của Phật giáo nhưng do chưa đủ duyên nên chưa được coi trọng, đến khi tiếp xúc với tín ngưỡng tôn giáo của các dân tộc Hy Lạp và Ba Tư ở bắc Ấn mới xuất hiện các việc cúng bái, cầu nguyện sự cứu tế từ tha lực. Cho đến thời của Bồ tát Mã Minh, tư tưởng Tịnh độ Di Đà lan toả khắp nhân gian. Ngài Chi Lâu Ca Sấm đã dịch *Kinh Bát Nhã Tam Muội*, nội dung liên quan đến loại thiên đưa đến việc quán tưởng Phật và có liên hệ mật thiết vào niềm tin Phật A Di Đà. *Kinh A Di Đà* là do truyền khẩu truyền tụng lâu ngày mới được kết tập lại thành.

Đến thời ngài Long Thọ, dựa vào nội dung dẫn dụng của Thập Trụ Tỳ Bà Sa luận, *Nhị Thập Tứ Nguyên Kinh* được ngài Chi Khiêm dịch ra Hán văn thành *A Di Đà Kinh* hoặc *Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh*. Ngài Khương Tăng Hội dịch thành *Vô Lượng Thọ Kinh* với 48 nguyện [8]. Kinh điển Di Đà còn có các bản dịch khác như: *Đại Bảo Tích Kinh*, *Đại A Di Đà Kinh*, *Đại Vô Lượng Thọ Kinh*, *Vô Lượng Thọ Như Lai Hội*...

Như vậy, *Kinh A Di Đà* có thể nói là sự phát triển của tư tưởng nguyên thủy, vốn xuất phát từ kinh điển nguyên thủy Phật giáo tại Ấn Độ và có sự tác động của các tín ngưỡng tôn giáo ngoại lai. Tha lực của Tịnh độ không phải là hình ảnh một người khác đưa tay để cứu vớt chúng ta mà tha lực chính là nương vào cái bên ngoài như: quán chiếu hình ảnh Đức Phật hay nương vào câu niệm Phật... để an trú tâm mình. Khi tâm được an trú thì các phiền não dần lắng xuống, những tội lỗi không có nơi để tái phạm, tâm lúc đó là Tịnh độ, nghĩa là một cõi thanh tịnh của tâm. Và khi chúng ta quán chiếu hình tượng hay niệm danh hiệu Phật A Di Đà để tâm thanh tịnh, tâm đó chính là cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà.

Hay nói cách khác, nếu chúng ta nương vào pháp môn Tịnh độ của một vị Phật nào thì lúc đạt đến tâm thanh tịnh tức là Tịnh độ của cõi Phật đó vậy. Do đó, tha lực hay tự lực chỉ là biểu hiện của một quá trình tự ý thức, tự giác ngộ của mỗi cá nhân. Ta muốn vượt tới thì phải có mục đích để vượt tới và mục đích đó có khả năng thu hút nỗ lực vượt tới của chúng ta. Cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà giống như mục đích của chúng ta, đây là điều kiện để chúng ta nỗ lực thực hiện quán chiếu hay niệm danh hiệu Ngài.

Phật A Di Đà được dịch là Vô Lượng Thọ hay Vô Lượng Quang, nghĩa là Ngài có tuổi thọ vô lượng và ánh sáng chiếu cùng khắp. Ngài được xem như một đối tượng của loại thiền quán tưởng (*Kinh Bát Chu Tam Muội*) và như là hiện thân của lòng từ bi (*Kinh Đại Vô Lượng Thọ*), cuối cùng được kết hợp vào trong *Kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật*. Tuy nhiên, trong *Kinh Bình Đẳng Giác*, Đức Phật A Di Đà sẽ không nhập Niết-bàn nhưng trong *Kinh Đại A Di Đà* lại cho rằng thọ mạng của Đức Phật A Di Đà thực sự có hạn, sau khi Ngài nhập Niết-bàn thì Bồ tát Quán Thế Âm sẽ kế thừa [9].

Như vậy, đối chiếu quá trình hình thành của hai bản kinh, chúng ta thấy, *Kinh A Di Đà* là bản kinh lấy tư tưởng từ từ tưởng nguyên thủy và phát triển theo tư tưởng của Phật giáo đại thừa, là kinh điển mang tính biểu pháp, mục đích làm cho tâm con người được an tịnh. Từ đây, chúng ta có thể nói cõi Tịnh độ Phật A Di Đà là duy tâm Tịnh độ chứ không phải là một cõi vật chất nào khác trong vũ trụ này.

### VẤN ĐỀ VỀ NIỀM TIN

Điều kiện để trở thành một tôn giáo là cần có Giáo chủ, giáo lý và tín đồ. Trong đó, giáo lý khá quan trọng, vì đó là những điều cốt yếu mà bậc Giáo chủ muốn truyền lại cho tín đồ của mình. Tín đồ phát khởi lòng tin và thực hành theo đúng lời dạy đó sẽ đạt được mục đích cuối cùng của đạo. Qua đó, chúng ta thấy để đi theo một tôn giáo nào đó, lòng tin là điều quan trọng. Đối với Phật giáo, lòng tin cũng quan trọng như vậy, trong *Kinh Hoa Nghiêm*, Đức Phật dạy: “*Tín vi đạo nguyên công đức mẫu, trưởng dưỡng nhất thiết chư thiện căn*”. Ngài nói lòng tin chính là mẹ sinh ra các công đức, làm cho các căn lành sinh trưởng và phát triển. Tất cả chúng đệ tử Đức Phật đều tự mình xây dựng một niềm tin chắc chắn đối với Phật, ai muốn sau này về cõi nước của Đức Phật nào thì phát nguyện tin theo và thực hành lời dạy của Đức Phật đó. Ví như một người muốn sau này sanh về cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà cần hội đủ ba điều kiện là tin, hạnh và nguyện.

Trong đó, niềm tin đứng đầu, tin rằng cõi Phật đó trang nghiêm thanh tịnh, tin bản thân tu tập đủ khả năng để sanh về cõi đó. Như vậy, niềm tin là liều thuốc về tinh thần. Khi chúng ta có đủ sức mạnh về tinh thần thì làm gì cũng sẽ đưa đến kết quả tốt. Tuy nhiên, lòng tin cần có trí tuệ, nghĩa là lòng tin cần đặt đúng chỗ, tin đúng đối tượng, tin về những gì thật sự có ích, niềm tin chắc thật không mù quáng, như Đức Phật dạy: “*Pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được người trí tự mình giác hiểu*” [10]. Nếu lòng tin không có sự suy xét rõ ràng sẽ dễ bị rơi vào mê tín. Đối với Phật tử, niềm tin đó gọi là chánh tín, vì Phật pháp là con đường đem lại lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Nhưng một niềm tin thuần túy chưa đủ để đưa Phật tử ra khỏi khổ đau, cũng không dẫn đến chân hạnh phúc mà cần phải kết hợp, xây dựng trên nền tảng



Cõi Tịnh độ là sự mong muốn, ao ước của con người về một thế giới tốt đẹp hơn, nơi mà con người bớt đi mọi khổ đau thay vào đó là sự an vui, hạnh phúc. Đây không chỉ là ước muốn của con người nói riêng và tất cả chúng sanh nói chung mà còn là mục đích của những bậc Giáo chủ các tôn giáo nhằm tạo ra cho con người một con đường giải thoát, xa lìa mọi đau khổ thế gian.

của trí tuệ, tu tập và thực nghiệm thì con người mới có thể tự giải thoát khỏi nghiệp lực và khổ đau. Tin Phật cần phải hiểu được những lời dạy của Ngài, từ đó áp dụng thực hành nhằm mang lại an vui, hạnh phúc cho mình và người. Nếu Phật tử chỉ nghe người khác nói về Đức Phật và phát khởi lòng tin thôi thì vẫn chưa đủ mà phải chứng thực. Bởi vì Ngài dạy: *“Tin ta mà không hiểu ta tức là phi báng ta”*. Như có người tin hoàn toàn vào Đức Phật nhưng lại có người khác mượn hình ảnh Ngài để xuyên tạc những lời Ngài dạy, mà người này vẫn như vậy tin theo, rằng đó là lời Phật dạy, thì người đó chính là chưa hiểu được ý của Đức Phật, chưa hiểu được Phật pháp là gì, lòng tin đó ngược lại bôi nhọ Phật pháp. Cũng vậy, lòng tin đối với Phật A Di Đà và cõi Cực Lạc cần phải đặt trên nền

tăng của trí tuệ. *Kinh A Di Đà* có nội dung tư tưởng lấy trong kinh điển nguyên thủy, cho nên cũng là một phương pháp tu tập, hành trì. Và nếu đúng với tinh thần ấy mà thực hành, chắc hẳn sẽ có được kết quả tốt.

Ở một khía cạnh khác, trái với niềm tin ở thế giới bên ngoài, trong *Kinh Tương Ưng Bộ I*, Đức Phật còn dạy: *“Hãy sống tự mình làm hòn đảo cho chính mình... hãy nương tựa nơi chính mình, không nương tựa một ai khác. Hãy lấy pháp làm hòn đảo, hãy lấy pháp làm chỗ nương tựa”* [11]. Và trong *Kinh Tăng Chi Bộ I*, Đức Phật cũng dạy: *“Này Kālāma, chớ có tin vì nghe báo cáo... vì nghe truyền thuyết... vì được kinh điển truyền tụng... vì lý luận suy diễn... vì diễn giải tương tự... vì phù*

*hợp với định kiến... vì xuất phát từ nơi ưu quyền... vì vị Sa môn là bậc Đạo sư của mình... Thời này các Kālāma, hãy từ bỏ chúng” [12].*

Điều này chứng tỏ đạo Phật đề cao tính nỗ lực cá nhân, con người có được giải thoát hay không, có được giác ngộ hay ra khỏi luân hồi hay không là nhờ ở chính bản thân. Vì vậy, ngoài niềm tin đối với Đức Phật và giáo pháp mà Ngài truyền trao còn phải tin vào bản thân, chính bản thân chúng ta sẽ là người tiếp nhận và thực hành giáo pháp Đức Phật. Và chính mình sẽ là người đạt được kết quả tu tập do bản thân mang lại chứ không phải ai thay thế được. Như vậy, niềm tin rất cần thiết và quan trọng trong tôn giáo. Đó cũng là con đường để chúng ta đi đến kết quả của sự tu tập.

### KẾT LUẬN

Tóm lại, cõi Tịnh độ là sự mong muốn, ao ước của con người về một thế giới tốt đẹp hơn, nơi mà con người bớt đi mọi khổ đau thay vào đó là sự an vui, hạnh phúc. Đây không chỉ là ước muốn của con người nói riêng và tất cả chúng sanh nói chung mà còn là mục đích của những bậc giáo chủ các tôn giáo nhằm tạo ra cho con người một con đường giải thoát, xa lìa mọi đau khổ thế gian. Cũng chính nhờ sự nhìn nhận riêng của mỗi người nên cõi Tịnh độ được diễn đạt theo hai hướng: Một hướng là cầu sự an lạc của nội tâm, hướng đến sự giác ngộ của tự thân, đề cao tinh thần tự giác; một hướng là cầu mong sự giúp đỡ từ bên ngoài và đặt trọn niềm tin vào nơi đó. Như vậy, sự mong cầu khác nhau đều do sự nhìn nhận, suy nghĩ của con người, vì những cõi an lạc đó đều là mục đích cho con người hướng đến và niềm tin chính là cánh cổng mở ra con đường đi đến mục tiêu.

Tất cả đều là phương tiện mở ra để dụ dẫn con người có một cuộc sống an lạc ngay trong hiện tại, chỉ là chúng ta có chọn đúng con đường hay không mà thôi. Và để đạt được mục đích đó, ngoài việc đặt trọn niềm tin và nỗ lực của thực hành theo Chánh pháp của Đức Phật, thì trong hiện tại chúng ta cũng phải sống tốt, đem lại bình an cho mình và người. Nếu trong hiện tại, chúng ta đã thành tựu được vậy thì tương lai chắc chắn sẽ sinh về quốc độ chư Phật như mong muốn. Đức Phật dạy các pháp như ngón tay chỉ mặt trăng, khi các pháp đã được thuần thiện, mục đích cuối cùng của con

người không còn phân biệt mà sẽ trở thành một nơi chung cho tất cả. Nhân quả thế gian là chung cho tất cả chúng sanh, khi một người nào tạo nhân thiện thì sẽ có được kết quả thiện. Do đó, quan trọng nhất vẫn là sự thực hành của mỗi cá nhân, đạt được mục đích giải thoát hay không đều do chính bản thân mình. Một người khi tâm thanh tịnh thì không còn ham muốn phải sanh về cõi nào khác mà chính nơi người đó là cõi Tịnh độ rộng lớn, có thể dung chứa tất cả và giải thoát mọi hạn cuộc trên thế gian này.

### Chú thích:

\* Tỳ kheo Ni Thích Nữ Hạnh Liên, thế danh Phạm Thị Bích Phương - Thạc sĩ Tâm lý học, hiện là Cử nhân Phật học chuyên ngành Triết học Phật giáo.

[1] Kakehashi Jitsuen, Thích Như Điển (dịch, 2009), *Tịnh độ tông Nhật Bản*, Nxb. Phương Đông, tr.157.

[2] Kakehashi Jitsuen, Thích Như Điển (dịch, 2009), *Sđd*, tr.158.

[3] Huỳnh Trí Hải, HT. Thích Trí Minh (dịch), *Kinh A Di Đà giải thích*.

[4] <https://thuvienhoasen.org/a14631/tinh-do-la-long-trong-sach-di-da-la-tinh-sang-soi>.

[5] <https://phatphap.wordpress.com/2007/12/16/kinh-a-di-da-dich-nghia/>.

[6] Từ điển Bách khoa Phật giáo Việt Nam, tr.300.

[7] Pháp sư Thánh Nghiêm (2008), *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, tr.326-327.

[8] *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, tr.347.

[9] Hirakawa Akira (2018), *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ từ Đức Phật Thích Ca đến Đại thừa sơ kỳ*, tr.462.

[10] HT. Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Kinh Tăng Chi Bộ I*, Chương III, Các lễ Uposatha, Nxb. Tôn giáo, tr.236.

[11] HT. Thích Minh Châu (dịch, 2017), *Kinh Tương Ưng Bộ I*, Phẩm Tự Minh Lâm Hòn Đảo, Nxb. Tôn giáo, tr.673.

[12] HT. Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Kinh Tăng Chi Bộ I*, Chương III, Các vị ở Kesaputta, Nxb. Tôn giáo, tr.219.

### Tài liệu tham khảo:

1. HT. Thích Minh Châu (dịch, 2017), *Kinh Tương Ưng Bộ I*, Phẩm Tự Minh Lâm Hòn Đảo, Nxb. Tôn giáo.

2. HT. Thích Minh Châu (dịch, 2018), *Kinh Tăng Chi Bộ I*, Chương III, Các vị ở Kesaputta, Nxb. Tôn giáo.

3. Huỳnh Trí Hải, *Kinh A Di Đà giải thích*, HT Thích Trí Minh (dịch).

4. Kakehashi Jitsuen, *Tịnh độ tông Nhật Bản*, Thích Như Điển (dịch), (2009), Nxb Phương Đông.

5. Lê Mạnh Thát, *Từ Điển Bách Khoa Phật giáo Việt Nam*, tập II, (2005).

6. Pháp sư Thánh Nghiêm (2008), *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Phương Đông.

7. Hirakawa Akira (2018), *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ từ Đức Phật Thích Ca đến Đại thừa sơ kỳ*, Nxb. Văn hoá - Văn nghệ.

8. <https://thuvienhoasen.org/a14631/tinh-do-la-long-trong-sach-di-da-la-tinh-sang-soi>.

9. <https://phatphap.wordpress.com/2007/12/16/kinh-a-di-da-dich-nghia/>.

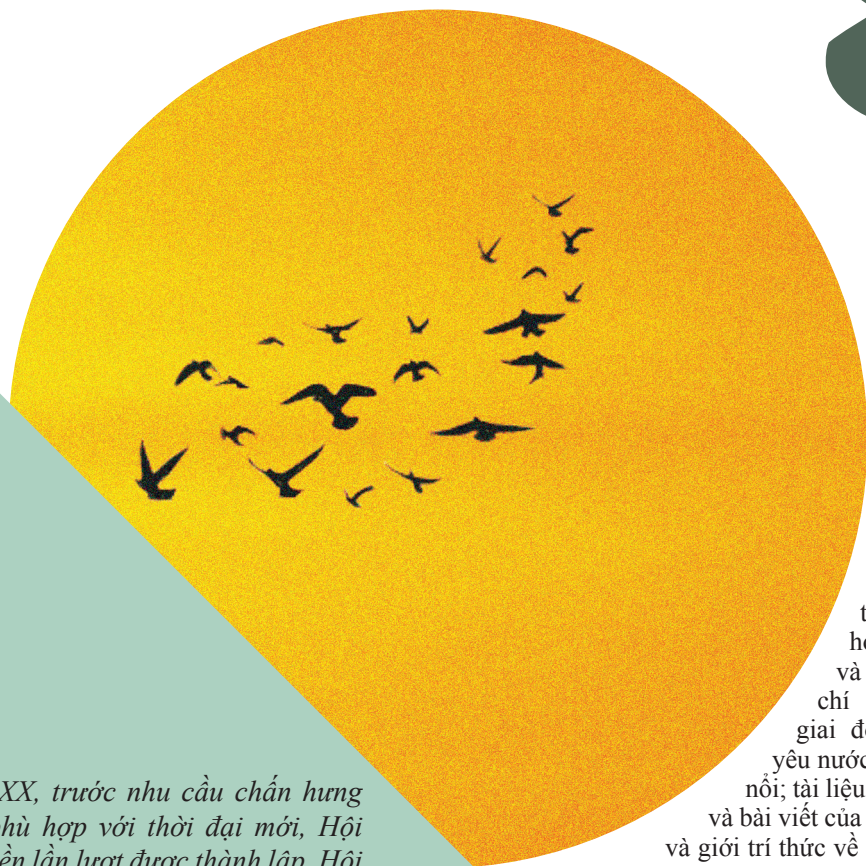




PHẬT GIÁO  
VĂN HÓA  
& ĐỜI SỐNG



# Điểm tương



## DẪN NHẬP

Vào đầu thế kỷ XX, trước nhu cầu chấn hưng Phật giáo cho phù hợp với thời đại mới, Hội Phật học ở ba miền lần lượt được thành lập. Hội An Nam Phật học và Hội Phật giáo Bắc kỳ đã tiếp thu và phát triển công tác hoằng pháp bằng báo chí từ Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học với nhiều chuyển biến tích cực. Kể từ khi xuất bản, tạp chí Viên Âm và Đuốc Tuệ đã nhận được rất nhiều bài viết từ các cây bút tu sĩ và cư sĩ, cựu học và tân học với nhiều thể loại khác nhau, góp phần rất lớn đối với phong trào chấn hưng Phật giáo tại Việt Nam lúc bấy giờ.

Cả hai tạp chí đều mang giá trị lịch sử, triết học (Phật giáo) và văn học. Hai tạp chí xuất bản trong giai đoạn phong trào yêu nước kháng Pháp sôi nổi; tài liệu về các bài giảng và bài viết của nhiều tu sĩ, cư sĩ và giới trí thức về Phật học, các sự kiện hoạt động của hội Phật học, tin tức trong và ngoài nước. Hai tạp chí này là phương tiện hoằng pháp của hội trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam thời bấy giờ.

# đồng

## và dị biệt của hai tạp chí Phật giáo Viên Âm và Đuốc Tuệ

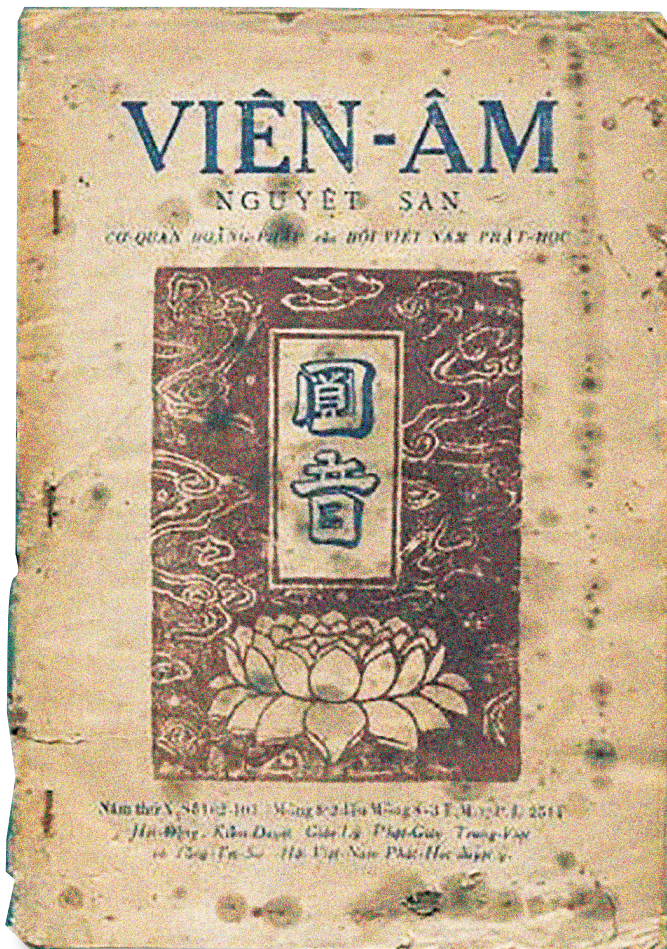
ĐD. Thích Thiện Mãn\*

### SỰ RA ĐỜI CỦA TẠP CHÍ VIÊN ÂM VÀ ĐUỐC TUỆ VÀO NỬA ĐẦU THẾ KỶ XX

Dưới chế độ thực dân Pháp, trước tình hình xin phép lập hội Phật học gặp khó khăn, hai tạp chí *Pháp Âm* và *Phật Hóa Tân Thanh Niên* chỉ xuất bản duy nhất một số, Hòa thượng Khánh Hòa đã liên hệ ông Trần Nguyên Chấn lần lượt thành lập *Ban bảo tồn Phật giáo Nam kỳ*, *Thư viện Pháp bảo phương* và xuất bản tạp chí *Từ Bi Âm* bằng chữ quốc ngữ. Tạp chí này được Thống đốc Nam kỳ cho phép xuất bản vào ngày 30/4/1931, do ngài Khánh Hòa làm chủ nhiệm. Trụ sở tòa soạn *Từ Bi Âm* đặt tại chùa Linh Sơn, số 149, đường Douaumont, Sài Gòn (nay là đường Cô Giang, quận 1, TP HCM). Số đầu tiên được xuất bản vào ngày 01/03/1932 [2]. Tạp chí ra mắt độc giả mỗi tháng hai kỳ vào ngày mùng 1 và 15, khổ báo là 16 cm x 24 cm, với khoảng 50 trang.

Đầu năm 1938 (số 145) đến tháng 6-7/1945 (số 234-235), tạp chí xuất bản mỗi tháng một kỳ, bài viết ngày càng ít, khổ báo thất thường. Trong suốt 14 năm xuất bản (1932-1945), các vị chủ nhiệm của *Từ Bi Âm* như: Hòa thượng Khánh Hòa (từ số 1 đến 44), Hòa thượng Chánh Tâm (từ số 45 đến 133), Trần Nguyên Chấn (từ số 134 đến 235).

Năm 1932, Hội An Nam Phật học tại miền Trung được Khâm sứ Pháp và triều đình Huế cấp phép thành lập, đặt hội quán tại chùa Trúc Lâm (Huế). Hội đã trình đơn xin xuất bản tạp chí *Viên Âm* và được cấp giấy phép vào ngày 30/6/1933. Sáu tháng sau, *Viên Âm* chính thức ra mắt độc giả số đầu tiên với 63 trang. Trụ sở tòa soạn đặt tại số 13, đường Rue Champeau, Huế. Nội dung đăng tải trên Viên Âm tập trung “giảng giải đủ các lý thuyết đạo Phật ra chữ



Kể từ khi xuất bản, tạp chí Viên Âm và Đức Tuệ đã nhận được rất nhiều bài viết từ các cây bút tu sĩ và cư sĩ, cựu học và tân học với nhiều thể loại khác nhau, góp phần rất lớn đối với phong trào chấn hưng Phật giáo tại Việt Nam lúc bấy giờ. (Ảnh: [thuvienhoasen.org](http://thuvienhoasen.org))

quốc ngữ và có khi phụ thêm một số bài Pháp văn” [3]. Giai đoạn đầu, số lượng bài viết rất nhiều nhờ sự vận động và tham gia của cư sĩ Tâm Minh. Đến giai đoạn 1943-1945, bài viết ít dần đi do tình hình đất nước chiến tranh, kinh tế khó khăn, đặc biệt là giá cả và chất lượng giấy in nên phải chuyển in tại nhà in Đức Tuệ (Hà Nội) cho đến số 78 thì tạm ngưng.

Ngày 6/11/1934, dựa trên bản quyết định số 4283 do Thống sứ Bắc kỳ duyệt ký, Hội Phật giáo Bắc kỳ chính thức thành lập. Lúc bấy giờ, tổ chức đầu tiên là Phật giáo cổ sơn môn Bắc kỳ được sự bảo hộ của Toàn quyền Đông Dương Pháp trong việc ký Nghị định số 649, ngày 31/01/1935 cho phép xuất bản tạp chí *Tiếng chuông sớm*. Tạp chí này tồn tại được một năm (15/6/1935 - 21/5/1936), xuất bản được 24 số. Ngược lại, Hội Phật giáo Bắc kỳ bước đầu phát hành *Tập kỷ yếu Hội Phật giáo*, số đầu tiên xuất bản vào tháng 05 năm 1935. Tập kỷ yếu này tồn tại trong vòng ba tháng (5/1935 - 8/1935) ra mắt độc giả được 4 số thì ông Nguyễn Năng Quốc đã viết đơn trình lên Thống sứ Bắc kỳ xin phép xuất bản tạp chí Phật học mang tên *Đức Tuệ* vào ngày 30/9/1935. Việc ra đời tạp chí *Đức Tuệ* cũng nằm trong dự định của Hội Phật giáo Bắc kỳ được đăng trên *Tập kỷ yếu* số 1:

“Sau này tùy theo sự mở mang, cách xếp đặt và tình thế của hội, tập kỷ yếu này sẽ đổi làm tạp chí” [4].

Tạp chí *Đức Tuệ* xuất bản vào bốn ngày là mừng một, mừng tám, mười lăm, hai mươi ba âm lịch hàng tháng, do ông chánh hội trưởng Nguyễn Năng Quốc làm chủ nhiệm và quản lý là ông Cung Đình Bính. Trụ sở đặt tại chùa Quán Sứ, số 73, phố Richaud, Hà Nội (về sau đổi thành là phố Quán Sứ vào năm 1945) [5]. Số đầu tiên được phát hành vào ngày 10/12/1935. Nhà in Đức Tuệ hoạt động từ tháng 12/1935, đảm nhận việc in ấn tạp chí *Đức Tuệ*, mãi đến ngày 10/08/1936 mới chính thức làm lễ khai trương. Các mục trên Đức Tuệ qua nhiều kỳ rất phong phú như: *Phật học danh từ* (từ số 2 đến 7), *Phật học từ điển tập yếu* (từ số 8 đến 50), *Phật học vấn đáp* (từ số 77 đến 93), *Văn uyển* (từ số 57 đến 134), *Phật học ngữ ngôn* (số 99, số 100, số 107, số 239-240, số 241-242), *Luật thế gian* (số 107),...

#### ĐIỂM TƯƠNG ĐỒNG CỦA TẠP CHÍ VIÊN ÂM VÀ ĐỨC TUỆ

**Thứ nhất là về mặt cấp phép xuất bản**, hai tạp chí được cấp phép xuất bản vào thập niên 30 của thế kỷ XX. Trên trang bìa của *Viên Âm* số đầu tiên ghi



Tạp chí Đuốc Tuệ xuất bản vào bốn ngày là mùng một, mùng tám, mười lăm, hai mươi ba âm lịch hàng tháng, do ông chánh hội trưởng Nguyễn Năng Quốc làm chủ nhiệm và quản lý là ông Cung Đình Bình. (Ảnh: sưu tầm)

rằng: “Hội Phật học ở Huế được Nghị định quan toàn quyền ngày 30 Juin 1933 cho phép xuất bản nguyệt san Viên Âm” [6]. Sáu tháng sau, tức là ngày 1/12/1933, số đầu tiên của tạp chí Viên Âm được xuất bản. Tại miền Bắc, ông chánh hội trưởng Nguyễn Năng Quốc với cương vị chánh hội trưởng Hội Phật giáo Bắc kỳ đã trình đơn xin phép xuất bản tạp chí Đuốc Tuệ với Thống sứ Bắc kỳ và được duyệt ký. Ngày 10/12/1935, số đầu tiên của tạp chí Đuốc Tuệ được xuất bản.

**Thứ hai là về mặt giá trị**, cả hai tạp chí đều mang giá trị lịch sử, triết học (Phật giáo) và văn học. Hai tạp chí xuất bản trong giai đoạn phong trào yêu nước kháng Pháp sôi nổi; tài liệu về các bài giảng và bài viết của nhiều tu sĩ, cư sĩ và giới trí thức về Phật học, các sự kiện hoạt động của hội Phật học, tin tức trong và ngoài nước. Hai tạp chí này là phương tiện hoằng pháp của hội trong phong trào chấn hưng Phật giáo Việt Nam thời bấy giờ. Giá trị triết học thể hiện qua nhiều bài viết hay bài giảng về Phật pháp như “Nhon quả luân hồi” của Tâm Minh giảng (Viên Âm số 1), “Khoa học với Phật pháp” do Nguyễn Xuân Thanh viết (Viên Âm số 15), “Giải nghĩa chữ tuệ ở trong Phật học” của Phan Đình

Hòa giảng (Đuốc Tuệ số 2), “Bàn về nghĩa vô ngã” của Thái Hòa viết (Đuốc Tuệ số 2),... Về mặt văn học, hai tạp chí đăng rất nhiều bài thơ và truyện như “Câu chuyện ông chài” của Tâm Minh (Viên Âm số 1), “Mừng Viên Âm” của Thanh Tâm (Viên Âm số 8), “Mừng Đuốc Tuệ” của Nguyễn Hữu Hiệt (Đuốc Tuệ số 7), “Tích ông Bàng cư sĩ tu tại gia” của Phật học hội (Đuốc Tuệ số 76),...

**Thứ ba là đăng bài giảng tại các đạo tràng**, trong giai đoạn đầu, cả hai tạp chí đều có đăng các bài giảng pháp của một số vị tu sĩ và cư sĩ tại các đạo tràng như: “Thiện ác nghiệp báo” của Tâm Minh, “Phật” của Thích Đôn Hậu, “Đạo Phật có quan thiết với sự sống của đời người” của Phan Đình Hòa, “Ba món tư lương sang Tịnh độ” của Thích Phúc Chính,...

**Thứ tư là số trang tăng giảm thất thường**, số trang của Viên Âm trong giai đoạn đầu (1933-1945) giảm dần từ 64 trang (từ số 1 đến 36) xuống khoảng 30-40 trang (từ số 37 đến 77, ngoại trừ số 60-61 cho nhi đồng là 77 trang và số 66-67 là 51 trang). Giai đoạn tục bản Viên Âm (1949-1953), từ khoảng 40 trang giảm còn khoảng 20 trang (ngoại trừ năm 1953 số

trang dao động từ 40 đến 70 trang). Đối với tạp chí *Đuốc Tuệ*, số trang cũng tăng giảm thất thường như 32 trang trong giai đoạn tuần báo (1935-1936), 48 trang trong ba năm tiếp theo (1937-1939) xuất bản mỗi tháng hai kỳ, dao động từ 24 đến 32 trang trong hai năm 1940-1941; và giảm còn khoảng 24 trang trong ba năm cuối (từ năm 1942 đến tháng 8/1945).

**Thứ năm là về giai đoạn xuất bản 1943-1945**, *Viên Âm* từ số 60-61 đến số 78 được in tại nhà in Đuốc Tuệ, còn Đuốc Tuệ vẫn được in tại nhà in Đuốc Tuệ từ khi xuất bản số đầu tiên (ngày 10/12/1945) cho đến số cuối cùng (tháng 8/1945). Giai đoạn này, cả hai tạp chí đều phải đối diện với việc chất lượng giấy in xấu, bản in khá mờ, khổ báo nhỏ hơn so với trước đây.

### ĐIỂM DỊ BIỆT CỦA TẠP CHÍ VIÊN ÂM VÀ ĐUỐC TUỆ

**Thứ nhất là về chủ nhiệm tòa soạn**, tạp chí *Viên Âm* thay đổi các vị cư sĩ trí thức tân học đảm nhận chủ nhiệm trong từng giai đoạn như: Lê Đình Thám (12/1933 - 6/1937; và hai năm 1944-1945), Nguyễn Khoa Tân (7/1937 - 5/1939), Nguyễn Đình Hòe (6/1940 - 01/1941), Ứng Bàng (5/1941 - 1943), Chơn An Lê Văn Định (1949 - 1953). Ngược lại, chủ nhiệm của tạp chí *Đuốc Tuệ* chỉ do hội trưởng Nguyễn Năng Quốc đảm nhiệm xuyên suốt 258 số.

**Thứ hai là về thời gian và số xuất bản**, *Viên Âm* trải qua hai giai đoạn: từ năm 1933-1945 với sự quản lý của Hội An Nam Phật học xuất bản 78 số (từ số 1 đến 78); từ 1949-1953 được Hội Việt Nam Phật học (do Hội An Nam Phật học đổi tên thành) quản lý tục bản 51 số (từ số 79 đến 129). Các số và kỳ xuất bản không cố định: có khi mỗi tháng ra một số (từ số 1 đến 11, từ số 26 đến 31, từ số 37 đến 46, từ số 48 đến 54, từ số 57 đến 59, từ số 79 đến 123, từ số 128 đến 129); đôi lúc một tháng ra hai số liên tiếp (số 60-61, 124-125, 126-127), hoặc hai tháng ra một số (từ số 12 đến 25, từ số 32 đến 35, và số 47), thậm chí hai tháng ra một bản với hai số (55-56). Tạp chí *Viên Âm* không phát hành từ tháng 6/1939 đến 5/1940 và từ tháng 02 đến 04/1941.

Tạp chí *Đuốc Tuệ* giai đoạn đầu (1935-1936) xuất bản định kỳ hàng tháng vào bốn ngày là mùng 1, 8, 15 và 23. Từ năm 1937 đến tháng 8/1941, tạp chí chuyển từ tuần báo sang bán nguyệt san (mỗi tháng ra hai kỳ); ngoại trừ quý tư năm 1940 xuất

bản hai kỳ số ghép là số 142-143 (vào ngày 15/10 - 01/11/1940) và số 144-145-146 (vào ngày 15/11-15/12/1940). Từ tháng 9 đến tháng 12/1941, mỗi tháng ra một số. Từ đầu năm 1942 đến tháng 8/1945, tạp chí xuất bản được 44 số, thường ra số đôi, tiêu biểu như hai số cuối cùng là 255-256 và 257-258. Qua đó có thể kết luận rằng tổng số báo *Đuốc Tuệ* xuất bản nhiều hơn *Viên Âm*; nhưng *Đuốc Tuệ* chỉ xuất bản đến năm 1945 thì ngưng mà không có tục bản như *Viên Âm* từ năm 1949 đến 1953.

**Thứ ba là về nhà in và trụ sở tòa soạn**, nhà in cho tạp chí *Viên Âm* rất nhiều và thay đổi liên tục như Đắc Lập (Huế, từ số 01 đến 12), Phúc Long (Huế, từ số 13 đến 25 và từ số 34 đến 38, ngoại trừ số 36 in tại nhà in Viên Đê), Viên Đê (Huế, từ số 26 đến 33, từ số 39 đến 47), *Đuốc Tuệ* (Hà Nội, từ số 48 đến 76), Tân Hoa (Huế, từ số 79 đến 104), Đức Thịnh (Huế, từ số 105 đến 111), Khánh Quỳnh (Huế, từ số 112 đến 125), Liên Hoa (Huế, từ số 126 đến 129). Tòa soạn *Viên Âm* lúc đầu đặt tại số 13, Rue Champeau (Huế); đến tháng 3/1935 chuyển về số 5, Rue Champeau (Huế); sang tháng 1/1937 dời về Route Nam Giao (Huế); và giai đoạn tục bản thì đặt tại số 1 (sau này là 1B), đường Nguyễn Hoàng (Huế). Ngược lại, *Đuốc Tuệ* đặt trụ sở cố định đặt tại chùa Quán Sứ và chi in ấn tại nhà in Đuốc Tuệ từ khi phát hành cho đến số cuối cùng.

**Thứ tư là về đội ngũ tham gia**, trong giai đoạn đầu (1933 - 1945) có rất nhiều vị tu sĩ, cư sĩ, giới trí thức tham gia viết bài; trong đó cư sĩ Tâm Minh Lê Đình Thám là cây bút chủ lực với nhiều hình thức nhất. Về giới tu sĩ phải kể đến Thích Mật Khê, Thích Đôn Hậu, Thích Mật Thể, Thích Nữ Diệu Không,... Về cư sĩ, ngoài Lê Đình Thám, còn có nhiều vị cựu học và tân học như: Trí Độ, Võ Đình Cường, Nguyễn Khoa Toàn, Trương Thị Bích Thủy,... Về quan lại và trí thức có ông hiệp tá đại học sĩ Ứng tướng công (biệt hiệu Châu Khuê), Nguyễn Phúc Ứng Bình (hiệu Thúc Gia Thi), Nguyễn Đình Hòe, Trần Nguyên Chấn,... Từ cuối năm 1940 đến hết năm 1944, số lượng bài viết rất ít với khoảng 30 trang; ngoại trừ số 55-56 (12/1942 - 01/1943) với 61 trang, số đặc biệt (số 60-61) nhân ngày Phật đản (1943) với 77 trang, số 66-67 (1943) với 51 trang. Nếu trước 1945, sự tham gia của các cây bút cư sĩ nhiều hơn tu sĩ thì đến giai đoạn tục bản *Viên Âm* ngược lại. Số lượng tu sĩ tham gia đăng bài giảng hoặc bài viết, dịch thuật, nhiều mẫu chuyện

Hoạt động hoàng pháp của tạp chí Viên Âm ở miền Trung và tạp chí Đuốc Tuệ ở miền Bắc đã cất lên tiếng nói góp phần chấn hưng Phật giáo Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ XX.

Phật giáo và triết lý đời sống, trong đó hai cây bút chủ lực là Thích Minh Châu và Thích Trí Quang. Bên cạnh đó, các vị cư sĩ và trí thức tham gia như: Lê Văn Định, Võ Đình Cường, Tống Anh Nghị, Hùng Khanh, Tâm Trí, Lê Đình Trinh,...

Số lượng bài viết tham gia trên *Đuốc Tuệ* từ số 1 (tháng 12/1935) đến 130 (tháng 4/1940) rất nhiều, hướng đến chấn hưng Phật giáo và góp phần xây dựng đời sống xã hội. Theo nghiên cứu của Ninh Thị Sinh cho rằng: “*Các tác giả cũng sử dụng nhiều thể loại để truyền tải nội dung giáo lý, về đạo đức Phật giáo như thơ, truyện ngắn, tiểu thuyết, du ký*” [7]. Giới tu sĩ tiêu biểu như: Thích Trí Hải, Thích Thái Hòa, Thích Tố Liên,...; giới trí thức như: ông Trần Trọng Kim, Dương Bá Trạc, Bùi Kỳ, Nguyễn Trọng Thuật, Trần Văn Giáp,...; và các quan lại cũng tham gia như: ông Trần Văn Đại, Nguyễn Thượng Cần, Nguyễn Huy Xương, Nguyễn Thiện Chính,... Nhưng từ số 131 (tháng 05/1940) đến số cuối cùng 257-258 (tháng 8/1945) cũng giống giai đoạn tục bản *Viên Âm* là giới tu sĩ tham gia dịch bài, giảng kinh,... nhiều hơn cư sĩ; trong đó cây bút quan trọng nhất là cư sĩ Thiều Chửu Nguyễn Hữu Kha.

**Thứ năm là về thể loại văn học**, theo nhận định của Ninh Thị Sinh trong tác phẩm *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ: trường hợp Hội Phật giáo (1934-1945)* cho rằng: “*So với các tạp chí Phật học cùng thời như Từ Bi Âm, Viên Âm; Đuốc Tuệ có một điểm khác biệt độc đáo: sử dụng linh hoạt nhiều thể loại văn học để giới thiệu về đạo Phật và giải thích giáo lý đạo Phật một cách dễ hiểu đến độc giả bình dân*” [8]. Trước hết là thể loại tiểu thuyết, hai cây bút nổi bật của *Đuốc Tuệ* là Nguyễn Trọng Thuật và Nguyễn Thiện Chính. Thứ hai phải kể đến thể loại du ký với hơn 10 bài viết cả tu sĩ lẫn cư sĩ, tiêu biểu như: “*Máy ngày đi Huế*”, “*Nhật ký đi Trung Quốc du học*”,... Ngoài ra, nhiều bài viết về thơ và phú như bài thơ “*Kính lễ sáu phương*” với 254 câu, mỗi câu ba chữ; bài lục bát “*Bài học thuộc lòng*” của ông Trần Văn Đại với 20 khổ thơ dạy về tám điều trai giới, bốn trọng ân, luân hồi, nhân quả,...

Tạp chí *Viên Âm* trong giai đoạn đầu đã đăng khoảng 100 bài thơ và hơn 50 tích truyện; đặc biệt trong một năm đầu xuất bản đã đăng hơn 40 bài thơ

và 24 bài truyện. Tiêu biểu như: “*Biển ái sóng dồi*” của Châu Hải (*Viên Âm* số 1), “*Viếng cảnh Tra Am cảm tác*” của Như Nguyễn (*Viên Âm* số 3), “*Bài thi đưa thầy Tố Liên về Bắc*” của B.P (*Viên Âm* số 27), “*Bài thơ tán thán đức Địa Tạng*” của Thích Nguyên Lương (*Viên Âm* số 74),... Sang giai đoạn tục bản Viên Âm, thơ và truyện cũng được đăng nhiều trong hai năm đầu xuất bản (1949-1950), tiêu biểu nhất là Thích Minh Châu (18 mẫu chuyện đạo), Thích Thuyền Minh (truyện về vua Lương Võ Đế, từ số 87 đến 94) và Tổng Anh Nghị (5 bài thơ và 1 bài viết về truyện “*Đón gió hương đằm*” của Tổng Anh Nghị).

**Thứ sáu về hình thức trang bìa**, *Đuốc Tuệ* đã 2 lần thay đổi hình thức trang bìa: lần thứ nhất (1937-1941), trang bìa được in màu, tăng kích cỡ tên hội (chữ quốc ngữ và tiếng Pháp) lớn hơn, xóa dòng chữ Hán tên báo “*慧燭報*” và thay hình ảnh Đức Phật ngồi thiền định (trên tòa hoa sen) vào chỗ biểu tượng vòng tròn hoa sen ở giữa trang bìa; đồng thời chuyển thông tin các vị lãnh đạo tòa soạn xuống bên dưới hình Đức Phật. Các mục còn lại như số báo (chữ quốc ngữ), thời điểm xuất bản (tiếng Pháp), tên hội “*Phật giáo hội*” (chữ quốc ngữ, viết to hơn một chút và in đậm), tên báo (*Đuốc - Tuệ*) vẫn to và đậm nhưng thu nhỏ hơn một chút, tuần báo và trụ sở tòa soạn, giá báo vẫn giữ bình thường. Lần thứ hai vào giai đoạn 1942-1945, tòa soạn chuyển số báo và thời điểm xuất bản xuống phía dưới hình Đức Phật, đồng thời thêm chữ “*Việt Nam*” vào tên hội ban đầu “*Phật giáo hội*” (bỏ tên chữ Pháp và thay bằng chữ Hán, tức là “*Việt Nam Phật giáo hội*” (越南佛教會). Tạp chí *Viên Âm* đã 10 lần thay đổi mẫu bìa từ mẫu chữ (Hán ngữ, quốc ngữ,...), hình ảnh (khói hương xông, Đức Phật Bản sư, linh thú, biểu tượng Gia đình Phật tử,...), trang trí (khung viền hay không khung viền), kích cỡ (lớn, nhỏ), cách viết (đậm, nhạt, viết hoa, viết thường,...), thêm thông tin (địa chỉ tòa soạn, nhà in, giá cả,...).

**Thứ bảy về mặt giá cả**, giá *Viên Âm* ban đầu (1933) là 20 xu/1 số, hoặc 2 đồng Đông Dương cho cả năm. Sang số 3 (ngày 01/02/1934) thêm vào giá nửa tháng là 01 đồng 10 xu. Đến số 64 (1943) thì tăng thêm 5 xu mỗi số (tức là 25 xu/1 số), và thêm 50 xu cho ai đặt mua cả năm (tức là 2,5 đồng/1 năm). Từ năm 1944 trở đi, tình hình kinh tế khó khăn, phần sau trang bìa *Viên Âm* số 69 thông báo giá cả cho độc giả hội viên là 3 đồng/1 năm, ngoài hội thu 3,5 đồng/1 năm; còn mua từng số thì 30 xu [9]. Giai

đoạn tục bản 5 năm (1949-1953) vẫn một mức giá ổn định: 5 đồng/1 số, 15 đồng/3 tháng, 28 đồng/6 tháng, 55 đồng/1 năm.

Theo nghiên cứu của Ninh Thị Sinh về giá cả tạp chí *Đuốc Tuệ* như sau: “*Giá báo cả năm từ 2 đồng Đông Dương tăng lên 3 đồng, rồi 5 đồng; giá nửa năm từ 1 đồng 20 xu - 2 đồng - 3 đồng; giá một số 4 lần thay đổi: 10 xu - 20 xu rồi 30 xu - 50 xu*” [9]. Cùng xuất bản giai đoạn nửa đầu thế kỷ XX, giá hai tạp chí khởi điểm lúc đầu không chênh lệch bao nhiêu, nhưng càng đến giai đoạn kinh tế khó khăn thì *Đuốc Tuệ* tăng giá cao hơn *Viên Âm* khi in tại miền Bắc.

### KẾT LUẬN

Hoạt động hoằng pháp của tạp chí *Viên Âm* ở miền Trung và tạp chí *Đuốc Tuệ* ở miền Bắc đã cất lên tiếng nói góp phần chấn hưng Phật giáo Việt Nam vào nửa đầu thế kỷ XX. Hai tạp chí đã phát triển theo hướng hiện đại hóa: với sự tham gia của nhiều cây bút cư sĩ, tu sĩ cùng giới quan lại; đa dạng về hình thức, thể loại và ngôn ngữ; nhiều tin tức về các sự kiện Phật giáo trong và ngoài nước; đánh chính một số lỗi kỹ trước;... Đây là kênh truyền thông hoằng pháp của hội Phật học trong việc chấn chỉnh lại đời sống tu học của giới tu sĩ, đồng thời phá trừ mê tín và khuyến khích dân thân hộ pháp của giới cư sĩ. Chính điều đó đã tác động trực tiếp và tích cực đến đời sống xã hội thời bấy giờ, tạo dựng lại hình ảnh đạo Phật hộ quốc an dân sáng ngời trong lòng dân tộc Việt Nam trong thời chiến cũng như thời bình, là nền tảng cho các tạp chí Phật giáo khác sau này tiếp biến và phát triển.

### Chú thích:

\* Đại đức Thích Thiện Mãn - Thạc sĩ Phật học, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP HCM.

[1] Thích Khánh Hòa (1929), “*Tự trần*”, *Pháp Âm*, số 1, Sài Gòn, tr. 18.

[2] Nguyễn Lang (2008), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 3, Nxb. Văn học, Hà Nội, tr. 785.

[3] Trang bìa, *Viên Âm*, số 1, Huế, 01/12/1933.

[4] Phật học hội (1935), “*Lời nói đầu*”, *Tập kỷ yếu Hội Phật giáo*, số 1, Hà Nội, tr. 5.

[5] Nguyễn Đại Đồng (2008), *Lược khảo báo chí Phật giáo Việt Nam (1929-2008)*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr. 55.

[6] Trang bìa, *Viên Âm*, số 1, Huế, 01/12/1933.

[7] Ninh Thị Sinh (2020), *Phong trào chấn hưng Phật giáo ở Bắc kỳ: trường hợp hội Phật giáo (1934-1945)*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 311.

[8] Ninh Thị Sinh (2020), *Sđd*, tr. 309.

[9] Trang bìa, *Viên Âm*, số 69, Hà Nội, 1944.

[10] Ninh Thị Sinh (2020), *Sđd*, tr. 304.



# AN LẠC

Nguyễn Ngọc Hưng

Rừng suối vốn tự nhiên  
Gió trắng hăng vô chủ  
Thân tâm chẳng lụy phiền  
Lòng biết vui là đủ.

Từ cha sinh mẹ đẻ  
Đến nhắm mắt xuôi tay  
Người vay vay trả trả  
Thảnh thơi được bao ngày?

Sao chẳng như rừng suối  
Sao chẳng là gió trắng  
Hồn nhiên vô tư lự  
Có chi hạnh phúc bằng?

Bao nhiêu người đau khổ  
Là bởi tâm vọng cầu  
Trăm năm qua chớp mắt  
Cảnh cũ người xưa đâu?

Niệm từ bi hỷ xả  
Nguyện phát vô lượng tâm  
Kiên nhẫn theo từ phụ  
Chân như tỏa hương trầm!



# TÌNH SEN DUYÊN SÚNG

Tịnh Bình

Cùng chung phận kiếp ao đầm  
Thập phần hương sắc sen cảm phần hơn  
Nào đâu ganh tị tủi hờn  
Lặng thâm phận súng rập rờn nước xanh

Sen kia nghiêng nước nghiêng thành  
Bụi trần chẳng lấm thanh thanh dịu dàng  
Chẳng mơ đài các cao sang  
Ung dung mây trắng ao làng cảnh quê

Thoạt nơi hồ biếc bùa mê  
Thoạt về thành nội vãn về yếm hồng  
Chữ tình chẳng bận nơi lòng  
Sen tu nơi chốn nâu sồng trang nghiêm

Lặng lòng tiếng vạc kêu đêm  
Thương sen bao cuộc nổi chìm sen ơi!  
Cùng là nước chảy hoa rơi  
Thơ ngậy nàng súng buông lời ủi an

Một chiều đành phận sang ngang  
Sen về lầu gác ao làng súng thổi  
Trông theo dáng tím bồi hồi  
Hoàng hôn bóng lẻ đơn côi một mình

Súng tàn súng nở im thinh  
Chiều quê lặng đọng bóng hình chân phương  
Nhìn bông súng nở vãn vương  
Ăn canh bông súng nghe thương vào lòng

Từ sen thôi khép bụi hồng  
Trao duyên nàng súng gánh gồng đa đoan  
Nổi nênh những nước cùng non  
Tình sen duyên súng sắt son đậm đà...

---

*Khảo sát  
mộc bản Niệm Phật Công Cử  
tại Tổ đình Tường Vân  
(Thừa Thiên Huế)*

---



**ĐD. Thích Nhật Tấn\***

**DẪN LUẬN**

“*Sống gửi thác về*”, câu tục ngữ mang đậm triết lý nhân sinh sâu sắc về kiếp sống con người của dân tộc Việt Nam. Không chỉ riêng người Việt, nhiều dân tộc có nền văn minh lâu đời trên thế giới cũng đã có nhiều câu hỏi tương tự: *Chúng ta đang sống ở đâu? Chết sẽ đi về đâu?* hầu hết những câu hỏi ấy đều đã có lời giải đáp qua các học thuyết hay quan điểm của một tôn giáo nào đó. Theo quan niệm Phật giáo, sau khi con người “*mãn duyên trần thế*” sẽ có rất nhiều nơi đến như Tam giới cửu địa [1], các cõi Tịnh độ của chư Phật, đặc biệt là cõi Tịnh độ của Đức Phật A Di Đà, còn gọi là cõi Cực lạc hay nước An Dưỡng, tức là nơi không còn khổ đau bệnh tật, có đời sống an vui tự tại.

# 南無阿彌陀佛



致寶和尚證明  
凡念十串珠一點每一圖五點共二千圈計十萬餘串付囑  
信人 法名 諸愿淨土決志往生放下萬緣一心念佛

念佛公據案諸淨土法門凡人信心念佛願生西方臨命終時承  
佛願力接引蓮花化生成等正覺決無疑矣  
德山寺比丘師靜鏡梓流通  
HT. THICH CHON TE



Bản in từ mộc bản Niệm Phật công cứ



Mộc bản Niệm Phật công cứ do Thiền sư Tế Hội Đê Tĩnh chùa Đức Sơn đứng khắc, thế kỷ XIX, hiện lưu tại Tổ đình Tường Vân - Huế.

Đề đến được cõi này, hành giả phải hội tụ đủ ba yếu tố Tín [2], Nguyện [3] và Hạnh [4]. Trong đó, Hạnh tức là việc hành trì danh hiệu của đấng Giáo chủ cõi ấy, tức là niệm danh hiệu Đức Phật A Di Đà. Có nhiều phương pháp niệm như Quán tưởng niệm Phật [5], Quán tượng niệm Phật [6], Thực tướng niệm Phật [7] và Trì danh niệm Phật. Phương pháp phổ biến nhất được thực hành ngày nay là phương pháp Trì danh niệm Phật, tức là niệm hồng danh sáu chữ *Nam mô A Di Đà Phật*.

Thời đại ngày nay, thật không thể nghĩ rằng phương pháp niệm Phật lại được công nghệ hóa với hệ thống các chuỗi niệm Phật điện tử cầm tay. Tuy hiện đại nhưng phương pháp trì danh này từ xưa chư Tổ cũng đã từng sử dụng qua hình thức là niệm Phật công cứ. Nếu như ngày nay, hành giả đếm số lần niệm Phật qua những con số hiển thị trên màn hình chuỗi niệm Phật điện tử thì ngày xưa chư Tổ cũng dùng hình thức lần chuỗi tràng và đếm số lần niệm Phật qua những chằm vành khuyên đã có sẵn trên một bức tranh niệm Phật công cứ được in trên giấy.

Tháp tùng đoàn khảo sát thu thập tư liệu điền dã của Trung tâm Văn hóa Liễu Quán và Thư viện Huệ Quang tại Tổ đình Tường Vân tháng 4/2022, chúng tôi may mắn được “tận mục sở thị” bản khắc niệm Phật công cứ trên gỗ vô cùng quý giá với niên đại từ thế kỷ XIX hiện lưu tại Tổ đình. Qua bài viết này, chúng tôi kỳ vọng người đọc có thêm nhiều thông tin mới về phương pháp trì danh tôn hiệu Đức Phật A Di Đà đã rất thịnh hành từ nhiều thế kỷ về trước. Đồng thời, qua việc tìm ra các giá trị về

nghệ thuật tạo hình, điêu khắc, thư pháp... người viết mong muốn sự công nhận về đóng góp của văn hóa nghệ thuật Phật giáo trong việc làm phong phú thêm cho di sản văn hóa của dân tộc.

## TỔNG QUAN VỀ VÁN KHẮC

Ván khắc niệm Phật công cứ hiện lưu tại Tổ đình Tường Vân vốn không thuộc bốn tự mà là di sản của chùa Thiên Phước [8] trên đồi Dương Xuân thế kỷ XVIII. Sau khởi nghĩa Chày Vôi thất bại (1866), chùa là căn cứ bí mật họp bàn, tập trung khí giới nên bị triệt giải. Ván khắc này cùng với nhiều tự sản khác kể cả tháp mộ chư vị tổ sư cũng phiêu tán khắp nơi.

Về tình trạng bản khắc, ván làm bằng chất liệu gỗ thị [9] hiện còn khá nguyên vẹn, có kích thước bề rộng là 40cm, bề dài 75cm, bề dày 3cm, được khắc một mặt. Bộ ván khắc này được đại sư Tế Hội Đệ Tĩnh chùa Đức Sơn đứng khắc, Đại sư Trí Giác chứng minh có niên đại độ chừng thế kỷ XVIII-XIX.

Về nghệ thuật trang trí, vì hình thức niệm Phật này du nhập từ nhà Minh sang hoặc trú trì chùa gốc người Hán nên các nét họa tiết trang trí mang nhiều dấu ấn của nghệ thuật Trung Hoa từ hình tượng con người đến y phục và cả hoa lá.

Về bố cục tạo hình, nhìn tổng thể, ván khắc như một tác phẩm nghệ thuật được sáng tác trên gỗ, trên cùng là 6 chữ Hán lớn “*Nam mô A Di Đà Phật*”. Tiếp đến ở phần trên với trung tâm là Đức Phật A Di Đà đang đứng ngự trên tòa sen, tay trái nâng hoa sen trang nghiêm trước ngực, tay phải bắt

thủ ấn phóng hào quang tiếp dẫn chúng sanh. Hai bên Đức Phật là 6 dòng chữ Hán chia đều mỗi bên với nét khắc sắc sảo. Phần dưới Đức Di Đà là ao sen với đủ lá, hoa và sóng nước tạo nên một bức tranh sống động. Trên mặt ao sen, các đối tượng trang trí được thiết lập theo bố cục đăng đối với 5 hoa sen đã nở và hai lá. Ngồi trên 3 đóa sen đang nở là một đệ tử xuất gia (giữa) và hai vị tại gia đang chấp tay hình hoa sen hướng về Đức Di Đà.

Về trang trí viền, đa số các ván khắc niệm Phật công cứ thường tạo hình bằng các họa tiết dây leo hoa lá kết hợp với các khuyên tròn tinh tế lồng ghép vào trong. Ở bản khắc niệm Phật công cứ này, chư Tổ đã loại bỏ những họa tiết rườm rà, thay vào đó là những vòng khuyên tròn với số lượng lớn để cụ thể hóa số lần niệm Phật được nhiều hơn.

## NỘI DUNG VÁN KHẮC

### *Dòng bên phải*

念佛公據，案諸淨土法門，凡人信心念佛願生西方，臨命終時承佛願力接引連花化生，成等正覺，決無疑矣。德山寺，比丘諦靜鋟梓流通。[諦靜-際會]。

Niệm Phật công cứ, án chư tịnh độ pháp môn, phàm nhân tín tâm niệm Phật nguyện sinh Tây phương, lâm mạng chung thời thừa Phật nguyện lực tiếp dẫn liên hoa hóa sinh, thành đẳng Chính Giác, quyết vô nghi hĩ. Đức Sơn tự, Tỳ kheo Đệ Tĩnh tâm tử lưu thông [Đệ Tĩnh-Tế Hội].

*Niệm Phật công cứ, xét theo pháp môn của Tịnh độ, phàm người tín tâm niệm Phật nguyện sanh về cõi*

*Tây phương, lúc lâm chung được được nương nguyện lực của Phật mà tiếp dẫn, hóa sanh trong hoa sen, thành bậc Chánh đẳng giác, quyết không nghi ngờ. Chùa Đức Sơn, Tỳ kheo Đệ Tĩnh khắc bản lưu thông [dấu triện hòa thượng Tế Hội-Đệ Tĩnh].*

### *Dòng bên trái*

致寶和尚證明。凡念十串珠一點，每一圈五點，共二千圈，計十萬餘串。付囑信人... 法名... 諦思淨土，決志往生，放下萬緣，一心念佛。

Trí Bảo hòa thượng chứng minh. Phàm niệm thập quán châu nhất điểm, mỗi nhất khuyên ngũ điểm, cộng nhị thiên khuyên, kế thập vạn dư quán. Phó chúc tín nhân:... pháp danh:... để tư Tịnh độ, quyết chí vãng sinh, phóng hạ vạn duyên, nhất tâm niệm Phật.

*Hòa thượng Trí Bảo chứng minh. Phàm niệm 10 tràng chuỗi chám 1 điểm, mỗi lỗ khuyên chám 5 điểm, tổng cộng có 2000 khuyên, tính ra hơn 100.000 chuỗi tràng. Giao phó cho những người có lòng tin tên: ... pháp danh: ... luôn nghĩ về Tịnh độ, quyết chí vãng sanh, buông bỏ mọi duyên, một lòng niệm Phật.*

## MỘT SỐ ĐẶC ĐIỂM VỀ PHONG CÁCH TẠO HÌNH TRÊN VÁN KHẮC

### *Yếu tố nhịp điệu*

Nhịp điệu là yếu tố thường thấy trong tranh của những họa sĩ đa cảm với thiên nhiên, hài hòa với các quy luật của cuộc sống. Trong bức tranh khắc gỗ này, dễ dàng thấy được bố cục nhịp điệu trải đều toàn bộ. Từ ánh hào quang uyển chuyển tỏa ra từ nhục kế của Đức Phật hòa quyện với những

nếp gấp uốn lượn nhẹ nhàng của y phục. Yếu tố này tiếp tục được sử dụng qua ánh hào quang từ cánh tay mềm mại của Đức Phật tỏa xuống ao sen rồi hòa quyện vào với những làn sóng bập bềnh.

### *Yếu tố đối xứng*

Nhìn tổng thể bức tranh, ta dễ dàng nhận thấy bố cục đối xứng được trình bày theo phương dọc. Dễ thấy nhất là tòa sen của Đức Phật, cách sắp xếp số lượng cánh hoa đều nhau ở hai bên. Ngoài ra, sự đối xứng này còn được sắp đặt ở những hoa sen nở trên ao, các hành giả hóa sanh và sóng nước. Với cách sắp xếp như vậy làm cho bức tranh vốn đã được trang nghiêm hóa, nay lại làm nổi bật thêm những giá trị trong nghệ thuật tạo hình của một thời kỳ đồ họa đỉnh cao.

### *Yếu tố đường nét*

Trong loại hình đồ họa mộc bản,

đường nét luôn là yếu tố chủ đạo tạo nên hình thức của sản phẩm tạo ra, chính những đường nét ấy đã làm nên giá trị của tác phẩm. Trong mộc bản, ngoài nội dung khắc bằng ngôn ngữ, chiếm đa phần là đường nét trong hệ thống trang trí chung. Trên ván khắc niệam Phật công cứ này, yếu tố diễn hoạt về đường nét là nhân tố chính góp phần làm thổi sức sống sinh động vào bức tranh Thánh cảnh Tây phương. Ở đây, đường nét vừa là yếu tố diễn hình vừa là yếu tố diễn khối. Có thể lấy ví dụ đường nét trên y phục của Đức Phật, với những đường nét mềm mại, dày mỏng và đậm nhạt khác nhau khiến cho y của ngài giống như nổi khối qua những nếp gấp. Qua đó làm cho tổng thể kim thân của Phật trở nên sinh động, thu hút sự chú ý của người xem.

### *Yếu tố chuyển động*

Một trong những giá trị của ván

khắc niệam Phật công cứ này nằm là sự xếp đặt các yếu tố chuyển động trong tổng thể bố cục tạo hình. Chính yếu tố này vô hình trung đã tô vẽ thêm cho bức tranh trở nên sống động và gần gũi hơn với người xem. Lấy ví dụ cụ thể đường nét hào quang của Đức Phật, chính các đường nét tinh tế và chân thật đến mức khiến người xem gần như chìm vào thánh cảnh của cõi Tịnh độ, thấy được ánh sáng từ bi tiếp dẫn của đức Di Đà. Ngoài ra, yếu tố chuyển động còn được truyền tải qua hình ảnh sóng nước uốn lượn trên mặt ao sen. Giống như phong cách trang trí sóng nước trên các chuông đồng thời chúa Nguyễn, ở trên mộc bản này tuy chỉ với cách tạo hình đậm nhạt cộng sự phân chia khoảng cách hợp lý giữa các đường nét đơn giản nhưng cũng đủ để tạo nên điểm nhấn nhẹ nhàng cho phần cuối cùng của Thánh cảnh Tây phương.



Thượng tọa Thích Không Nhiên và các bạn thành viên đoàn Huệ Quang đang vệ sinh mộc bản

## NHẬN ĐỊNH

“Niệm Phật công cử, xét theo pháp môn của Tịnh độ, phàm người tín tâm niệm Phật nguyện sanh về cõi Tây phương, lúc lâm chung được được nương nguyện lực của Phật mà tiếp dẫn, hóa sanh trong hoa sen, thành bậc Chánh đẳng giác, quyết không nghi ngờ. Phàm niệm 10 tràng chuỗi chẩm một điểm, mỗi lễ khuyến chẩm 5 điểm, tổng cộng có 2000 khuyến, tính ra hơn 100.000 chuỗi tràng. Giao phó cho những người có lòng tin tên:... pháp danh:... luôn nghĩ về Tịnh độ, quyết chí vãng sanh, buông bỏ mọi duyên, một lòng niệm Phật”.

Thông qua nội dung văn khắc trên, chúng ta vô tình mở ra cánh cửa thời gian, vén lên bức màn quá khứ, truy về cội nguồn phương pháp hành trì pháp môn Tịnh độ của tín đồ Phật giáo cách đây hơn 300 năm trước. Từ đó, thấy được phương tiện khéo léo, uyển chuyển và thực dụng trong việc khuyến khích tín đồ niệm Phật của chư Tổ sư ngày xưa. Đồng thời, cũng thấy rõ tầm ảnh hưởng lớn của Phật giáo trong đời sống tinh thần người Việt thế kỷ XVIII-XIX.

Ngoài việc là một văn khắc có công năng sử dụng để truyền đạt thông tin tín ngưỡng tôn giáo, mộc bản niệm Phật công cử Tổ đình Tường Vân còn là một tác phẩm đồ họa đặc sắc, có giá trị nghệ thuật tạo hình vô cùng cao. Qua những đường nét chạm khắc tinh tế, người nghệ nhân đã thổi hồn vào tác phẩm, khiến nó không còn bị bó buộc vào nội dung của những con chữ khô khan mà chính những yếu tố nghệ thuật về

đường nét, nhịp điệu đó đã làm cho nội hàm bức tranh trước mắt trở nên sống động, khiến người xem như đang hóa thân vào thế giới Tịnh độ vô ưu.

### Chú thích:

\* Đại đức Thích Nhật Tấn, Học viên Cao học khóa II Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

[1] Tam giới gồm có: Cõi dục, Cõi sắc và Cõi vô sắc. Cõi địa có khi còn gọi là Cõi hữu hoặc cõi chúng sanh cư hoặc cõi tình cư. Nghĩa là chỗ cư trú của các loài hữu tình. Cõi dục gồm ngũ thú tạp cư địa (tức trời, người, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh); Cõi sắc gồm cõi Ly sanh hỷ lạc, cõi định sanh hỷ lạc, cõi ly hỷ diệu lạc, cõi xả niệm thanh tịnh; Cõi vô sắc gồm cõi không vô biên xứ, cõi thức vô biên xứ, cõi vô sở hữu xứ, cõi phi tướng phi phi tướng xứ.

[2] Đại thừa khởi Tín luận, quyền hạ Ngài Mã Minh có nói: “Tín có bốn loại: Một là lòng tin căn bản, tức là ưa thích pháp Chân Như; Hai là tin Phật có đầy đủ vô biên công đức, tức là thường thích đánh lễ, cung kính cúng dường, khéo nghe chánh Pháp, như pháp tu tập, hồi hướng về Nhất thiết trí; Ba là Tin vào Pháp có lợi ích lớn, tức là thường ưa tu tập các hạnh ba la mật; Bốn là Tin vào Tăng có phẩm hạnh, tức là thường cúng dường các vị Bồ tát, chánh tu các hạnh lợi mình lợi người”.

[3] Luận Đại Trí Độ có dạy: “Trang nghiêm thế giới Tịnh Độ là việc to lớn, không chỉ dùng công đức mà cần phải có nguyện lực, giống như sức mạnh con trâu có thể kéo xe mà cần phải có người đánh xe mới đi được. Nguyện sanh Tịnh Độ thế giới cũng như vậy, phước đức ví như sức con trâu, nguyện lực ví như người đánh xe”. Khi có niềm tin vững vàng rồi phát nguyện tu tập theo pháp môn Tịnh Độ. Nguyện lực kiên cố thì năng lực tu học mới mạnh mẽ, chí nguyện vãng sanh vững vàng, không bị giao động trong quá trình tu học và lập trường giải thoát.

[4] Bát Nhã Kinh có dạy: “Như vị Bồ Tát, từ khi vừa thấy hình tượng Phật rồi cho đến lúc chứng đắc vô thượng Bồ Đề, cũng không xa rời tác ý niệm Phật”. Thực hành việc tu Niệm Phật, hạ thủ công phu Niệm Phật tinh tấn, còn từ bỏ các điều ác làm tất cả các việc lành, phát tâm Bồ Đề, hồi hướng công đức có được cho tất cả chúng sanh, nguyện đồng sanh Tây Phương.

[5] Nghĩa là trong khi niệm Phật, tâm vừa

niệm Phật vừa quán tưởng đến Đức Phật A Di Đà với thân tướng trang nghiêm ở cõi Cực Lạc. Có 3 phương pháp quán tưởng là: Kinh hành quán tưởng niệm Phật, Tọa thiền quán tưởng niệm Phật, Lễ Phật quán tưởng niệm Phật.

[6] Quán tượng tức là thỉnh một bức tượng Phật A Di Đà, rồi vừa niệm Phật vừa quán tưởng tượng hào trang nghiêm của Phật A Di Đà, nhất là ánh hào quang tướng bạch hào giữa hai mắt. Thường thường quán tượng để niệm Phật rất dễ đắc Niệm Phật Tam muội, đạt tới nhất tâm bất loạn.

[7] Thực tướng niệm Phật tức niệm mà không niệm, không niệm mà niệm, lúc đó hành giả đi vào tham thiền. Cho nên người hiểu rõ niệm Phật chân chính không phản đối tham thiền; người hiểu rõ tham thiền chân chính cũng chẳng phản đối niệm Phật. Chẳng những không phản đối niệm Phật mà cũng chẳng phản đối Giáo Tông, Mật Tông, Luật, Mật, Tịnh nhưng hợp lại thì “nhất tông bất lập”, một tông cũng chẳng có, tất cả đều hỗ trợ lẫn nhau, tông này cùng tông nọ đều có mối tương quan với nhau.

[8] Chùa Thiên Phước còn có tên là chùa Pháp Vân, tục gọi là chùa Khoai, một danh lam cổ tự nằm phía Tây Nam kinh thành Phú Xuân. Người lập tự là bà Trần Thị Thiên (tức Cơ) thọ Ưu-bà-di giới pháp danh Thành Tú vào năm Vĩnh Khánh thứ 4 [1733]. Sau khi hoàn tất công trình, bà thỉnh thiền sư Phật Thanh Huyền Khê từ Đông Phố (Đồng Nai) ra Thuận Hóa về trú trì. Ngôi cổ tự này chính thức bị triệt giải từ năm 1866, sau khi kế hoạch đảo chính vua Tự Đức trong cuộc khởi nghĩa Chày Vôi do hai anh em Đoàn Trung, Đoàn Trực và nhà sư Nguyễn Văn Quý khởi sự.

[9] Đây là loại gỗ có vân sớ đa chiều rất thích hợp cho việc chạm khắc những họa tiết trang trí đòi hỏi độ tỉ mỉ và chính xác cao.

### Tài liệu tham khảo:

[1] Phan Lê Chung (2018), “Phong cách trang trí trên chuông đồng thời chúa Nguyễn tại cố đô Huế”, Tạp chí Nghiên cứu Văn hóa, số 24, tr.47-53.

[2] Thích Không Nhiên (2018), “Chùa Khoai-Pháp Vân-Thiên Phước tự qua khảo sát các nguồn sử liệu cổ”, Tạp chí Liễu Quán, số 15, Nxb. Thuận Hóa, tr.96-103.

[3] Nguyễn Hữu Thông, Lê Thị Như Khuê (2015), “Dấu ấn đặc trưng về mặt tạo hình trong bản khắc niệm Phật công cử”, Tạp chí Liễu Quán, số 6, tr.72-81.



# Tinh thần nhập thế của Thiền sư Thích Nhất Hạnh

## SC. Thích Nữ Nguyên Hoa

Phật giáo là một tôn giáo lớn, vì thế những đường lối cũng như giáo pháp Phật dạy không chỉ là phương thức chuyển hóa khổ đau, mà còn là triết lý sống. Đường lối tu tập của Đức Phật khi còn tại thế cùng với tư duy, hành động không xa rời chúng sanh. Tinh thần Phật giáo đi vào đời được thiết lập từ bước sơ khởi khi đạo Phật bắt đầu hình thành. Ngày nay, thuật ngữ “*Phật giáo nhập thế*” đã trở nên quen thuộc và phổ biến. Tinh thần nhập thế có nghĩa là không phải chỉ lo tu học Phật pháp mà thờ ơ với đời, cũng không phải sống với đời mà xa rời đạo. Như bài kệ của Lục tổ Huệ Năng:

*Phật pháp tại thế gian  
Bất ly thế gian giác  
Ly thế mich Bồ đề  
Kháp như cầu thổ giác.*


Từ thời Đức Phật cho đến chư vị Tổ sư đều khuyến tấn tư tưởng này. Ở thời nhà Trần, đó là “*Hòa quang đồng trần*”. Đến thời hiện đại, Thiền sư Thích Nhất Hạnh tiếp nối truyền thống đã đưa ra khái niệm về “*Phật giáo dẫn thân*” hay “*Phật giáo đi vào đời*”.

### KHÁI NIỆM THUẬT NGỮ PHẬT GIÁO NHẬP THẾ

Nhiều nhà nghiên cứu đã tìm hiểu và định nghĩa về khái niệm này. Học giả phương Tây Allie B. King cho rằng: “*Phật giáo nhập thế (Engaged Buddhism) là một hình thức đương đại của Phật giáo, tham gia tích cực nhưng không bạo lực để giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế chính trị, môi trường. Ở trạng thái tốt nhất, sự tham gia này không tách rời khỏi tinh thần của Phật giáo, mà là một biểu hiện của nó*” [1].

Nhà nghiên cứu Ken Jones trong tác phẩm *Diện mạo xã hội trong Phật giáo (The Social Face of Buddhism)* định nghĩa như sau: “*Phật giáo Nhập thế là một áp dụng của một quá trình xã hội, kinh tế, chánh trị và môi sinh phát sinh từ quan điểm nhân sinh của đạo Phật*” [2, p.1]. Thiền sư Thích Nhất Hạnh với tác phẩm *Hoa sen trong biển lửa (The Lotus in the Sea of Fire)* đã giới thiệu tư tưởng đạo Phật dẫn thân, hay Phật giáo nhập thế. Đạo Phật đi vào cuộc đời đến công chúng giữa thời buổi nhiều





Trong việc tu tập, đạo Phật dạy có nhiều cách hành trì tùy theo nhân duyên và căn cơ người tiếp nhận. Điều quan trọng là làm thế nào để đem lại lợi lạc không chỉ cho bản thân người tu tập, mà còn đem nguồn năng lượng ấy đến với muôn người dựa trên tinh thần “*tùy duyên hóa độ*” đi đúng chánh pháp.

nhưng. Quyển sách này đề cập rất nhiều về phong trào Phật giáo gắn liền đời sống dân tộc. Nhà phê bình Dạ Thảo nêu lên điểm khác biệt của đường lối Phật giáo đối với các học phái khác: “Ở bất cứ nước nào trên thế giới cũng vậy, khi bước chân đến, đạo Phật cũng thích nghi ngay với phong tục, khí hậu, nhân tính để biến thành một lối sống cho quần chúng. Ở Việt Nam cũng thế, Phật giáo đã hoà hợp trong cá tính dân tộc, đã cùng dân tộc ta xây dựng một nền quốc gia độc lập” [3, p.38].

Còn học giả Thích Đồng Thành đưa ra khái niệm về Phật giáo nhập thế như sau: “Trên thực tế, Phật giáo nhập thế là một loại phong trào trong Phật giáo rộng khắp, bao gồm cộng đồng cư sĩ cũng như các tu sĩ, phương Tây cũng như phương Đông. Bên cạnh việc duy trì sự phát triển tâm linh hướng nội, Phật giáo nhập thế cũng nhằm mục đích giảm bớt đau khổ và áp bức xã hội thông qua cải cách chính trị và xã hội. Do đó, Phật giáo nhập thế phản ánh mặt tích cực của Phật giáo trong việc áp dụng giáo lý Phật giáo một cách hoạt động và xã hội hơn so với truyền thống” [2, p.2].

Như vậy, các quan điểm của mỗi học giả đã phần nào khái lược tư tưởng này. Tuy hình thức, nội dung diễn đạt có khác nhau nhưng nhìn chung đều hướng đến đem giáo lý đạo Phật tiếp cận với quần chúng nhân dân. Đạo Phật từ xưa đến nay luôn trên tinh thần hòa hợp, từ bước sơ khởi đến khi phát triển Phật giáo không những không tách mình khỏi thế sự mà còn dần thân một cách tích cực vào cuộc đời, vào nếp sống con người ở từng địa phương



Có thể nói, cả cuộc đời Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã dần thân vì sự nghiệp độ sanh, phần đầu không ngừng, những bài giảng và phương thức người dạy rất gần gũi, thiết thực, dễ thực hành trên nền tảng giáo lý Phật dạy. Những bài học thực tế chứa đựng cả tấm lòng thấu hiểu, yêu thương. (Ảnh: thanhnien.vn)

để chuyên hóa, xây dựng cuộc sống cao đẹp, thánh thiện hơn. Đó là đặc tính nhập thế của Phật giáo trong mọi thời đại, mọi không gian, không phân biệt địa phương, chủng tộc, giàu nghèo và giai cấp.

#### MỘT SỐ HÌNH THỨC CỦA ĐẠO PHẬT NHẬP THẾ

Đời sống của Đức Phật và Tăng đoàn luôn vì mục đích lợi sanh: “*Này các Tỳ kheo, hãy lên đường thuyết pháp vì hạnh phúc, vì an lạc cho chúng sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người*” [4, p.502]. Đức Phật chỉ dạy hàng đệ tử đem giáo pháp lan tỏa khắp nhân gian vì lòng thương tưởng cho đời. Đây là lý tưởng nhập thế tồn tại mãi cho đến ngày nay. Ở nước ta, Phật giáo thời Trần cũng đánh dấu một giai đoạn thật sự hoà nhập vào đời sống cả hình thức lẫn nội dung.

Đạo không tách rời đời và đời cũng không thiếu vắng đạo, nó trở thành một hợp thể linh động, sáng tạo và điều dụng trong mọi hoàn cảnh. Có thể nói, các vị vua, các Thiền sư đã vận dụng tính uyển chuyển, tùy duyên hay nhập thế để tạo cho Phật giáo Đại Việt một nét đặc trưng.

Trong thời hiện đại, tuy việc Phật giáo nhập thế về hình thức có thể thay đổi nhưng bản chất vẫn được thiết lập dựa trên nền tảng truyền thống. Hiện nay có khá nhiều cách thức, trong đó, việc tổ chức các khóa tu cho mọi lứa tuổi như: “*Khóa tu mùa hè*”, “*Khóa tu một ngày an lạc*”, “*Búp sen hồng*”... tại các chùa là một phương thức hữu hiệu đưa đạo Phật lan tỏa trong quần chúng bên cạnh các hoạt động từ thiện, trao học bổng,... Vào thời điểm dịch COVID-19 hoành hành, những



Đời sống của Đức Phật và Tăng đoàn luôn vì mục đích lợi sanh: “*Này các Tỷ kheo, hãy lên đường thuyết pháp vì hạnh phúc, vì an lạc cho chúng sinh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người*”.

hành động mang tính thiết thực của các tu sĩ Phật giáo như: Bếp ăn cho bệnh viện dã chiến, chợ không đồng, hỗ trợ chăm sóc bệnh nhân ở tuyến đầu,... đã góp phần giúp xã hội chiến thắng dịch bệnh.

Một phong trào nhập thế Phật giáo cũng được thể hiện rõ nét là phương thức tu tập tại Làng Mai của Thiền sư Thích Nhất Hạnh, pháp môn này phổ biến rộng rãi bằng nhiều hình thức khác nhau như: văn học, nghệ thuật, thiền tập... Tinh thần đạo Phật nhập thế luôn hòa vào lòng dân tộc qua mọi thời đại, giống như những dòng sông đem giáo pháp vào đời tạo nên phù sa làm cho vùng đất đó tươi mới hơn. Phật giáo luôn mang tính thần hòa nhập tạo thành năng lượng mới tích cực và hữu hiệu.

**THIỀN SƯ THÍCH NHẤT HẠNH VỚI CÁI NHÌN VỀ PHẬT GIÁO NHẬP THẾ SỰ NGHIỆP TU HÀNH VÀ DẪN THÂN**

Thiền sư Thích Nhất Hạnh sinh năm 1926 ở Huế, thế danh là Nguyễn Xuân Bảo. Ông xuất gia năm 16 tuổi tại chùa Từ Hiếu, thọ giáo với Hòa thượng Thanh Quý - Chân Thật, được đặt pháp danh Trùng Quang, tự Phùng Xuân. Ông là Thiền sư thuộc đời thứ 42 dòng thiền Lâm tế, thứ 8 của phái Liễu Quán. Là một tu sĩ trẻ và năng lượng nhiệt huyết, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã tham gia nhiều phong trào của Phật giáo. Thiền sư xếp thứ 4 trong bảng xếp hạng 100 nhân vật tâm linh có tầm ảnh hưởng lớn nhất toàn cầu năm 2011. Ngài là một trong số đệ tử lớn của Hòa thượng Thanh Quý, được phó pháp truyền đăng năm 1966 với bài kệ:

一向逢春得健行  
行當無念亦無爭  
心燈若照其原體  
妙法東西可自成

*Nhất hướng Phùng Xuân đắc kiện hành  
Hành đương vô niệm diệt vô tranh*

*Tâm đăng nhược chiếu kỳ nguyên thể*

*Diệu Pháp đông tây khả tự thành.*

Năm 1960, ông thành lập trường Thanh thiếu niên với các dịch vụ xã hội, tổ chức cứu trợ nhân đạo, lập trường học, trung tâm y tế. Năm 1961, Thiền sư sang Mỹ tiếp tục nghiên cứu và giảng dạy ở Đại học Columbia Phật giáo thuộc Viện Đại học Princeton. Tại đây, ông nhận bằng Thạc sĩ chuyên ngành Tôn giáo học của Viện Đại học Columbia vào năm 1963. Đến năm 1966, ông thành lập dòng tu Tiếp Hiện, là một dòng tu theo tư trào Phật giáo dẫn thân, dành cho người xuất gia cũng như người thế tục, nam cũng như nữ. Năm 1966, ông khai sơn ngôi chùa có tên Nôm là chùa Lá, tên chữ là Pháp Vân, thuộc quận Tân Phú (TP. Hồ Chí Minh hiện nay). Đây là cái nôi nuôi dưỡng thế hệ thanh niên phụng sự đầu tiên. Trước năm 1975, Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã đi khắp thế giới thuyết giảng về hòa bình. Đầu

năm 2007, với sự đồng ý của Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Thiền sư Thích Nhất Hạnh tổ chức ba trai đàn chẩn tế lớn tại ba miền Việt Nam với tên gọi “Đại trai đàn Chẩn tế Giải oan”, cầu nguyện và giải trừ oan khổ cho những người từng chịu hậu quả của chiến tranh. Với sứ mệnh hiện đại hóa đạo Phật mà ông hay gọi là đạo Bụt, Thiền sư đã tổ chức nhiều trung tâm Làng Mai trên thế giới và du hành khắp nơi thuyết giảng, tổ chức các khóa tu thiền thực hành pháp môn tu tập chánh niệm, thiết lập nền tảng hạnh phúc bây giờ, ở đây.

### NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TU HỌC

Trong việc tu tập, đạo Phật dạy có nhiều cách hành trì tùy theo nhân duyên và căn cơ người tiếp nhận. Điều quan trọng là làm thế nào để đem lại lợi lạc không chỉ cho bản thân người tu tập, mà còn đem nguồn năng lượng ấy đến với muôn người dựa trên tinh thần “tùy duyên hóa độ” đi đúng chánh pháp. Riêng Thiền sư Thích Nhất Hạnh từ điểm khởi đầu đã chọn con đường nhập thế, cho đến nội dung tư tưởng, giáo lý là một chuỗi dài nối kết với nhau. Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã luôn bước những bước chân an lạc, vững chãi và hướng dẫn mọi người cũng như vậy, hãy sống cuộc đời bằng một tinh thần an lạc, dũng mãnh, đó là cách tri ân đến với cuộc đời này.

Tại Làng Mai, Thiền sư tổ chức nhiều khóa tu học như: Khóa tu xuất sĩ, Wake Up Quốc Tế, Khóa tu Gia đình cho người Thái, Tiếp Hiện... Như vậy với nhiều khóa tu được sắp xếp phù hợp với đối tượng, đây cũng là phương thức nhập thế hữu hiệu. Thiền sư Thích Nhất Hạnh giảng: “Sống trong giây phút hiện

*tại là một phép lạ. Phép lạ không phải là đi trên mặt nước. Phép lạ là đi trên hành tinh xanh xinh đẹp này trong giây phút hiện tại, biết trân quý sự bình an và vẻ đẹp có sẵn ngay bây giờ”*. Nếp sống tại tu viện Làng Mai có nhiều điểm khác biệt so với các tự viện về phương pháp hành trì, nhưng vẫn không xa rời chất liệu tu tập. Người viết đã từng được tham gia thực tập với các hình thức này cảm nhận có nhiều điều mới mẻ, ví như khi mọi người đang đi bỗng nghe thấy tiếng chuông hay tiếng đồng hồ tích tắc liền dừng lại mọi hoạt động. Ban đầu sẽ rất ngạc nhiên, nhưng đó là phương pháp giúp mỗi người giữ chánh niệm, tinh thức. Bởi đôi lần chúng ta bước đi bằng bước chân vội vã, vô thức. Với thời khóa tụng niệm phù hợp cho tất cả thiền sinh, bằng các ngôn ngữ Anh, Thái, Việt trong mỗi thời khóa. Do vậy, có thể nhận thấy rõ về một tư tưởng nhập thế qua những tư duy cụ thể: “*Mỗi khi đi thiền hành về, tôi thường có ý viết để nói chuyện với những người bạn trẻ. Ngày xưa tôi đã từng là người trẻ tuổi. Tôi đã có những thao thức, những khổ đau, những tìm kiếm. Tôi biết hôm nay, anh (hay chị cũng thế) cũng đang có những thao thức, những khổ đau, những tìm kiếm. Có rất nhiều đề tài để mình nói chuyện với nhau. Nhưng tôi muốn anh đề nghị đề tài. Đề tài lấy từ những thao thức, khổ đau và tìm kiếm của chính mình”* [6, p.5].

Ngoài hình thức khóa tu đa dạng dành cho mọi thành phần, phù hợp với từng lứa tuổi, Thiền sư Thích Nhất Hạnh còn là nhà văn, nhà thơ, nhà văn hóa sáng tác những tác phẩm nghệ thuật thư pháp, thiền ca... Các tác phẩm nổi tiếng của Thiền sư như: “*Đường xưa mây trắng*”, “*An lạc trong từng*

*bước chân*” hay “*Phép lạ của sự thức tỉnh*” được công chúng đón nhận nồng nhiệt. Ông luôn lấy con người và sự tu tập làm mục đích hướng đến. Thiền ca là những bài hát có công năng nuôi dưỡng chánh niệm, lời được lấy ra từ những kinh văn hoặc thiền ngữ ghi lại kinh nghiệm trong khi thực tập. Những bài thiền ca nhẹ nhàng sâu lắng đi vào lòng người như: *Bóng hồng cài áo, Thiền sinh ru nội kết, Không đến không đi...* nhẹ nhàng, sâu lắng, dễ đi vào lòng người. Nhạc sĩ Anh Việt nhận xét về thiền ca Làng Mai: “*Thơ và nhạc của Làng Mai không vương vấn những nét sầu khổ và đau thương hoặc chán chường mà ở đây rất lành mạnh cao vút và đầy chất liệu tâm linh*”. Như vậy, từ hình thức đến nội dung đều mang ý chuyển tải sự tu tập, phương pháp của Thiền sư Thích Nhất Hạnh cùng Tăng thân đem đến cho đời tinh thần đạo Phật nhập thế tích cực.

### THỰC HÀNH GIÁO LÝ NHẬP THẾ TRONG ĐỜI SỐNG HIỆN NAY

Để thích ứng với thời đại mới, Phật giáo có nhiều hình thức làm phương tiện độ sanh, thay đổi từ hình thức và nội dung nhưng vẫn không xa rời giáo lý Phật dạy. Vấn đề đưa Phật pháp vào đời rất cần sự linh động với thời cuộc, thích nghi hoàn cảnh phát triển xã hội. Khi đã dần thân phụng sự, rất cần những ý tưởng hòa hợp và thích nghi văn hóa vùng miền nhưng không xa rời giáo lý, tất cả không ngoài mục đích “*Xiển dương Phật pháp lợi lạc chúng sanh*”. Đứng trước một xã hội đang hội nhập và phát triển, Phật giáo ngày nay cần thích nghi để xiển dương Phật pháp, như việc truyền thông qua mạng Internet bằng những bài giảng, giúp truyền



*“Phật giáo nhập thế (Engaged Buddhism) là một hình thức đương đại của Phật giáo, tham gia tích cực nhưng không bạo lực để giải quyết các vấn đề xã hội, kinh tế chính trị, môi trường. Ở trạng thái tốt nhất, sự tham gia này không tách rời khỏi tinh thần của Phật giáo, mà là một biểu hiện của nó”.*

tải giá trị đạo đức, lối sống lành mạnh đến giới trẻ.

Mỗi tu sĩ là một tấm gương sáng đem giáo lý đạo Phật đến với mọi người. Vị tu sĩ có thể hướng dẫn các khóa tu, thuyết pháp qua truyền thông. Muốn làm được điều này, tu sĩ cần am hiểu giáo lý cả nội điển và ngoại điển, tiếp cận mọi người từ thành thị đến thôn quê. Phật pháp không thể tách rời thế gian, Phật pháp không phải là của riêng một ai, mà Phật pháp là nghệ thuật sống. Vậy nên cần có phương pháp truyền tải Phật pháp cho phù hợp với hoàn cảnh hiện nay. Có thể nói, cả cuộc đời Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã dấn thân vì sự nghiệp độ sanh, phấn đấu không ngừng, những bài giảng và phương thức người dạy rất gần gũi, thiết thực, dễ thực hành trên

nền tảng giáo lý Phật dạy. Những bài học thực tế chứa đựng cả tấm lòng thấu hiểu, yêu thương. Thông qua kinh nghiệm tu tập của mình, Ngài tìm ra phương pháp thích hợp cho mọi người, ứng dụng đạo Phật vào cuộc đời, để chuyển hóa khổ đau thành niềm an lạc ngay trong đời sống thực tại.

### KẾT LUẬN

Sự tiến bộ không ngừng của xã hội không giải quyết được những nỗi khổ, niềm đau thành an lạc, hạnh phúc. Thế nên, tinh thần đạo Phật nhập thế đáp ứng nhu cầu tu học và cả lĩnh vực tâm linh là điều cần thiết. Đạo Phật là từ bi và trí tuệ, tu sĩ Phật giáo với nhiệm vụ thiêng liêng đem ánh sáng Phật pháp soi sáng thế gian. Thế nên một tư tưởng Phật giáo nhập thế cần được xây dựng và phát triển.

Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã bằng thân giáo, sống giản dị để dạy hàng đệ tử của mình, vì hạnh phúc của muôn người. Đến khi thành công trên con đường tu tập, Ngài lại tiếp tục phụng sự, đi khắp nơi truyền bá Phật pháp, giảng dạy truyền trao năng lượng cho hàng đệ tử trau dồi đức hạnh hướng dẫn mọi người. Cả cuộc đời Ngài là một quá trình hoa trái công phu, thành tựu tu học rất lớn lao và đóng góp cho đời những tác phẩm, pháp môn tu tập theo hướng nhập thế tích cực. Thiền sư Thích Nhất Hạnh tạo nguồn cảm hứng cho mọi người về sự nghiệp dấn thân tu tập chuyển hóa, phụng sự chúng sanh hướng đến đời sống an lạc, thành thoi ngay trong hiện tại bằng con đường thực nghiệm hạnh phúc như câu nói tại Làng Mai: *“There is no way to happiness, happiness is the way”* (không có con đường nào đi đến hạnh phúc, hạnh phúc chính là con đường).

### Tài liệu tham khảo:

- [1] A. B. King (2009), *“Socially Engaged Buddhism - Dimensions of Asian Spirituality, University of Hawaii press, Honolulu,”* ism - Dimensions of Asian Spirituality, University of Hawaii press, Hon, Phật giáo nhập thế trong cái nhìn đối sánh giữa Lào và Việt Nam - Cơ sở dữ liệu GHPGVN. [Online]. [Accessed 12/9/2019].
- [2] Thích Đồng Thành, *Bài 1. Giới Thiệu Phật Giáo Nhập Thế*, TP HCM: Học viện Phật giáo Việt Nam, 2019.
- [3] Thích Nhất Hạnh (2000), *Hoa sen trong biển lửa*, Nxb. Lá Bối.
- [4] Thích Minh Châu (1991), *Kinh Trường bộ, tập 1, Kinh Đại Bản*, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam.
- [5] Bách khoa Toàn thư, *“[https://vi.wikipedia.org/wiki/Dòng\\_tu\\_Tiếp\\_Hiện](https://vi.wikipedia.org/wiki/Dòng_tu_Tiếp_Hiện)” Dòng tu tiếp hiện, 4/1/2021.* [Trực tuyến]. [Đã truy cập 2022/11/18].
- [6] Thích Nhất Hạnh (1998), *Chỉ nam thiền tập dành cho người trẻ*, Nxb. Phương Đông.

**T**rong cuộc sống, mỗi phương diện lại có một cách nhìn nhận khác nhau về cùng một vấn đề. Đức Phật đã dạy cho chúng ta cái nhìn sâu sắc và đa diện hơn về đời sống tu tập giữa người tại gia và xuất gia. Bài *Kinh Cây Ruộng* thuộc *Kinh Tương Ứng Bộ* đã kể lại một bài pháp Đức Phật thuyết cho người Bà-la-môn như sau:

Lúc bấy giờ, Đức Phật đang ở Magadha, Ngài đi khát thực và dừng lại tại nông trang của một vị Brahman đang phân phát đồ ăn cho các nông dân ra đồng vào mùa gieo mạ. Vị Brahman đã nói với Đức Phật rằng:

- “*Này Sa-môn, tôi cày và tôi gieo mạ, sau khi cày và gieo mạ tôi ăn. Ông có cày và gieo mạ không, sau khi cày và gieo mạ ông ăn?*”.

Đức Phật đã trả lời vị Brahman:  
- “*Này Brahman, Ta cũng có cày và gieo mạ, sau khi cày và gieo mạ Ta ăn*”.

Sau đó, Đức Thế Tôn đã đọc lên một bài kệ nói về việc cày, gieo mạ của một người đang trên con đường tu tập để đạt tới quả vị bất tử và những vị ấy cũng chính là ruộng phước điền cho chúng sanh muốn gieo phước đức. Bài kệ như sau:

*“Lòng tin là hạt giống,  
Khổ hạnh là cơn mưa,  
Trí tuệ đối với  
Ta Là ách và lưỡi cày,  
Xấu hổ là cán cày,  
Ý là sợi dây buộc,  
Và niệm đối với Ta  
Là lưỡi cày, gây thúc.  
Với thân khéo phòng hộ  
Với lời khéo phòng hộ  
Với món ăn trong bụng,  
Biết tiết độ, chế ngự,  
Ta tác thành chơn thực,*

# KINH CÂY RUỘNG VÀ ỨNG DỤNG VÀO TU TẬP

Mặc Nhiên\*





*Để cắt dọn cỏ rác,  
Sự giải thoát của Ta  
Thật hiền lành nhu thuận.  
Với tinh cần tinh tấn,  
Ta gánh chịu trách nhiệm,  
Ta tự mình đem lại  
An ổn khỏi khổ ách.  
Như vậy, Ta đi tới,  
Không trở ngại thối lui,  
Chỗ nào Ta đi tới,  
Chỗ ấy không sâu muộn.  
Cày bừa là như vậy,  
Được quả là bất tử,  
Sau cày bừa như vậy,  
Mọi khổ được giải thoát”.*

Cuối cùng, vị Brahman đã tán thán Đức Phật và giáo pháp của Ngài, rồi vị ấy quy y Tam bảo, trọn đời quy ngưỡng kính lễ cúng dường.

Đức Phật với thập hiệu, trong đó có danh hiệu là Thiện Thế, nghĩa là khéo thuyết giảng. Ngài đã khéo léo giảng pháp trong mọi tình huống và hàng phục chúng ngoại đạo bằng trí tuệ của một bậc giác ngộ hoàn toàn mọi kiết sử trói buộc. Bài *Kinh Cây Ruộng* thuộc Phẩm cư sĩ đã nói lên trí tuệ siêu việt của một bậc toàn năng mà trí tuệ thế gian không thể nào sánh được. Đối với một người nông dân, để thu hoạch được lúa thì cần phải có đầy đủ các yếu tố là: “*Hạt giống, nước mưa, cái ách mang, cán cày và lưỡi cày, dây cột, gậy đâm (cây roi), con bò khỏe mạnh*”. Có như vậy, người nông dân mới có được một vụ mùa bội thu và đời sống được no đủ. Đó là hạnh phúc của đời sống thế gian.

Còn đối với Đức Phật và các đệ tử của Ngài, hạnh phúc chân thật vĩnh hằng bất tử không phải là sự no đủ trong ăn mặc ngủ nghỉ, mà là sự giải thoát khỏi những phiền

não nhiễm ô trong tâm, đoạn trừ mọi kiết sử mà gốc là ái dục. Con đường đi đến sự giải thoát đó cũng giống như người nông dân đi cày ruộng và kết quả gặt hái không phải là lúa của người nông dân mà là quả vị bất tử, giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Chính vì vậy, Đức Thế Tôn đã nói lên những đức tánh của một người xuất gia trên con đường đạt quả vị bất tử, đó là: “*Lòng tin, khổ hạnh, trí tuệ, tâm quý, ý cần, chánh niệm, thân khẩu hộ trì, tiết độ trong ăn uống, nhỏ lên tà vạy và tinh tấn*”.

**Lòng tin** là hạt giống, phải có hạt giống mới cho quả, hạt giống nào sẽ cho quả đó, giống tốt sẽ cho lúa tốt và ngược lại. Đối với người tu tập, lòng tin là nền tảng đầu tiên và rất quan trọng. Tin vào Phật, Pháp, Tăng vì Phật là bậc đã giác ngộ hoàn toàn; Pháp là giáo lý mà Ngài đã chứng ngộ; Tăng là đệ tử của Đức Phật, thực hành lời Phật dạy và thay Phật giáo hóa chúng sanh, là bậc đang trên con đường tu tập để đoạn trừ tham, sân, si.

**Khổ hạnh** là mưa móc. Khổ hạnh trong ý nghĩa này nên hiểu chính là trì giới. Giới là hàng rào ngăn cản chúng ta tạo nghiệp bất thiện từ thân, khẩu, ý. Giới ngăn chặn và chấm dứt các tà hạnh, ngộ hậu thành tựu các chánh hạnh. Nếu không có Giới thì Tăng đoàn sẽ không tồn tại nữa, giống như trong bất cứ một tổ chức xã hội nào cũng cần phải có những nội quy để tổ chức ấy tồn tại và hoạt động được tốt. Người không giữ giới thì tâm không thanh tịnh, sống buông lung, giải đãi, không tinh tấn. Nếu chúng ta sống ngoài vòng giới luật sẽ chịu nhiều đau khổ, còn nếu chúng ta trì giới sẽ được an ổn luôn luôn.

**Trí tuệ** là cày và ách mang. Cái cày của người nông dân quan trọng như thế nào thì trí tuệ của người tu tập quan trọng không kém. Bởi trí tuệ như ánh đuốc soi đường trong bóng đêm mờ tối, trí tuệ phá tan vô minh tham ái. Đó là việc tìm hiểu giáo lý của Đức Phật, thấy được Tứ Thánh đế là Khổ đế, Tập đế, Diệt đế và Đạo đế. Trí tuệ đó cũng chính là chánh kiến, chánh tư duy trong Bát chánh đạo. Có được trí tuệ, chúng ta sẽ gạt hái được quả an lạc giải thoát.

**Tâm quý** là cán cày. Đối với người nông dân, cán cày rất quan trọng để có thể điều khiển lưỡi cày theo ý muốn của mình. Cũng vậy, tâm quý đối với một người đang trên con đường đoạn trừ phiền não là xấu hổ với những tội lỗi đã phạm, có tâm quý thì khi nhận đồ cúng dường chúng ta mới biết xét lại đạo hạnh của mình có xứng đáng để nhận đồ cúng dường đó hay không. Và từ đó, tinh tấn tu tập để không mắc nợ ơn của đàn na tín thí. Như Đức Phật nói trong *Kinh Tăng Chi* rằng tâm quý là pháp hộ trì thế gian. Nếu không có tâm quý thì không có tội ác nào mà con người không dám làm và ác thú sẽ chờ đợi những người đó.

**Ý căn** như dây cột. Nếu như dây cột giúp người cày ruộng điều khiển con bò đi đúng hướng vào luống cày, không chạy theo ý nó muốn thì ý căn là sự định tâm vào một đối tượng, để cột cái tâm luôn phóng dật, tán loạn vào một chỗ. Có định rồi thì tuệ mới phát khởi, thấy được tam tướng của các pháp, từ đó có sự nhàm chán và ly tham, nhờ ly tham mà có được an vui tuyệt đối.

**Chánh niệm** là lưỡi cày, gây đâm. Lưỡi cày vô cùng quan trọng vì nó tạo ra năng suất của việc cày, gây đâm hay cày roi sẽ giúp cho người cày ruộng điều khiển con trâu khi nó phóng túng, lười biếng hay đi sai đường. Cũng vậy, chánh niệm đối với một người tu tập là biết rõ trên bốn đối tượng thân, thọ, tâm, pháp, hay còn gọi là Tứ niệm xứ. Vì đây là con đường duy nhất đưa đến an lạc, giải thoát cho chúng sanh.

**Thân khẩu được hộ trì:** Thân được hộ trì là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm. Khẩu được hộ trì là không nói dối, không nói lời hai lưỡi, không nói đâm thọc, không nói lời phù phiếm. Ngoài ra, phải hộ trì trong các oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi, khi thân khẩu được hộ trì thì chúng ta hành động việc gì cũng có kiểm soát, biết được đúng sai một cách tinh tế nhất để có thể nhận được một trí tuệ viên mãn.

**Tiết độ trong ăn uống:** Chư Tổ thường căn dặn hàng đệ tử “Tam thường bất túc”, nghĩa là ba việc thường ngày là ăn, mặc và ngủ không cần đầy đủ, dùng thiếu một chút để giảm các phiền não ngủ ngầm và có thêm thời gian tu tập. Khi ăn chúng ta cũng phải quán xét 5 điều để tăng trưởng đạo hạnh.

**Nhỏ lên tà vạy:** Tà vạy có gốc là tham, sân, si. Người tu tập đoạn trừ hoàn toàn 10 kết sử sẽ chứng quả vị A La Hán - sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm, ko còn tái sanh lại nữa.

**Tinh tấn:** Tinh tấn trong Tứ chánh cần sẽ giúp đoạn trừ các pháp bất thiện và tăng trưởng các

pháp thiện. Nếu không tinh tấn, chúng ta sẽ gặp nhiều chướng duyên trên con đường tu tập.

Tóm lại, 10 pháp mà Đức Phật và các đệ tử của Ngài tu tập kể trên không nằm ngoài Giới, Định, Tuệ. Giới là điều căn bản là nấc thang đầu tiên trong lộ trình giác ngộ giải thoát, sống đời khổ hạnh, kham nhẫn, thân khẩu luôn được hộ trì, biết tiết độ trong ăn uống, ngủ nghỉ để có một đời sống chân thiện nhất. Định là nấc thang tiếp theo để có thể giữ gìn tâm ý một cách chú tâm nhất, ý căn cần được thuần thực trong quá trình tu tập định lực, chánh niệm, tinh tấn là hai phương diện giúp chúng ta giữ được tâm định tĩnh. Tuệ là kết quả rốt ráo cuối cùng cần có lòng tin và trí tuệ vun trồng từ hai ý nghĩa trên để đưa việc làm lợi mình lợi người và lợi cả tha nhân.

Hành giả tu Giới - Định - Tuệ như người đang cày trên mảnh đất tâm của mình, phải thường xuyên nhổ các cỏ dại là 10 kết sử để gạt hái được quả vô sanh, giải thoát khỏi khổ đau, luân hồi. Bài *Kinh Cày Ruộng* trong *Kinh Tương Ưng Bộ* cũng như các yếu tố đang nói đến trên đây đưa ra những kiến thức rất thực tế và thiết thực để mỗi hành giả tu tập ứng dụng vào đời sống, còn để giúp cho các vị cư sĩ Phật tử hiểu hơn về quá trình làm việc hành đạo của các tu sĩ xuất gia để không có những cái nhìn sai lệch và phiến diện, nhờ đó truyền tải những thông điệp thiện lành cho cuộc sống của mỗi người trở nên ý nghĩa hơn và tinh thức trong từng ý niệm.

**Chú thích:**

(\*) ĐĐ. Thích Hải Tạng, hiện làm việc tại Trung tâm Biên phiên dịch - Tư liệu Phật giáo Quốc tế - Vĩnh Nghiêm Tùng Thư.



PHẬT GIÁO  
KHOA HỌC  
& TRIẾT LÝ





# Sáu mươi hai TÀ KIẾN được mô tả trong Kinh Phạm Võng

## SC. Thích Nữ Thánh Thảo

**Tóm tắt:** Kinh Phạm Võng thuộc Trường Bộ Kinh được kết tập từ rất sớm và trình bày tổng quát các học thuyết của những phái, những du sĩ ngoại đạo đương thời Đức Phật. Bằng tuệ tri của bậc Chánh giác, Đức Thế Tôn đã phân bác, chỉ rõ những sai lầm và nguy hại của những tà kiến ấy. Ngài đã dạy con đường trung đạo để nhân loại đi theo và đạt được cứu cánh giải thoát. Từ khóa: Kinh Phạm Võng, như lý tác ý, trung đạo.

### DẪN NHẬP

Có nhiều quan điểm cho rằng, Trường Bộ Kinh đứng đầu tiên trong hệ thống *Nikāya* vì được kết tập sớm nhất và có những bài kinh quan trọng nhất, nhưng cũng có ý kiến rằng sở dĩ được xếp đầu, bởi tính chất các bài kinh có lượng văn tự dài nên được kết tập vào Trường Bộ Kinh. Dù là ý kiến nào đi nữa, cũng không thể phủ nhận những bài kinh trong Trường Bộ Kinh đều hàm chứa giáo lý cốt lõi cũng như những sự kiện quan trọng trong cuộc đời Đức Phật và đời sống Tăng đoàn, như: *Kinh Phạm Võng, Kinh Sa-môn Quả, Kinh Đại-bát-niết-bàn...* [1].

Nói về vấn đề “trước nhất”, *Kinh Phạm Võng* với nội dung cốt yếu giới thiệu về quan điểm của các phái ngoại đạo, chính là bộ kinh đầu tiên trong Trường Bộ. Điều này như một sắp xếp đầy thâm ý của các bậc Trưởng lão thời kỳ Phật giáo bộ phái khi kết tập kinh điển, trước hết muốn giới thiệu bức tranh tổng quan về tình hình tôn giáo, quan điểm triết thuyết, tín ngưỡng đa thần, đa giáo phái trong thời Phật tại thế. Qua đó, người muốn tìm hiểu đến giáo lý Đức

*Kinh Phạm Võng* là một bài kinh với nội dung chính nhằm nêu bật lên sự tuệ tri của Đức Phật như tấm lưới lớn, thu tóm hết tất cả các học thuyết, quan điểm của các phái ngoại đạo đương thời, cho chúng ta có cái nhìn sâu sắc hơn về các học thuyết, cũng như vững tin hơn trong việc lựa chọn một hướng đi đúng đắn, từ đó bước những bước vững chãi trên con đường chánh đạo.



Đức Phật là người đầu tiên nói lên “*giáo lý Duyên sinh*” nên hơn ai hết, Ngài hiểu rõ nhất về quá trình sinh khởi và đoạn diệt của cảm thọ hay toàn bộ pháp hữu vi đều dựa trên nguyên lý “...*cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt...*”. Cảm thọ hiện hữu chỉ khi nào hội đủ các điều kiện từ sự giao thoa giữa căn và trần, nếu các điều kiện không còn, thì cảm thọ cũng biến mất. Như vậy mới đúng với bản chất “*vô thường, vô ngã*” của chúng.

Phật nắm bắt được đâu là minh triết Phật giáo, đâu là tinh thần mang thiên hướng ngoại đạo, từ đó tỏ tường về các chủ nghĩa, truyền thống các giáo phái thời Phật, làm nền tảng để xây dựng niềm chánh tín với giáo lý Phật Đà.

### QUAN ĐIỂM CỦA CÁC PHÁI NGOẠI ĐẠO

Từ những ngày đầu học Phật, tìm hiểu về lịch sử Đức Phật và bối cảnh Phật giáo Ấn Độ, chúng ta ít hẳn đều biết đến sáu phái ngoại đạo nổi tiếng của truyền thống tín ngưỡng Ấn Độ cổ đại [2], nhưng đó chỉ là con số đại diện cho hàng trăm tư tưởng, học thuyết và tín ngưỡng khác nhau tại xã hội Ấn Độ bấy giờ. Đến khi tìm hiểu sâu vào *Kinh Phạm Võng*, chúng ta mới có thể hình dung được thế nào là thế giới tâm thức đa dạng, thế nào là học thuyết như sợi tóc bị chẻ ra nhiều phần, từ những suy luận thiên kiến được cho là từ kinh nghiệm tu hành của các du sĩ ngoại đạo.

Trong tụng phẩm 2 của *Kinh Phạm Võng*, Đức Phật giảng giải cặn kẽ về 62 tà thuyết hay quan điểm của các phái Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo đương thời, được phân chia theo 2 thời gian, gồm: 18 quan điểm suy đoán về quá khứ và 44 quan điểm suy đoán về tương lai.

### MƯỜI TÁM QUAN ĐIỂM SUY ĐOÁN VỀ QUÁ KHỨ

Có 18 loại chấp vào sự thấy về “ngã” và “thế giới” trong quá khứ mà các Sa-môn, Bà-la-môn cho là tự nhập định, hội tưởng đời trước để biết được, gồm:

#### Bốn “thường trụ kiến - (*Sassatavāda*)”

Các Sa-môn, Bà-la-môn nhớ về những đời trước, cách dưới một đến

40 đại kiếp, rồi thẩm sát, suy luận rằng ngã và thế giới là còn mãi.

#### Bốn “thường trụ vô thường kiến - (*Ekaccasassatavāda*)”

Từ kinh nghiệm quá khứ, các Sa-môn, Bà-la-môn nhận thấy *Brahma* - Đại Phạm Thiên thì trường sinh, còn chúng sanh do *Brahma* tạo ra có sinh tử, cuối cùng kết luận rằng thân không vững bền, chỉ có tâm thường hằng không sanh-diệt “... *Cái gọi là mắt, là tai, là mũi, là lưỡi, là thân, cái bản ngã ấy vô thường... Cái gọi là tâm, là ý, là thức, cái bản ngã ấy là thường còn...*” [3].

#### Bốn “hữu biên vô biên kiến - (*Antānantavāda*)”

Vì thấy “*thế gian vũ trụ có chỗ cùng tột; vũ trụ có chỗ cùng tột - thế gian thì không cùng; vũ trụ trên dưới có cùng tột - ngang qua thì không; thế gian vũ trụ không có chỗ cùng tột*” [4] nên có phái chủ trương rằng Ngã và thế giới là hữu biên, vô biên, vừa hữu vừa vô biên, không hữu cũng không vô biên.

#### Bốn “ngụy biện hay bất định kiến - (*Amarāvikkhepavāda*)”

Do không nắm chắc “... *không như thật biết “Đây là thiện”... không như thật biết “Đây là bất thiện”...*” [5]; do sợ phát biểu sai; sợ chấp thủ; sợ chắt vắn; do ngu dốt nên nói không xác thực, không xác định. Nên chủ thuyết này luôn nói vòng quanh, tròn uồn như con lươn, không rõ ràng trong giải đáp, ngụy biện lần tránh: “*Tôi không nói là như vậy. Tôi không nói là như kia. Tôi không nói là khác như thế... Tôi không nói là không phải như thế. Tôi không nói là không không phải như thế...*” [6].

#### Hai “vô nhân kiến - (*Adhiccasamuppannavāda*)”

Do dựa vào hồi ức từ cõi vô tưởng, cho rằng “*tâm tự nhiên hiện hữu*” hoặc dựa vào suy đoán, nên các Sa-môn, Bà-la-môn chủ trương rằng Ngã và thế giới phát sinh không từ nguyên nhân nào hết. Từ 18 quan điểm thiên kiến trên, chúng ta có thể nhận định, các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào sự thấy biết, nhớ lại của cá nhân về nhiều kiếp quá khứ, chấp thủ vào những hồi ức đó, cho rằng kinh nghiệm của mình là đúng, rồi áp đặt nó thành một chủ nghĩa, và chỉ tôn thờ chủ nghĩa ấy, không chấp nhận một quan điểm nào khác.

### BÓN MƯỜI BÓN QUAN ĐIỂM SUY ĐOÁN VỀ TƯƠNG LAI

Có 44 loại chấp vào sự thấy về Ngã mà các Sa-môn, Bà-la-môn “...*luận bàn về tương lai, chấp kiến về tương lai, y cứ về tương lai, đề xướng nhiều ý kiến sai khác...*” [7], gồm:

#### Mười sáu “hữu tưởng kiến - (*Saññivāda*)”

Gồm:

1. Có sắc;
2. Vô sắc;
3. Vừa có sắc vừa vô sắc;
4. Không có sắc cũng không vô sắc;
5. Hữu biên;
6. Vô biên;
7. Vừa hữu biên vừa vô biên;
8. Không hữu biên cũng không vô biên;
9. Đồng nhất tưởng;
10. Sai biệt tưởng;
11. Hữu hạn tưởng;
12. Vô hạn tưởng;
13. Cự lạc;
14. Thống khổ;

Kinh Udana diễn tả cái nhìn và chấp thủ phiến diện của các nhà ngoại đạo như người mù sờ một bộ phận của con voi rồi cho rằng: “...Con voi là như thế này, con voi không phải như thế kia! Con voi không phải như thế này, con voi như thế kia! Rồi họ dùng nắm tay để đánh nhau... Cũng vậy, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, vì vậy họ gây gỗ, tranh cãi, tranh chấp và làm tổn thương nhau bằng những lời nói bèn nhọn như mũi tên”.



15. Vừa lạc vừa khô;

16. Không lạc không khô.

### Tám “vô tướng kiến - (Asaññivāda)”

Chủ trương Ngã là bất biến và sau khi chết thì không còn tri giác, vô tướng với tám quan điểm: “Ngã có sắc; Vô sắc; Vừa có sắc vừa vô sắc; Không có sắc cũng không vô sắc; Hữu biên; Vô biên; Vừa hữu biên vô biên; Không hữu biên cũng không vô biên” [8].

### Tám “phi hữu tướng phi vô tướng kiến - (Nevasaññināsaññivāda)”

Chủ trương này cho rằng Ngã sau khi chết “chẳng phải còn cũng chẳng phải không còn tồn tại tri giác”, với tám trường hợp:

1. Có sắc;
2. Vô sắc;
3. Vừa có sắc vừa vô sắc;
4. Không có sắc cũng không vô sắc;
5. Hữu biên;
6. Vô biên;

7. Vừa hữu biên vừa vô biên;

8. Không hữu biên cũng không vô biên.

### Bảy “đoạn diệt kiến - (ucchedavāda)”

Chủ trương Ngã bị hoại diệt tất cả sau khi chết. Nguyên nhân vì sự thấy biết bảy trường hợp:

1. Các loại sanh bằng thai;
2. Chư Thiên sáu cõi trời dục;
3. Phạm thiên ở cõi sắc;
4. Trời không vô biên xứ;
5. Trời thức vô biên xứ;
6. Trời vô sở hữu xứ;
7. Trời phi tướng phi phi tướng xứ, sau khi chết đều không còn.

### Năm “Niết bàn hiện tại kiến”

Trường phái này cho rằng, Niết bàn là thứ mà Ngã có thể đạt được trong đời hiện tại bằng những phương cách như là:

1. Hưởng thụ năm món dục;
2. Chứng được sơ thiên;
3. Nhị thiên;

4. Tam thiên;

5. Tứ thiên và cho đó đã là cứu cánh.

Bốn mươi bốn tà thuyết trên là những quan điểm mang tính phiến diện của các Sa-môn, Bà-la-môn dựa vào sự thấy biết, suy đoán của cá nhân khi thiên định, tu tập, chấp thủ vào những suy luận đó, cho rằng chủ thuyết của mình là đúng, chỉ tôn thờ chủ nghĩa ấy, không chấp nhận quan điểm nào khác. Từ các quan điểm đã trình bày ở trên, ta có thể phân biệt và liệt kê 62 tà kiến thành hai trường phái chính: có 7 quan điểm thuộc thuộc “chủ thuyết đoạn kiến”, chính là bảy quan điểm trong “đoạn diệt kiến - (ucchedavāda)”; và 55 tư tưởng còn lại thuộc về “chủ thuyết thường kiến” [9].

Và tóm lại cho những quan điểm thiên kiến trên, Đức Phật kết luận rằng: “Này các Tỳ kheo, những

Sa-môn hay Bà-la-môn nào, luận bàn... chấp kiến... y cứ về quá khứ tối sơ và tương lai, đề xướng nhiều sở kiến sai khác. Những vị ấy sẽ chấp sáu mươi hai luận chấp trên, hay một trong những luận chấp trên, ngoài ra không có luận chấp nào khác nữa” [10]. Nói đến tà kiến, Đức Phật cũng đã từng xác quyết: “... Nay các Tỳ kheo, ta không thấy có một pháp nào khác, mà do pháp ấy, chúng sanh sau khi thân hoại mạng chung, sau khi chết, sẽ bị tái sanh vào cõi khổ, vào cõi dữ, đọa xứ, địa ngục, như trường hợp người có tà kiến” [11].

### NGUYÊN NHÂN PHÁT SINH NHỮNG QUAN ĐIỂM KHÁC NHAU

Nguyên nhân phát sinh quá nhiều luận chấp như trên là do các cảm thọ mà các Sa-môn, Bà-la-môn tự cho là có kinh nghiệm khi lục căn tiếp xúc với lục trần. Theo tiến trình của lý nhân duyên, từ thọ dẫn đến tham ái, tiến tới chấp thủ. Điều này giống như Kinh Udana diễn tả cái nhìn và chấp thủ phiến diện của các nhà ngoại đạo như người mù sờ một bộ phận của con voi rồi cho rằng: “... Con voi là như thế này, con voi không phải như thế kia! Con voi không phải như thế này, con voi như thế kia! Rồi họ dùng nắm tay để đánh nhau... Cũng vậy, các du sĩ ngoại đạo là những người mù, không có mắt, vì vậy họ gây gỗ, tranh cãi, tranh chấp và làm tổn thương nhau bằng những lời nói bèn nhọn như mũi tên” [12].

Từ sự chấp thủ ấy dẫn đến hệ quả họ phải chịu sự dẫn dắt của nghiệp lực, do không quán triệt được bản chất các pháp vốn dĩ luôn có năm tướng trạng “tập

khởi - diệt vong - vị ngọt - nguy hiểm - xuất ly”, nên các quan điểm ấy bị bao trùm bởi “màn lưới cõi trời Phạm”, dù cố nhảy ra khỏi cũng không cách nào vượt thoát. Việc này như những con cá bị bao phủ trong lưới, “...tất cả những vị này đều bị bao phủ trong lưới của sáu mươi hai luận chấp này; dầu có nhảy vọt lên, những vị này vẫn bị hạn cuộc bao phủ ở nơi đây” [13].

### TUỆ TRI CỦA ĐỨC PHẬT ĐỐI VỚI QUAN ĐIỂM CỦA CÁC PHÁI NGOẠI ĐẠO

Kinh Phạm Ưng nêu lên 62 loại nhận thức về bản ngã và thể giới. Nghiên cứu kinh văn, ta có thể nhận thấy sau mỗi một chủ thuyết được đưa ra, Đức Phật đều khẳng định lại rằng: “...Nay các Tỳ kheo, Như Lai tuệ tri như thế này: “Những sở kiến ấy, chấp trước như vậy sẽ đưa đến các cõi thú như vậy, sẽ tác thành những định mạng như vậy”...” [14].

Vào thời Đức Phật, cũng có nhiều quan điểm ngoại đạo cho rằng con người là bất toàn, cần phải nhiếp phục bằng cách ép xác để kiếp sau được sinh về thiên giới. Từ đó, họ phát minh nên nhiều phương cách khắc kỷ và tu tập theo. Đức Phật đã chối bỏ lối tu này [15]. Và Ngài “như thật tuệ tri sự tập khởi, sự diệt trừ của các thọ, vị ngọt, những nguy hiểm và sự xuất ly của chúng. Nhờ tuệ tri như vậy, nay các Tỳ kheo, Như Lai được giải thoát hoàn toàn, không có chấp thủ” [16]. Đức Phật là người đầu tiên nói lên “giáo lý Duyên sinh” nên hơn ai hết, Ngài hiểu rõ nhất về quá trình sinh khởi và đoạn diệt của cảm thọ hay toàn bộ pháp hữu vi đều dựa trên nguyên

lý “...cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì cái kia sanh, cái này diệt thì cái kia diệt...” [17]. Cảm thọ hiện hữu chỉ khi nào hội đủ các điều kiện từ sự giao thoa giữa căn và trần, nếu các điều kiện không còn, thì cảm thọ cũng biến mất. Như vậy mới đúng với bản chất “vô thường, vô ngã” của chúng.

Đạo Phật không đề cao chủ nghĩa duy nghiệm - duy vật [18], cũng không đề cao chủ nghĩa duy lý, Đức Phật bác bỏ mười câu hỏi siêu hình [19] của 62 luận thuyết ngoại đạo. Triết học Phật giáo không nhìn về con người và thế giới một cách phiến diện mà có nhãn quan toàn diện hơn, như: Ngũ uẩn duyên sinh, Vô ngã, Tánh không,... Trong *The Buddha and his Teachings*, Đại đức Narada có viết: “Ta không thể xác định khởi điểm của dòng đời của chúng sinh. Nguồn gốc và lịch trình tiến hóa của vũ trụ, Đức Phật không đề cập đến” [20]. Hay ở một đoạn khác, tác giả viết: “Phật giáo chủ trương rằng, chúng ta là sự cấu hợp của hai thành phần Danh và Sắc, Tâm và vật chất, và hai thành phần này ở trong trạng thái luôn luôn biến đổi như một dòng suối trường lưu bất tức” [21].

Đối với đường lối tu tập của Đức Phật, Ngài luôn nhấn mạnh mọi người tránh xa các cực đoan, và không thiên chấp bởi điều gì, chỉ theo trung đạo để hướng tới giải thoát, không chủ trương bàn luận về thế giới hữu hình hay vô hình, hữu biên hay vô biên, cũng vượt ra ngoài các chủ nghĩa duy tâm và duy vật đơn thuần. Con đường giác ngộ của Phật giáo là con đường thánh đạo tám ngành,



Triết học Phật giáo không nhìn về con người và thế giới một cách phiến diện mà có nhãn quan toàn diện hơn, như: Ngũ uẩn duyên sinh, Vô ngã, Tính không,...

mà trong đó, chánh kiến dẫn đầu. Như Phạm Rohitassa thuộc *Tăng Chi Bộ Kinh*, Đức Phật dạy: “*Này hiền giả, Ta tuyên bố rằng: “Tại chỗ nào không bị sanh, không bị già, không bị chết, không có từ bỏ (đời này), không có sanh khởi (đời khác), không có thể đi đến để thấy, để biết, để đạt đến chỗ tận cùng của thế giới”.* Nhưng này hiền giả, trong cái thân dài độ mấy tác này, với những tướng, những tư duy của nó, ta tuyên bố về thế giới, về thế giới tập khởi, về thế giới đoạn diệt, về con đường đưa đến thế giới đoạn diệt”. Hay nói rõ hơn là nương theo tinh thần trung đạo mà tu tập mới có thể thăng hoa trên lộ trình trí giác.

### “NHƯ LÝ TÁC Ý” - MỘT PHƯƠNG PHÁP TRUNG ĐẠO

Trong giáo lý Phật giáo, thân - khẩu - ý giữ vai trò quan trọng hướng đến nghiệp lành hay dữ dẫn dắt con người. Nghiệp (Kamma) nghĩa là “*sự tạo tác, tức là chỉ cho hoạt động của thân tâm như hành vi, hành động, hoặc chỉ cho những hoạt động của thân tâm do ý chí sinh ra*” [22]. Như trong *Kinh Một Pháp Môn Quyết Trạch* (Nibbedhikasutta), Đức Phật dạy: “*Này các Tỳ kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư [sự cố ý] là nghiệp: sau khi suy tư [cố ý], tạo các nghiệp về thân, về lời, về ý*” [23]. Sáu mươi hai quan điểm

của các ngoại đạo là những tư tưởng được hình thành dựa trên ý nghiệp - quan trọng nhất trong ba loại nghiệp, do tác ý thiên lệch, nên tác thành những tà thuyết dẫn đến tà kiến nhấn chìm họ vào trong vũng lầy của sự chấp thủ không vượt thoát ra được.

Thế nên, Đức Thế Tôn luôn nhắc nhở hàng đệ tử trước khi làm bất kỳ việc gì đều phải dựa trên sự “*như lý tác ý*” tức là tác ý như thật, dựa trên chánh kiến, chánh tư duy và tinh thần Trung đạo thì sự tu tập tâm và tuệ mới được thành tựu. Như trong *Kinh Tất Cả Lộ Hoặc*, Ngài dạy: “*Này các Tỳ kheo, do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Này các Tỳ kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt*” [24].

### ỨNG DỤNG TU TẬP

Qua phân tích về quan điểm từ nhiều phương diện như trên, chúng ta càng nhận thức rõ hơn nguyên nhân dẫn đến những tư tưởng thiên lệch của các nhà du sĩ ngoại đạo và càng sáng tỏ hơn nữa yếu chỉ tu tập theo Phật giáo. Ý niệm là thứ có thể dẫn dắt con người đến bất kỳ cảnh giới nào. Một người xuất gia muốn tu tập đạt đến kết quả viên mãn thì trước hết không thể thiếu Chánh kiến, như lý tác ý và không được xa rời tinh thần Trung đạo, tuệ tri các cảm thọ theo năm tướng trạng như trong *Kinh Phạm Võng* dạy: “*Tập khởi-diệt vong-vị ngộ-nguy hiểm-xuất ly*”, không tham đắm và chấp thủ bởi bất kỳ điều gì, cũng không theo bất kỳ một chủ trương nào ra ngoài tinh thần chánh pháp. Trong *Kinh Kālāma*,

Đức Phật dạy: “... Chớ có tin vì nghe báo cáo, vì nghe truyền thuyết, truyền thống...; vì phù hợp với định kiến... vì vị Sa-môn là bậc Đạo sư của mình.”; chỉ khi nào “... Các pháp nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau...hãy từ bỏ chúng và... Các pháp nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến hạnh phúc an lạc... Hãy tự đạt đến và an trú!...” [25].

### KẾT LUẬN

Các quan điểm, học thuyết các Sa-môn, Bà-la-môn ngoại đạo xưa nay vẫn luôn mâu thuẫn với nhau, không mang lại hạnh phúc, an lạc, giải thoát chân thật. Trong tác phẩm *An Introduction to Pāli Literature*, Dr.S.C. Banerji đã nhận định về *Kinh Phạm Võng* như sau: “... Trong bài kinh này, Đức Phật đề cập đến những vấn đề triết học quan trọng có quan hệ lãnh vực thế giới, sự hiện hữu của một linh hồn bất tử, về Thượng Đế... *Kinh Phạm Võng* đã làm nổ tung thế giới của các Bà-la-môn” [26].

Đối với sự nhìn nhận cũng như thái độ của Phật giáo, với những học thuyết của ngoại đạo, Đức Phật không bao giờ tranh cãi, lý luận với họ: “*Này các Tỳ kheo, Ta không tranh luận với đời, chỉ có đời tranh luận với Ta. Này các Tỳ kheo, người nói Pháp không tranh luận bất cứ với một ai ở đời*” [27]. Ngài chỉ nêu rõ các quan điểm ấy chưa phù hợp với tinh thần tu tập và quán chiếu của Sa-môn đệ tử Phật. Từ đó, chỉ dạy những phương pháp giúp chúng ta vượt thoát kiến chấp, bảo thủ trong quan điểm cá nhân và nương theo chánh pháp để đạt đến tuệ giác. *Kinh Phạm Võng* là một bài kinh với nội dung chính nhằm nêu bật

lên sự tuệ tri của Đức Phật như tấm lưới lớn, thấu tóm hết tất cả các học thuyết, quan điểm của các phái ngoại đạo đương thời, cho chúng ta có cái nhìn sâu sắc hơn về các học thuyết, cũng như vững tin hơn trong việc lựa chọn một hướng đi đúng đắn, từ đó bước những bước vững chãi trên con đường chánh đạo.

### Chú thích:

- [1] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ I*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN), TP. Hồ Chí Minh.
- [2] Ân Thuận, Thích Quảng Đại (dịch), *Lịch sử tư tưởng Phật giáo Ấn Độ*, tr.29; *Pháp Sư Thánh Nghiêm*, Thích Tâm Trí (dịch), *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, tr.29.
- [3] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ I*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, tr.43.
- [4] Bhik. Samādhīpuṇṇo Định Phúc, *Cuộc đời và những lời dạy của Đức Phật*, tr.149.
- [5] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trường Bộ I*, tr.50.
- [6] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trường Bộ I*, tr.50.
- [7] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trường Bộ I*, tr.39.
- [8] Bhik. Samādhīpuṇṇo Định Phúc, *Cuộc đời và những lời dạy của Đức Phật*, tr.150.
- [9] Hương Vân dịch, *Chuỗi ngọc trai*, tr.85.
- [10] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trường Bộ I*, tr.76.
- [11] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tăng Chi Bộ I*, tr.68.
- [12] HT. Thích Minh Châu, *Kinh Tiểu Bộ I*, tr.181.
- [13] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trường Bộ I*, tr.89.
- [14] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trường Bộ I*, tr.34.
- [15] Jujiro Takakusu, Tuệ Sĩ (dịch), *Tinh hoa triết học Phật giáo*, tr.31.
- [16] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trường Bộ I*, tr.34.
- [17] HT. Thích Minh Châu (dịch, 1992), *Kinh Tiểu Bộ*, *Kinh Phật tự thuyết* (tập 1), VNCPHVN, tr.291.
- [18] HT. Thích Minh Châu (1992), *Trung bộ kinh I*, số 3, *Kinh Thừa tự pháp*, VNCPHVN.
- [19] HT. Thích Minh Châu (1992), *Tương ưng bộ IV*, *Phẩm không thuyết*, VNCPHVN.
- [20] Venerable Nārada Mahāthera (Phạm Kim Khánh dịch, 2010), *The Buddha*

*and His Teachings*, Buddhist Publication Society, Sri Lanka, tr.367.

[21] *Sđđ*, tr.427.

[22] Thích Quảng Độ dịch, *Phật Quang từ điển*, tập 3, tr.3273a.

[23] HT. Thích Minh Châu, *Kinh Tăng Chi Bộ*, tr.218.

[24] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Trung Bộ I*, tr.25.

[25] Thích Minh Châu (dịch), *Tăng Chi Bộ*, tr.214-216.

[26] Dr.S.C. Banerji, *An Introduction to Pāli Literature*, Tỳ kheo Giác Nguyên dịch, *Giới thiệu văn học kinh điển Pāli*, tr.22.

[27] HT. Thích Minh Châu dịch, *Kinh Tương Ưng 3*, tr.249.

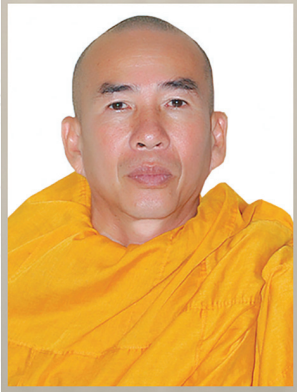
### Tài liệu tham khảo:

1. HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ I*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam (VNCPHVN), TP. Hồ Chí Minh.
2. HT. Thích Minh Châu (dịch, 1992), *Trung bộ kinh I*, VNCPHVN, TP HCM.
3. HT. Thích Minh Châu (dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi Bộ I*, VNCPHVN, TP HCM.
4. HT. Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Tương Ưng III*, VNCPHVN, TP HCM.
5. HT. Thích Minh Châu (dịch, 1992), *Tương ưng bộ IV*, VNCPHVN, TP HCM.
6. HT Thích Minh Châu (2015), *Kinh Tiểu Bộ I*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
7. Ân Thuận, Thích Quảng Đại (dịch, 2018), *Lịch sử tư tưởng Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Hồng Đức.
8. Pháp Sư Thánh Nghiêm, Thích Tâm Trí (dịch, 2008), *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, Nxb. Phương Đông.
9. Jujiro Takakusu, Tuệ Sĩ (dịch, 2019), *Tinh hoa triết học Phật giáo*, Nxb. Hồng Đức.
10. Venerable Nārada Mahāthera (Phạm Kim Khánh dịch, 2010), *The Buddha and His Teachings*, Buddhist Publication Society, Sri Lanka.
11. Venerable K. Sri Dhammananda (1996), *Buddhism the Eyes of Intellectuals*.
12. Dr.S.C. Banerji, *An Introduction to Pāli Literature*, Tỳ kheo Giác Nguyên dịch, *Giới thiệu văn học kinh điển Pāli*, Nxb. Phương Đông.
13. Bhik. Samādhīpuṇṇo Định Phúc (2017), *Cuộc đời và những lời dạy của Đức Phật*, Nxb. Hồng Đức.
14. Hương Vân (dịch, 2011), *Chuỗi ngọc trai*, Nxb. Phương Đông, TP Hồ Chí Minh.
15. Thích Quảng Độ (dịch, 2000), *Phật Quang từ điển* (tập 3), Hội Văn hóa Giáo dục Linh Sơn Đài Bắc.
16. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập 18*, Nxb. Tiến bộ, Moscow (Nga).



# Chùa Thanh Lương

## Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thấp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

### Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: [chuathanhluong1@yahoo.com.vn](mailto:chuathanhluong1@yahoo.com.vn)



# Lợi ích

# BỒ ĐỀ TÂM

## trong tác phẩm *Bodhicaryāvatāra* của Sāntideva



**ĐĐ. Thích Quang Tuệ**

*Tình thương yêu xuất phát từ Bồ đề tâm sẽ mãi lan tỏa hương thơm cho đời, xóa tan bao nỗi muộn phiền, góp phần xây dựng cõi Tịnh độ trong nhân gian.*

### TÁC GIẢ VÀ TÁC PHẨM

Sāntideva là một vị cao Tăng, triết gia, thi sĩ của Phật giáo Ấn Độ. Có rất ít tài liệu lịch sử nói chính xác về cuộc đời của Sāntideva. Theo các nhà nghiên cứu, đặc biệt là tác giả người Ấn Độ Sāntarakṣita, Sāntideva sống trong khoảng cuối thế kỷ thứ VII đến giữa thế kỷ thứ VIII. Còn theo Buton và Taranātha [1], Sāntideva là một hoàng tử đến từ Saurāṣṭra (thuộc bang Gujarat, Ấn Độ ngày nay).

Truyền thuyết kể lại rằng, Sāntideva là con của nhà vua Manjuvarman, cai trị vương quốc Saurashtra. Mẹ ngài là Đa-la Bồ-tát đã thuyết phục con từ bỏ ngôi vua và học đạo với Manjuvajra (Văn Thù Kim Cang). Sau hơn 12 năm, Sāntideva thành tựu đạo nghiệp, Ngài vào cung phục vụ cho nhà vua. Nhà vua rất ấn tượng và mong muốn Ngài ở lại phục vụ nhưng đã bị từ chối. Ngài đến Đại học Nalanda để nghiên cứu kinh điển và tu tập thiền định. Hành trạng của Ngài khác lạ, không làm việc gì khác ngoài học và thiền, nên Ngài có biệt danh là Bhusuku với hàm ý chỉ biết ăn, ngủ và vào nhà vệ sinh. Một số tu sĩ Nalanda muốn thử kiến thức của Ngài thông qua cuộc thi tụng đọc kinh điển hằng năm tại nơi đây. Ngài dũng mãnh giới thiệu về ba bộ luận đã soạn là *Sutrasamuccaya*, *Siksacamuccaya*, *Bodhicaryavatara*. Tiếng tụng của Ngài vang vọng cả hư không và Bồ tát Văn Thù xuất hiện trên đầu của Ngài.



Chúng ta muốn phát khởi Bồ  
đề tâm thì phải sống như người  
khác đang sống. Nghĩa là hòa  
nhập trong đời sống con  
người để hiểu và thương con  
người thực sự.

Bồ đề tâm là tư tưởng chủ đạo trong các tác phẩm của Sāntideva. Ngài đề cao việc trau dồi sáu pháp Ba-la-mật (Pāramitā) bên trong mỗi con người. Hai tác phẩm chính của Ngài là Bodhicaryāvatāra (BCA) và *Śikṣāsamuccaya* (ŚS). Trong đó BCA là tác phẩm triết học vĩ đại được nhiều người đón nhận nhất. Nhiều nghi lễ tôn giáo Tây Tạng đã chịu ảnh hưởng từ tác phẩm này. BCA đã được dịch ít nhất 27 bản với nhiều ngôn ngữ khác nhau trên thế giới. Còn ŚS là tinh hoa trí tuệ khi tập hợp trích dẫn của hơn 100 kinh điển Đại thừa thông qua lời bình của chính tác giả.

Bodhicaryāvatāra (Nhập Bồ tát hạnh) là một công trình triết học vĩ đại của Sāntidevā. Tác phẩm còn được xếp vào hàng kiệt tác trong kinh điển Phật giáo nói riêng và cả nền tôn giáo Ấn Độ nói chung. Cấu trúc tác phẩm theo dạng thi kệ theo từng chương. Điều này cho thấy Sāntidevā không chỉ là Thánh Tăng mà còn là một nhà thơ tiếng Phạn tiêu biểu của trường Đại học Nalanda.

### THUẬT NGỮ BODHICITTA

Bodhicitta (Phạn: बोधिचित्त, Hán: 菩提心), dịch theo nghĩa tiếng Việt là Bồ đề tâm. Đây là một thuật ngữ chuyên môn phổ biến trong nền văn học Phạn ngữ của Phật giáo. Bodhicitta có thể được dịch là “tâm thức tỉnh” hoặc “tâm giác ngộ”. Đôi khi nó cũng được dịch là “tư tưởng của sự giác ngộ” [2]. Daśabhūmika Sūtra giải thích rằng sự phát khởi của Bồ đề tâm là bước đầu tiên trong sự nghiệp của Bồ tát [3]. Trong Mahāvibhāṣā – sāstra (Đại Tỳ Bà Sa), Bodhicitta xuất hiện với ý nghĩa là “*Suy nghĩ về giác ngộ*”, “*Tâm giác ngộ*”,



Hành giả phải phát khởi bồ đề tâm thì con đường tiến đến Phật quả mới có thể thành tựu viên mãn.

“*Ước mong giác ngộ*”, “*Ý chí giác ngộ*”.

Trong Phật giáo Nguyên thủy, mặc dù chưa có thuật ngữ Bodhicitta nhưng về tư tưởng, Bồ đề tâm cũng có có mặt trong *Majjhima-nikāya*, *Khuddaka-nikāya*, *Cariya Pitaka*, *Jātaka*... nói về sự phát nguyện thực hành Ba-la-mật của tiền thân nhiều vị Phật trong quá khứ. Đối với Phật giáo Đại thừa, Bodhicitta xuất hiện chính thống ngay trong những bản kinh Đại thừa đầu tiên như các kinh: *Pháp Hoa*, *Lăng Già*, *Nhập Pháp Giới*, *Thập Địa*, *Bát Thiên Tụng*, *Kim Quang Minh*, *Kinh Định Vương*, *Như Lai Bí Mật Kinh*, *Kinh Phổ Diệu*... Hành giả phải phát khởi Bồ đề tâm thì con đường tiến đến Phật quả mới có thể thành tựu viên mãn. Về phương diện tín ngưỡng hành trì, Bồ đề tâm càng phát khởi một cách mạnh mẽ. Trong tín ngưỡng Di Đà với pháp môn Tịnh độ, người hành trì phải có niềm tin, nhất hướng chuyên niệm và phát

Bồ đề tâm để cầu sanh Tây phương Cực lạc. Tín ngưỡng Dược Sư với tinh thần hướng đến việc thực hành các pháp Ba-la-mật. Ngoài ra còn có niềm tin về điện kiến Phật Di Lặc, lễ bái hình tượng Phật, thờ cúng Xá-lợi Phật trong bảo tháp, niềm tin về sự tồn tại nhiều vị Phật trong vô số thế giới càng làm tăng trường Bồ đề tâm.

Như vậy, dù Phật giáo Nguyên thủy hay Đại thừa và kể cả trong tín ngưỡng hành trì, tư tưởng Bồ đề tâm vẫn luôn chiếm một vị trí quan trọng. Điều đó cho thấy Bồ đề tâm là nền tảng căn bản nhất để phát sinh công đức, thành tựu đạo nghiệp một cách viên mãn.

### SỰ QUÝ BÁU CỦA THÂN NGƯỜI LÀ ĐIỀU KIỆN ĐỂ PHÁT KHỞI BỒ ĐỀ TÂM

Sāntideva khẳng định có được thân người là sở hữu một tài sản quý báu. Đây là điều kiện tiên quyết phải có để phát khởi Bồ đề tâm. Để có được thân người đầy



Dù Phật giáo nguyên thủy hay Đại thừa và kể cả trong tín ngưỡng hành trì, tư tưởng Bồ đề tâm vẫn luôn chiếm một vị trí quan trọng. Điều đó cho thấy Bồ đề tâm là nền tảng căn bản nhất để phát sinh công đức, thành tựu đạo nghiệp một cách viên mãn.

đủ thiện duyên phải hội đủ bốn yếu tố căn bản như sau: (1) Kết quả thiện nghiệp từ quá khứ, (2) Không rơi tám chương nạn [4], (3) Có chánh tri kiến, (4) Đây đủ mười tài phú [5]. Rõ ràng thân người có được thì vô cùng khó khăn. Đức Phật dùng nhiều hình ảnh ví dụ nói về sự quý báu để có được thân người. Ví như con rùa mù trăm năm nổi lên một lần chạm vào cái lỗ của khúc gỗ đang trôi lềnh bềnh trên biển [6]. Vì vậy, chúng ta được thân người, lại còn có đủ phước báu, duyên lành Phật pháp quả thật không thể nghĩ bàn được. Nhưng nếu chúng ta không sử dụng thân người để trao dồi phước đức trí tuệ, một khi mất thân người rồi thì vô cùng khó khăn mới lấy lại được.

Theo Sāntideva, có ba hạng người hình thành nên nhân cách phẩm vị, bao gồm:

(1) Hạng người hạ căn chỉ biết hưởng phước báu hữu lậu sức khỏe, sắc đẹp, tiền tài, sự nghiệp...

(2) Hạng người bình thường hưởng đến đời sống chấm dứt khổ đau trong hiện tại và sanh thiên trong tương lai (chưa thật sự viên mãn).

(3) Hạng người cao tột hướng đến Phật quả để hoàn thành hai mục đích là giác ngộ tối thượng và rộng độ chúng sanh.

Sāntideva chỉ ra phương pháp sử dụng thân người hiệu quả để hướng đến hạng người cao tột thứ ba thông qua hai cách là chiêm nghiệm những lợi ích của Bồ đề tâm và thực hành sáu pháp Ba-la-mật khi Bồ đề tâm được phát triển.

### MƯỜI LỢI ÍCH CỦA BỒ ĐỀ TÂM

Theo Sāntideva, Bồ đề tâm có mười lợi ích cao quý như sau:

(1) Chinh phục mọi ác nghiệp: *“Chúng sanh tuy trôi lăn trong sanh tử luân hồi, nhưng nhờ thân lực của Phật, lâu lâu cũng khởi một niệm nghĩ đến điều lành. Giống như trong đêm tối, bao phủ bởi mây đen,*

*ánh sáng của sám chóp lóe lên rồi liền tắt”* [7]. Bồ đề tâm được ví như là ánh sáng xóa tan màn đêm tăm tối. Bởi nghiệp chướng con người sâu nặng, tham sân si chi phối. Con người không thể làm chủ chính mình và luôn tạo ra tội lỗi. Chỉ có Bồ đề tâm mới giúp con người tăng trưởng những pháp thiện, mở rộng tâm hồn, thương yêu chúng sanh và chinh phục những ác nghiệp từ nhiều đời kiếp tích tụ.

(2) Đạt được hạnh phúc cao cả nhất. Sāntideva xem Bồ đề tâm như là *“Bảo vật”* mà chư Phật đã tìm cho chúng sanh từ vô lượng kiếp cho đến nay. Thực tập và phát triển Bồ đề tâm sẽ mang lại cho hành giả đi đến bến bờ an vui giải thoát. Chúng ta cần phải cố gắng thành tựu Bồ đề tâm là như vậy.

(3) Nguyên ước thành tựu. Theo Sāntideva, người có Bồ đề tâm tất nhiên sẽ phát khởi những nguyên ước chân chánh như: *“Thoát khỏi đau khổ của luân hồi, cứu độ chúng*

*sinh, an hưởng chân hạnh phúc”* và tất cả nguyện ước ấy sẽ thành tựu quả vị ngọt trong tương lai.

(4) Được danh xưng đặc biệt. Những người phát Bồ đề tâm sẽ được gọi là “*Con của đấng Thiện Thệ (Fils des Sugatas)*”. Nghĩa là bất cứ ai phát triển Bồ đề tâm, ngay khi đó trở thành con của Như Lai và được sự cung kính của chư Thiên và loài người. Vì sao được như vậy? Vì ba đời chư Phật đều thành tựu từ việc phát khởi Bồ đề tâm. Người thực hành và phát triển Bồ đề tâm tức đang hướng đến quả vị Phật trong tương lai.

(5) Giúp chuyển hóa từ người thấp kém thành người cao quý. Con người vốn mang thân tứ đại vô thường và bất tịnh. Nếu như chúng ta có Bồ đề tâm thì không chỉ tâm hồn thanh tịnh mà còn biến thân thể này trở nên trong sạch, trang nghiêm, thánh thiện “*vì như viên ngọc vô giá vì chứa đựng Đức Phật*”.

(6) Bồ đề tâm rất hiếm có khó tìm không dễ gì có được. “*Vì nó là hòn ngọc vô giá đã được kiểm chứng bởi các bậc Đạo sư giải thoát duy nhất*”. Vị Đạo sư đó chính là Đức Phật. Đức Phật như người chèo thuyền chờ theo Bồ đề tâm với tâm từ bi vô biên và phương tiện thiện xảo. Đây là phương pháp cao nhất để đạt được hạnh phúc và an vui tuyệt đối. Sāntideva đã đề cao giá trị cao quý của Bồ đề tâm. Người biết Bồ đề tâm để thực tập, phát khởi và hành trì phải là người hội đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên sâu dày mới có được.

(7) Công đức của Bồ đề tâm “*luôn luôn tăng trưởng, tiếp tục sinh*

*hoa kết trái không bao giờ tàn lụi*”. Giống như giọt nước rơi vào đại dương bao la sẽ không bao giờ mất đi cho đến khi bản thân của đại dương đó không còn nữa. Cũng vậy, người đã gieo hạt giống Bồ đề tâm sẽ là nhân tăng trưởng thêm vô lượng công đức cho đến khi nào giác ngộ giải thoát.

(8) Giải trừ những cơn hoạn nạn. “*Một người, dù cho có phạm nhiều tội nặng đi nữa, chỉ trong một chốc lát cũng có thể giải trừ được nếu biết trở về với Bồ đề tâm*”. Con người đã gây tạo nhiều điều tội lỗi từ quá khứ. Khi nhân duyên đầy đủ, quả báo sẽ xuất hiện thông qua những chướng nạn làm con người chịu vô vàng những khổ đau bế tắc. Trước những hiểm nguy đó, người có Bồ đề tâm sẽ không sợ hãi và vượt qua một cách dễ dàng. Với lợi ích này, Sāntideva đã quở trách những “*kẻ vô ý*” mới không hiểu, không biết, và không nương tựa Bồ đề tâm.

(9) Tiêu trừ nghiệp chướng. Khi Trái Đất rơi vào kiếp hoại, con người phải chịu những quả báo nặng nề từ nghiệp chướng đã gây tạo. Tuy nhiên, “*Bồ đề tâm có thể đốt cháy tất cả tội lỗi, nghiệp chướng trong chốc lát*”. Đó chính là ngọn lửa, sức mạnh của tình thương yêu, lòng từ bi có năng lực xóa tan những vô minh, tham ái, ích kỷ, sân hận, nghiệp chướng nhiều đời.

(10) Công đức vô lượng không thể nghĩ bàn và được chư Bồ tát tán thán. Trong *Kinh Hoa Nghiêm*, Đức Di Lặc (Maitreya) giảng cho Thiện Tài (Sudhana) về công đức vô lượng của người phát Bồ đề tâm là không thể suy lường được.

Trên đây là mười điều lợi ích của Bồ đề tâm cho những ai thực hành và phát khởi. Đó là nguồn cảm hứng quý giá mà chúng ta cần phải chiêm nghiệm để tăng trưởng lòng tin, phát nguyện, tinh tấn và thành tựu. Trong mười điều trên, chúng ta nên chọn một lợi ích tâm đắc nhất để thực tập quán chiếu trong thiền định và mọi hành động bên ngoài. Điều quan trọng là phải liên tục quán chiếu chiêm nghiệm không gián đoạn. Chúng ta cần phải chuẩn bị thông qua bốn việc như sau: Hiểu rõ lợi ích cao quý Bồ đề tâm, tích lũy vô số công đức từ việc hành trì tu tập, từ bỏ những điều xấu ác làm chướng duyên trên đường tu và hiểu biết phương pháp phát triển Bồ đề tâm. Có như vậy, từng ngày từng giờ, chúng ta mới có thể nuôi dưỡng Bồ đề tâm càng lúc càng tăng trưởng.

### PHÁT KHỞI BỒ ĐỀ TÂM TRONG ĐỜI SỐNG HẰNG NGÀY

Như vừa trình bày, Bồ đề tâm có mười điều lợi ích vô cùng cao quý mà nếu ai nuôi dưỡng và phát triển thì sẽ thành tựu công đức vô lượng không thể nghĩ bàn. Nói như vậy không phải chúng ta thực hành Bồ đề tâm chỉ để tăng trưởng công đức cho bản thân mình. Đó vẫn còn mang tính vị kỷ cá nhân. Và chắc chắn không phải là Bồ đề tâm chân chánh. Chúng ta hãy phát khởi tâm Bồ đề bằng chính lòng từ bi, thương yêu, đồng cảm, sẻ chia với từng cuộc đời, hoàn cảnh khổ đau của chúng sanh. Chúng ta cần phải từ bỏ đời sống hưởng thụ cá nhân. Con người khi có đầy đủ công danh, sự nghiệp, tiền tài, danh lợi thì chỉ biết sử dụng để thỏa mãn thú vui, dục vọng của chính mình. Hay nói



Tình thương yêu xuất phát từ Bồ đề tâm sẽ mãi lan tỏa hương thơm cho đời, xóa tan bao nỗi muộn phiền, góp phần xây dựng cõi Tịnh độ trong nhân gian.

cách khác, lối sống đề cao cái tôi đang là xu hướng tàn phá đạo đức, phẩm chất con người.

Chúng ta muốn Phát khởi Bồ đề tâm thì phải sống như người khác đang sống. Nghĩa là hòa nhập trong đời sống con người để hiểu và thương con người thực sự. Xung quanh chúng ta còn quá nhiều con người đau khổ, còn nhiều hoàn cảnh cần được giúp đỡ và còn quá nhiều việc làm cao quý cần làm để xây dựng xã hội tốt đẹp hơn. Hình ảnh các bác sĩ, nhân viên y tế, tình nguyện viên mặc áo bảo hộ vào trong khu cách ly, chăm sóc điều trị các bệnh nhân COVID-19; hay sáng kiến cây ATM gạo để cung cấp lương thực cho người dân cách ly; cho đến từng thùng mì, chai nước kịp thời trao đến bà con bị cô lập do mưa lũ miền Trung, hay chỉ đơn giản là hình ảnh bác tài xé xe tải che chắn cho một người khuyết tật qua đường an toàn trong dòng xe đang tấp nập, hay những tấm gương người tốt, việc tốt, giúp đỡ người trong hoạn nạn khổ đau là những minh chứng sống động

cho người phát khởi Bồ đề tâm trong cuộc đời. Họ chính là đang thực tập trên con đường hạnh Bồ tát. Bồ tát không ở nơi đâu xa mà ngay trong từng con người chúng ta có những hạt giống của Bồ đề tâm. Chúng ta hãy tận dụng những giây phút còn khỏe mạnh của kiếp người để dâng thân, phụng sự cho mọi người, cho quê hương đất nước bằng những việc làm cụ thể. Và tình thương yêu xuất phát từ Bồ đề tâm sẽ mãi lan tỏa hương thơm cho đời, xóa tan bao nỗi muộn phiền, góp phần xây dựng cõi Tịnh độ trong nhân gian.

#### Chú thích:

- [1] Buton là tác giả của tác phẩm được dịch sang Anh ngữ là *History of Buddhism in India and Tibet* được viết từ năm 1322 đến 1333. Taranātha là tác giả của tác phẩm được dịch sang Anh ngữ là *History of Buddhism in India* viết vào năm 1608.  
 [2] Das, Surya (1998), *Awakening the Buddha Within*: Trí tuệ Tây Tạng cho Thế giới Phương Tây, Sách Broadway, tr.149, ISBN 0-76790157-6.  
 [3] Wright, Dale S. (2016), *Giác ngộ Phật giáo là gì?*, Nxb. Đại học Oxford, tr.129ff, ISBN 9780190622596.  
 [4] Dayal Har (1970), *Giáo lý Bồ tát trong Văn học Phạn ngữ Phật giáo*, tr.50, Motilal Banarsidass Publ.  
 [5] Tám chương nạn gồm: địa ngục, nga

quỷ, súc sanh, sanh lên cõi trời Trường Thọ, sanh vào Bắc Cầu Lô Châu, đui điếc câm ngọng, thế trí biện thông, sinh trước và sau thời Đức Phật.

[6] Mười tài phủ bao gồm Năm điều bản thân là: (1) Được làm người, (2) Sinh vào trung thổ, (3) Sáu căn đầy đủ, (4) Không phạm tội ngũ nghịch, (5) Có niềm tin với Phật pháp. Và năm điều kiện môi trường là: (1) Sinh vào thời Đức Phật, (2) Vị Phật ấy hoằng truyền giáo pháp, (3) Giáo pháp ổn định và hưng thịnh, (4) Có hành giả đang thực hành chánh pháp, (5) Có hộ pháp hộ trì Phật pháp.

[7] HT. Thích Minh Châu Việt dịch, *Kinh Trung bộ*, tập III, kinh Hiền ngu - Bālapandita Sutta.

[8] Thích Trí Siêu (2015), *Bồ Tát hạnh*, Nxb. Hồng Đức, tr.1-2.

#### Tài liệu tham khảo:

1. HT. Thích Minh Châu (Việt dịch), *Kinh Trung bộ*, tập III, kinh Hiền ngu - Bālapandita Sutta.
2. Dalai Lama giảng giải, Đoàn Phụng Mệnh dịch (1999), *Một tia sáng chớp sáng trong đêm tối*, Bồ tát hạnh của Shantideva, Nxb. Thiện Tri Thức.
3. Das, Surya (1998), *Awakening the Buddha Within: Trí tuệ Tây Tạng cho Thế giới Phương Tây*, Sách Broadway, ISBN 0-76790157-6.
4. Wright, Dale S. (2016), *Giác ngộ Phật giáo là gì*, Nxb. Đại học Oxford, ISBN 9780190622596.
5. Har Dayal (1970), *Giáo lý Bồ tát trong Văn học Phạn ngữ Phật giáo*, Motilal Banarsidass Publ.
6. Thích Trí Siêu dịch (2015), *Bồ Tát hạnh*, Nxb. Hồng Đức.

# NHỚ VỀ ĐỨC BỒN SƯ TÂM TUỆ TRÒN ĐẦY



**T**hời gian thấm thoát đã năm năm kể từ ngày tôi rời nhà thế tục khoác lên mình màu áo thiền gia. Dưới sự giáo hóa của các thầy, tôi đã trở thành một tân Tỳ kheo trong ngôi nhà Như Lai (28 tuổi đời, 4 tuổi đạo). Hạnh phúc hơn nữa khi tôi đang theo học tại Học viện Phật giáo Việt Nam TP. Hồ Chí Minh. Nhân duyên vào đạo luôn là một điều thiêng liêng hy hữu, có ai ngờ người khai đạo cho tôi là một vị Ni sư tâm tuệ tròn đầy. Lời dạy của Ni sư giúp tôi đồng mãnh bỏ tham dục thế gian mà nổi gót bậc xuất trần Thượng sĩ.

Từ già tuổi hoa niên hồn nhiên, tôi nuôi chí xuất gia hoằng Thánh đạo. Lý tưởng ấy được hun đúc từ những lời pháp nhũ của một vị Ni sư mà tôi nghe lỏm được hàng đêm từ chiếc máy nghe pháp của mẹ. Từng lời giáo dạy thật gần gũi nhẹ nhàng đi vào tim tôi, *cho đi là còn mãi hay đừng so sánh mình với người khác rồi mặc cảm tự ti, mỗi người đều có tánh biết, có những phẩm chất riêng đáng quý, đang trân trọng.* Những lời ấy khiến tâm tôi rung động, tánh biết ngủ ngầm như được đánh thức, soi rọi tâm can.

Tôi bắt đầu theo dõi các việc làm của Ni sư qua truyền thông. Biết

được nhiều Phật sự mà Ni sư đã phụng sự cho đời, lòng tôi dâng lên niềm cảm phục. Ni sư trở thành động lực để tôi dần bước vào con đường xuất thế. Hiện lên trong tâm tưởng tôi luôn là hình ảnh một vị Ni sư giản dị với màu áo khiêm cung và nụ cười lan tỏa yêu thương, tận tình thân thiện với mọi người. Xúc động nhất là tôi biết một Phật tử nhờ nghe pháp của Ni sư mà tìm lại nguồn sống, bỏ đi ý định quyền sinh. Pháp thoại của Ni sư dành cho tất cả thanh thiếu niên học sinh, sinh viên, anh chị em công nhân viên chức, các doanh nhân, thậm chí cả hoa hậu và đặc biệt là người khiếm thị. Đường như





thành phần nào trong xã hội cũng được Ni sư quan tâm, giáo hóa, ai có duyên thì tu tập và sống an lành trong chánh pháp.

Từ những bài pháp và các hành trình thiện nguyện của người, tôi nhận ra đời tu sĩ thật là giá trị và hạnh phúc, muốn lập hạnh giống như Ni sư: “*Hoàng pháp vi gia vụ, lợi sanh vi bản hoài*”. Do vậy, tôi quyết định xuất gia theo bậc đại tăng khả kính tại một ngôi chùa ở vùng xa vào ngày Rằm tháng Tư năm 2016. Hạnh phúc biết bao khi tôi được học tại Học viện Phật giáo Việt Nam TP. Hồ Chí Minh và gặp lại Ni sư tại mái trường này. Không chỉ nhận

được tri thức mà tôi còn cảm nhận nguồn năng lượng của một sư giả Như Lai, nhiếp phục những rong ruổi, não phiền nơi tâm chúng tôi. Sư thường xuyên khuyến tấn Tăng Ni sinh trong pháp học pháp hành. Ni sư cũng chính là tấm gương tôn kính Bát kính pháp. Chúng tôi tuổi đạo còn non, tuổi đời còn trẻ, nhưng người lúc nào cũng khiêm cung, kính trọng Tăng Ni, hầu như Ni sư đứng suốt trong những tiết dạy tại lớp chúng tôi. Ngoài những bài giảng, tôi còn nhận được thâm tình đạo vị từ một vị Ni từ bi, chuẩn mực. Ni sư đã nuôi lớn trong tôi hạt giống Bồ Đề, những lời của người bình dị chân thật mà cứ bàng bạc như giọt

nước lành dương của ngài Bồ tát Quán Thế Âm cứu khổ ban vui.

Có thể nói, chính Ni sư Thích Nữ Hương Nhũ là động lực cho tôi đứng vào hàng ngũ xuất gia, đi trên con đường của bậc Thánh. Nhân ngày 20/11, sau khi dâng lời khấn tạ thầy bổn sư, tôi viết vội những dòng này lên trang giấy trắng nói lời tri ân Ni sư, người thầy đã tạo niềm tin lớn trong cuộc đời tu học của tôi. Kính nguyện Ni sư thân tâm đồng lạc, giáo nhân bất quyện, đạo quả viên thành.

**TM. Tăng sinh khoá 15 khoa Hoàng pháp - HVPGVN tại TP HCM**

## HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA



- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:    
- 02** Ấn nút  **TẢI ỨNG DỤNG TỪ Apple Store** hoặc  **TẢI ỨNG DỤNG TỪ Google Play**
- 03** Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng  **Butta**, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

# Phật Sự

[www.phatsuonline.tv.com](http://www.phatsuonline.tv.com)

# Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

**PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG**

quangminh  
CANDLE



THƯƠNG | ĐƯỢC  
HIỆU | YÊU  
NẾN | THÍCH  
NHẤT



quangminh  
CANDLE

NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,  
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835715

Hotline CSKH  
**0903 955 018**

[www.quangminhcandle.vn](http://www.quangminhcandle.vn)



# Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

